

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP HỒ CHÍ MINH**



BÙI QUANG ĐĂNG

**HOÀN THIỆN NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO
CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KẾ TOÁN QUẢN TRỊ
TẠI CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT Ở CÁC TỈNH
NAM TRUNG BỘ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

TP HỒ CHÍ MINH – Năm 2007

MỤC LỤC

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG, HÌNH

DANH MỤC CÁC BIỂU (PHỤ LỤC)

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

LỜI CẢM ƠN

MỞ ĐẦU

4

CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG BÁO CÁO KẾ TOÁN

4

1.1. BÁO CÁO KẾ TOÁN VÀ VAI TRÒ CỦA BÁO CÁO KẾ TOÁN

4

1.1.1. Định nghĩa báo cáo kế toán

4

1.1.2. Đối tượng sử dụng báo cáo tài chính

6

1.1.3. Đối tượng sử dụng báo cáo kế toán quản trị

7

1.2. MỤC ĐÍCH CỦA BÁO CÁO KẾ TOÁN

7

1.3. YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÁO CÁO KẾ TOÁN

8

1.3.1. Yêu cầu đối với báo cáo tài chính

8

1.3.2. Hệ thống báo cáo tài chính và những thông tin chủ yếu

13

1.3.3. Yêu cầu nội đối với báo cáo kế toán quản trị

15

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

16

CHƯƠNG 2 ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT

17

2.1. HỆ THỐNG KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP XỔ SỐ KIẾN THIẾT

17

2.1.1. Khái niệm về sổ số	17
2.1.2. Hoạt động sổ số kiến thiết	20
2.1.3. Đặc điểm tổ chức hạch toán kế toán tại các công ty sổ số kiến thiết	24
2.1.4. Đặc điểm tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán	28
2.1.5. Đặc điểm lập báo cáo tài chính tại các công ty sổ số kiến thiết	29
2.2. TÌNH HÌNH THỰC TẾ VỀ VIỆC ÁP DỤNG BÁO CÁO KẾ TOÁN TẠI CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT	31
2.2.1. Thực trạng lập báo cáo tài chính tại các công ty sổ số kiến thiết	31
2.2.2. Thực trạng lập báo cáo kế toán quản trị tại các công ty sổ số kiến thiết	34
2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT KHU VỰC NAM TRUNG BỘ	38
2.3.1. Đánh giá thực trạng lập báo cáo tài chính của các công ty sổ số kiến thiết khu vực Nam Trung bộ	38
2.3.2. Đánh giá thực trạng lập báo cáo quản trị của các công ty sổ số kiến thiết khu vực Nam Trung bộ	40
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2	41
CHƯƠNG 3 HOÀN THIỆN NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI CÁC CÔNG TY XSKT KHU VỰC NAM TRUNG BỘ	43
3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO QUẢN TRỊ VỚI VIỆC TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT KHU VỰC NAM TRUNG BỘ	43
3.1.1. Hoàn thiện lập báo cáo tài chính và quản trị giúp cho công ty có cơ sở thực tế xây dựng chiến lược phát triển	43
3.1.2. Hoàn thiện lập báo cáo tài chính và quản trị giúp cho cơ quan quản lý	

Nhà nước nắm được thực trạng sản xuất kinh doanh của công ty	44
3.2 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN NỘI DUNG LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ TẠI CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT	45
3.2.1. Lập báo cáo tài chính	45
3.3.2. Lập báo cáo quản trị	53
3.3 NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT ĐỂ THỰC HIỆN GIẢI PHÁP	80
3.3.1. Về phía ngành xổ số kiến thiết	80
3.3.2. Về phía các công ty xổ số kiến thiết	84
KẾT LUẬN	88
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	I
PHỤ LỤC	1

DANH MỤC CÁC BẢNG, HÌNH, BIỂU

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại các công ty xổ số kiến thiết khu vực Nam Trung bộ	25
Sơ đồ 2: Sơ đồ trình tự hạch toán tại các công ty xổ số kiến thiết	27

Sơ đồ 3: Quy trình lập bảng cân đối kế toán tại các công ty XSKT	31
Sơ đồ 4: Quy trình lập bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại các công ty xỏ số kiến thiết	32
Sơ đồ 5: Quy trình lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại các công ty xỏ số kiến thiết	33
Sơ đồ 6: Quy trình lập thuyết minh báo cáo tài chính tại các công ty xỏ số kiến thiết	34
Sơ đồ 7: Lập dự toán tổng hợp	57
Biểu 1 : Dự toán tiêu thụ năm 2007	61
Biểu 2 : Dự toán chi phí trả thưởng năm 2007	62
Biểu 3 : Dự toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý năm 2007	63
Biểu 4 : Dự toán chi phí trực tiếp phát hành năm 2007	64
Biểu 5 : Dự toán mua vào và tồn kho hàng hóa 2007	64
Biểu 6 : Dự toán tiền mặt năm 2007	65
Biểu 7 : Dự toán kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007	66
Biểu 8 : Dự toán bảng cân đối kế toán 2007	67
Bảng 1: Báo cáo phân tích doanh thu hoà vốn	71
Bảng 2: Báo cáo tình hình thực hiện chi phí sản xuất kinh doanh năm 2006	76
Bảng 3: Báo cáo tình hình SXKD, lao động, tiền lương và thu nhập năm 2006	77
Bảng 4: Báo cáo tình hình chi trả hoa hồng và hỗ trợ đại lý	78
Bảng 5: Báo cáo tình hình thực hiện kỳ nợ và thế chấp đại lý	78

DANH MỤC CÁC BIỂU (PHỤ LỤC)

Biểu 1: Bảng cân đối kế toán	1
Biểu 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	3
Biểu 3: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	4

Biểu 4: Thuyết minh báo cáo tài chính	5
Biểu 5: Tình hình tăng giảm tài sản cố định	16
Biểu 6: Hạch toán tổng hợp hoạt động kinh doanh xổ số	17
Biểu 7: Hạch toán vé xổ số	18
Biểu 8: Hạch toán thanh toán với đại lý vé số và doanh thu bán vé xổ số	19
Biểu 9: Hạch toán chi phí SXKD dở dang động kinh doanh xổ số	20
Biểu 10: Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	21
Biểu 11: Chi phí quản lý kinh doanh xổ số	22
Biểu 12: Biểu chi phí trả thưởng	23
Biểu 13: Kế hoạch tài chính	24
Biểu 14a: Kế hoạch tiêu thụ	25
Biểu 14b: Kế hoạch tiêu thụ chi tiết từng VPĐD	26
Biểu 15: Dự toán tiêu thụ chi tiết	27
Biểu 16a: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	28
Biểu 16b: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	30
Biểu 17: Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh	31
Biểu 18: Báo cáo tổng hợp tình hình phát hành, tiêu thụ, công nợ của từng bộ vé	32
Biểu 19: Sổ chi tiết tiền thanh toán với đại lý bán vé xổ số	33
Biểu 20: Hoá đơn thanh toán bán vé xổ số	34

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

- | | |
|----------|------------------|
| 1. BHXH: | Bảo hiểm xã hội |
| 2. CCDC: | Công cụ, dụng cụ |
| 3. ĐTDH: | Đầu tư dài hạn |
| 4. ĐTNH: | Đầu tư ngắn hạn |

5. GTGT:	Giá trị gia tăng
6. LKTĐN:	Lũy kế từ đầu năm
7. NSNN:	Ngân sách nhà nước
8. QTKD:	Quản trị kinh doanh
9. TK:	Tài khoản
10. TSCĐ:	Tài sản cố định
11. TSLĐ:	Tài sản lưu động
12. TW:	Trung ương
13. XDCCB:	Xây dựng cơ bản
14. XHCN:	Xã hội chủ nghĩa
15. XSKT:	Xổ số kiến thiết
16. VPĐD :	Văn phòng Đại diện
17. KHPH:	Kế hoạch phát hành
18. KTTV:	Kế toán tài vụ
19. KTTC:	Kế toán tài chính
20. KTQT:	Kế toán quản trị
21. VAS:	Chuẩn mực kế toán Việt Nam
22. IAS:	Chuẩn mực kế toán quốc tế
23. IASC:	Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế

LỜI MỞ ĐẦU

1. TÍNH CẤP THIẾT CỦA ĐỀ TÀI

Trong cơ chế quản lý kinh tế mới, các doanh nghiệp cần phải chủ động về hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung và hoạt động tài chính nói riêng. Muốn đứng vững và thắng thế trên thương trường, doanh nghiệp cần phải có những chính sách thích hợp. Điều kiện tiên quyết là phải thường xuyên tiến hành lập báo cáo tình hình tài chính,

quản trị nhằm đánh giá đúng đắn mọi hoạt động kinh tế trong trạng thái thực của chúng.

Báo cáo tài chính & quản trị được coi là một bức tranh toàn diện về tình hình tài chính, khả năng và sức mạnh của một doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định. Do đó, lập báo cáo tài chính & quản trị có ý nghĩa quan trọng không những đối với chủ doanh nghiệp mà còn đối với những người quan tâm đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như: các nhà đầu tư, nhà cho vay, nhà cung cấp, khách hàng...

Là doanh nghiệp Nhà nước, các công ty xố số kiến thiết thực hiện kinh doanh hoạt động xố số nhằm huy động nguồn vốn nhân rỗi trong nhân dân góp phần tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, để đầu tư cho các công trình phúc lợi xã hội. Trong quá trình kinh doanh, các công ty xố số kiến thiết được Nhà nước giao cho quản lý và sử dụng một lượng vốn bao gồm vốn cố định và vốn lưu động, các nguồn vốn bổ sung khác dựa trên nguyên tắc bảo đảm sử dụng vốn hiệu quả và tôn trọng các nguyên tắc tài chính, tín dụng, đặc biệt là tuân thủ pháp luật. Do vậy, việc thường xuyên lập báo cáo tài chính & quản trị sẽ giúp doanh nghiệp thấy được thực trạng tài chính, từ đó có những giải pháp hữu hiệu để tăng cường hiệu quả sản xuất kinh doanh nói chung.

Tuy nhiên trong thực tế tại các doanh nghiệp nói chung và các công ty xố số kiến thiết nói riêng, việc lập báo cáo tài chính & quản trị nhiều khi mang tính hình thức. Để góp phần khắc phục tồn tại hiện nay và từng bước đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý trong các công ty xố số kiến thiết nói riêng và các doanh nghiệp khác nói chung, tôi đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện nội dung lập báo cáo tài chính và quản trị tại các công ty xố số kiến thiết”*** làm đề tài luận văn cao học.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Đề tài này được nghiên cứu nhằm vào các mục đích sau:

- Góp phần làm rõ thêm một số vấn đề lý luận về lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị.

- Đánh giá thực trạng việc lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị của các công ty xố số kiến thiết, từ đó đề xuất các quan điểm có tính nguyên tắc cho việc hoàn thiện lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị nâng cao chất lượng của

việc quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả kinh doanh của các công ty xổ số kiến thiết.

- Nêu ra các giải pháp cơ bản nhằm hoàn thiện nội dung lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị tại các Công ty xổ số kiến thiết.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Luận văn lấy việc lập báo cáo tài chính & quản trị tại các công ty xổ số kiến thiết làm đối tượng nghiên cứu.

4. PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU

Luận văn sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu như: phương pháp duy vật biện chứng; phương pháp điều tra phân tích, hệ thống hóa; phân tích tổng hợp; phương pháp thực chứng để đối chiếu, đánh giá các vấn đề, sự kiện. Từ đó, nêu lên những ý kiến của bản thân mình.

5. DỰ KIẾN NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA ĐỀ TÀI

- Hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị tại công ty xổ số kiến.

- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị tại các công ty xổ số kiến thiết .

6. KẾT CẤU CỦA LUẬN VĂN

Luận văn ngoài phần mở đầu, kết luận, các phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, gồm có 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về hệ thống báo cáo kế toán.

Chương 2: Đánh giá thực trạng hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị tại các công ty xổ số kiến thiết.

Chương 3: Hoàn thiện nội dung, phương pháp lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị tại các công ty xổ số kiến thiết ở các tỉnh Nam Trung bộ.

CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG BÁO CÁO KẾ TOÁN

1.1. BÁO CÁO KẾ TOÁN VÀ VAI TRÒ CỦA BÁO CÁO KẾ TOÁN

1.1.1. Định nghĩa báo cáo kế toán

Ở Việt Nam, khi nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung, có rất nhiều định nghĩa báo cáo kế toán khác nhau:

“Báo cáo kế toán là phương pháp kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ kế toán theo các chỉ tiêu kinh tế về tình hình và kết quả kinh doanh, sử dụng vốn của đơn vị kế toán trong một thời kỳ nhất định vào một hệ thống mẫu biểu báo cáo quy định”⁽¹⁾.

“Báo cáo kế toán là phương pháp kế toán tổng hợp số liệu kế toán theo các chỉ tiêu kinh tế tài chính phản ánh tình hình tài sản tại một thời điểm và kết quả hoạt động kinh doanh của Xi nghiệp trong một thời kỳ nhất định vào một biểu mẫu báo cáo đã quy định”⁽²⁾.

Các định nghĩa trên đều thống nhất rằng báo cáo kế toán là một trong các phương pháp của kế toán được sử dụng để thực hiện các chức năng phản ánh và kiểm tra đối với đối tượng kế toán trong nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung.

Khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý nhà nước theo định hướng XHCN, quan niệm về báo cáo kế toán có sự thay đổi: *“Báo cáo kế toán định kỳ là những báo cáo tổng hợp nhất về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn, cũng như tình hình tài chính, kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp nhằm phục vụ các yêu cầu thông tin cho việc đề ra các quyết định của chủ doanh nghiệp, hội đồng quản trị doanh nghiệp, nhà đầu tư, người cho vay hiện tại, tương lai và các cơ quan, tổ chức chức năng”⁽³⁾.*

Chú thích:

- (1) Vũ Huy Cầm, (Trường ĐH Tài chính kế toán), *Giáo trình kế toán công nghiệp (Lưu hành nội bộ)*, Hà nội, 1982, trang 261, 262
- (2) Dương Nhạc, (Trường ĐH Tài chính kế toán), *Kế toán xí nghiệp sản xuất* (tập II), NXB Thống kê, Hà nội, 1991, trang 184
- (3) *Chế độ báo cáo kế toán định kỳ áp dụng cho doanh nghiệp* (Ban hành theo quyết định số 1206-TC/CĐKT ngày 14/12/1994 của Bộ Tài Chính)

Hiện nay, kế toán được phân chia thành kế toán tài chính và kế toán quản trị theo định hướng xử lý và cung cấp thông tin gắn liền với yêu cầu quản lý nội bộ và đáp ứng cho nhu cầu của các đối tượng khác bên ngoài. Kết quả của kế toán quản trị là hệ thống báo cáo nội bộ phục vụ cho yêu cầu hoạch định, kiểm soát và ra quyết định của bản thân đơn vị kế toán.

Ở quyết định số 1141-TC/QĐ/CĐKT, ban hành ngày 1/1/1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thuật ngữ “*Báo cáo tài chính*” lần đầu tiên được sử dụng trong văn bản pháp quy về kế toán Việt Nam.

Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) cũng xác định “*Báo cáo tài chính được soạn thảo và trình bày cho những người sử dụng bên ngoài bởi các doanh nghiệp trên thế giới*”

Theo chuẩn mực kế toán quốc tế “*Báo cáo tài chính là nhằm biểu thị theo một cấu trúc chặt chẽ tình hình tài chính và các nghiệp vụ giao dịch của một doanh nghiệp*”.

Theo chuẩn mực số 21 “*Trình bày báo cáo tài chính*” thì “*Báo cáo tài chính phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*”. Hệ thống báo cáo tài chính cung cấp những thông tin tổng hợp về tình hình tài sản, nguồn vốn cũng như tình hình về kết quả kinh doanh để phục vụ cho nhu cầu quản lý bản thân doanh nghiệp và các đối tượng khác bên ngoài doanh nghiệp và chủ yếu là các đối tượng khác bên ngoài doanh nghiệp.

Theo quan điểm cá nhân, chúng tôi cho rằng trong nền kinh tế thị trường vận hành theo cơ chế thị trường, báo cáo kế toán có thể được định nghĩa như là một hệ thống thông tin đã được xử lý bởi hệ thống kế toán nhằm cung cấp những thông tin tài chính có ích cho những người sử dụng để ra các quyết định kinh tế.

Tùy theo đối tượng sử dụng thông tin kế toán mà hệ thống báo cáo kế toán được chia thành hệ thống báo cáo tài chính cung cấp cho tất cả các đối tượng sử dụng bên

ngoài doanh nghiệp và hệ thống báo cáo kế toán quản trị - chỉ cung cấp cho các đối tượng sử dụng trong nội bộ doanh nghiệp.

1.1.2. Đối tượng sử dụng báo cáo tài chính

- Tại đoạn 9, trong báo cáo về “*Khuôn khổ để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính*”, Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) xác định:

“Những người sử dụng báo cáo tài chính gồm các nhà đầu tư hiện tại, những người làm thuê, các nhà cho vay, các nhà cung cấp, các chủ nợ thương mại khác, các khách hàng, nhà nước và các cơ quan của nó và cộng đồng. Họ dùng báo cáo tài chính để đáp ứng nhu cầu thông tin khác nhau của họ”

+ Các nhà đầu tư: những người cung cấp vốn và các cổ vấn của họ quan tâm đến những rủi ro và những lợi tức mang lại từ sự đầu tư của họ.

+ Những người làm thuê: quan tâm đến những thông tin về sự ổn định và khả năng sinh lời của doanh nghiệp, đảm bảo cuộc sống của công nhân.

+ Các nhà cho vay: quan tâm đến những thông tin cho phép họ xác định có cho vay (hay không), tiền lãi sẽ được trả khi đến hạn hay không.

+ Các nhà cung cấp và các chủ nợ khác: quan tâm đến những thông tin cho phép họ xác định xem số tiền họ đang làm chủ sẽ được trả khi đến hạn hay không.

+ Các chủ nợ có thể quan tâm đến một doanh nghiệp qua một kỳ ngắn hơn các nhà cho vay trừ khi họ phụ thuộc vào sự liên tục của doanh nghiệp như một khách hàng thứ yếu.

+ Các khách hàng: quan tâm đến những thông tin về sự liên tục của một doanh nghiệp, đặc biệt khi họ có sự liên quan lâu dài hoặc bị phụ thuộc vào doanh nghiệp.

+ Nhà nước và các cơ quan nhà nước: quan tâm đến việc sử dụng tài nguyên, họ đòi hỏi thông tin để điều chỉnh các hoạt động của các doanh nghiệp, xác định chính sách thuế cũng như làm căn cứ để thống kê thu nhập của quốc gia và các thống kê tương tự.

+ Cộng đồng: các doanh nghiệp ảnh hưởng đến các thành viên của cộng đồng theo nhiều cách khác nhau như sự đóng góp quan trọng của doanh nghiệp vào sự phát triển kinh tế địa phương, giải quyết thất nghiệp, môi trường...

1.1.3. Đối tượng sử dụng báo cáo kế toán quản trị

Khác với báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị được soạn thảo và trình bày nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của đối tượng sử dụng trong nội bộ doanh nghiệp - các nhà quản lý.

Vai trò chủ yếu của nhà quản lý là ra quyết định, để thực hiện được vai trò này các nhà quản lý cần thông tin, nhu cầu thông tin có được từ nhiều nguồn, một trong những nguồn cung cấp thông tin cho các nhà quản lý là kế toán quản trị

Đối với tất cả các doanh nghiệp, các nhà quản lý cần 3 thông tin sau:

- Thông tin phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch để đạt được mục tiêu hoạt động doanh nghiệp.

- Thông tin phục vụ cho việc kiểm soát các hoạt động thường xuyên của các doanh nghiệp để chỉ đạo hoạt động nhằm thực hiện kế hoạch đã đề ra.

- Thông tin phục vụ cho việc chứng minh các quyết định đặc biệt trong quá trình hoạt động. Đối với các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ, các nhà quản lý còn cần loại thông tin về giá thành sản phẩm, dịch vụ.

1.2. MỤC ĐÍCH CỦA BÁO CÁO KẾ TOÁN

Mục đích của báo cáo tài chính được Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB) xác định là cung cấp thông tin về tình hình tài chính (chủ yếu trong bảng cân đối kế toán); kết quả hoạt động kinh doanh (Cung cấp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) và những thay đổi về tình hình tài chính của doanh nghiệp, giúp đánh giá các hoạt động kinh doanh, đầu tư tài chính trong kỳ, giúp dự đoán khả năng tạo ra tiền và nhu cầu sử dụng tiền trong tương lai (Báo cáo lưu chuyển tiền tệ).

Ở Việt Nam mục đích của báo cáo tài chính được xác định tại chuẩn mực số 21– Trình bày báo cáo tài chính tại điều 5 khoản mục quy định chung là “*Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp*”.

Ngoài các thông tin này, doanh nghiệp còn phải cung cấp các thông tin khác trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính nhằm giải trình thêm về các chỉ tiêu đã phản ánh trên các báo cáo tài chính tổng hợp và các chính sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày báo cáo tài chính.

1.3. YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÁO CÁO KẾ TOÁN

1.3.1. Yêu cầu đối với báo cáo tài chính

✓ *Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính:*

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phải tuân thủ các yêu cầu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 “*Trình bày báo cáo tài chính*” gồm:

- Trung thực và hợp lý.
- Lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp với quy định của từng chuẩn mực kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thích hợp với nhu cầu ra quyết định kinh tế của người sử dụng và cung cấp thông tin đáng tin cậy, khi:
 - + Trình bày trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
 - + Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng.
 - + Trình bày khách quan không thiên vị.
 - + Tuân thủ nguyên tắc thận trọng.
 - + Trình bày đầy đủ mọi khía cạnh trọng yếu.

✓ *Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính*

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phải tuân thủ sáu nguyên tắc quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 “*Trình bày báo cáo tài chính*” gồm: Hoạt động liên tục, cơ sở dồn tích, nhất quán, trọng yếu, tập hợp, bù trừ và có thể so sánh được.

- Hoạt động liên tục: Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, trừ khi doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình. Khi đánh giá, nếu Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp biết được có những điều không chắc chắn liên quan đến các sự kiện hoặc các điều kiện có thể gây ra nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp thì những điều không chắc chắn đó cần được nêu rõ, cùng với cơ sở dùng để lập báo cáo tài chính và lý do khiến cho doanh nghiệp không được coi là đang hoạt động liên tục.

Để đánh giá khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp, Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp cần phải xem xét đến mọi thông tin có thể dự đoán được tối thiểu trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Cơ sở dồn tích: Doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo cơ sở kế toán dồn tích, ngoại trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền.

Theo cơ sở kế toán dồn tích, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi nhận vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của các kỳ kế toán liên quan. Các khoản chi phí được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Tuy nhiên việc áp dụng nguyên tắc phù hợp không cho phép ghi nhận trên bảng cân đối kế toán những khoản mục không thỏa mãn định nghĩa về tài sản hoặc nợ phải trả.

- Nhất quán: Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác, trừ khi:

+ Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hoặc khi xem xét lại việc trình bày báo cáo tài chính cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện; hoặc:

+ Một chuẩn mực kế toán khác yêu cầu có sự thay đổi trong việc trình bày.

Doanh nghiệp có thể trình bày báo cáo tài chính theo một cách khác khi mua sắm hoặc thanh lý lớn các tài sản, hoặc khi xem xét lại cách trình bày báo cáo tài chính.

Việc thay đổi cách trình bày báo cáo tài chính chỉ được thực hiện khi cấu trúc trình bày mới sẽ được duy trì lâu dài trong tương lai hoặc nếu lợi ích của cách trình bày mới được xác định rõ ràng. Khi có thay đổi thì doanh nghiệp phải phân loại các thông tin mang tính so sánh cho phù hợp với các qui định và phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

- Trọng yếu và tập hợp: Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

Khi trình bày báo cáo tài chính, một thông tin được coi là trọng yếu nếu không trình bày hoặc trình bày thiếu chính xác của thông tin đó có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính. Tính trọng yếu phụ thuộc vào quy mô và tính chất của các khoản mục được đánh giá trong các tình huống cụ thể nếu các khoản mục này không được trình bày riêng biệt. Để xác định một khoản mục hay một tập hợp các khoản mục là trọng yếu phải đánh giá tính chất và quy mô của chúng. Tùy theo các tình huống cụ thể, tính chất hoặc quy mô của từng khoản mục có thể là nhân tố quyết định tính trọng yếu.

Nếu một khoản mục không mang tính trọng yếu, thì nó được tập hợp với các khoản đầu mục khác có cùng tính chất hoặc chức năng trong báo cáo tài chính hoặc trình bày trong phần thuyết minh báo cáo tài chính. Tuy nhiên có những khoản mục

không được coi là trọng yếu để có thể được trình bày riêng biệt trên báo cáo tài chính, nhưng được coi là trọng yếu để phải trình bày riêng biệt trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

- Bù trừ: các khoản mục tài sản và nợ phải trả trình bày trên báo cáo tài chính không được bù trừ, trừ khi chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ.

Các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí chỉ được bù trừ khi :

+ Được quy định tại một chuẩn mực kế toán khác; hoặc:

+ Các khoản lãi, lỗ và các chi phí liên quan phát sinh từ các giao dịch và các sự kiện giống nhau hoặc tương tự và không có tính trọng yếu. Các khoản này cần được tập hợp lại với nhau phù hợp với quy định.

Các tài sản và nợ phải trả, các khoản thu nhập và chi phí có tính trọng yếu phải được báo cáo riêng biệt. Việc bù trừ các số liệu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc Bảng cân đối kế toán, ngoại trừ trường hợp việc bù trừ này phản ánh bản chất của giao dịch hoặc sự kiện, sẽ không cho phép người sử dụng hiểu được các giao dịch hoặc sự kiện được thực hiện và dự tính được các luồng tiền trong tương lai của doanh nghiệp.

Chuẩn mực kế toán số 14 “*Doanh thu và thu nhập khác*” quy định doanh thu phải được đánh giá theo giá trị hợp lý của những khoản đã thu hoặc có thể thu được, trừ đi tất cả các khoản giảm trừ doanh thu. Trong hoạt động kinh doanh thông thường, doanh nghiệp thực hiện những giao dịch khác không làm phát sinh doanh thu, nhưng có liên quan đến các hoạt động chính làm phát sinh doanh thu. Kết quả của các giao dịch này sẽ được trình bày bằng cách khấu trừ các khoản chi phí có liên quan phát sinh trong cùng một giao dịch vào khoản thu nhập tương ứng, nếu cách trình bày này phản ánh đúng bản chất của các giao dịch hoặc sự kiện đó. Chẳng hạn như:

+ Lãi và Lỗ phát sinh trong việc thanh lý các tài sản cố định và đầu tư dài hạn, được trình bày bằng cách khấu trừ giá trị ghi sổ của tài sản và các khoản chi phí thanh lý có liên quan vào giá bán tài sản;

+ Các khoản chi phí được hoàn lại theo thỏa thuận hợp đồng với bên thứ ba (ví dụ hợp đồng cho thuê lại hoặc thầu lại) được trình bày theo giá trị thuần sau khi đã khấu trừ đi khoản được hoàn trả tương ứng;

Các khoản lãi và lỗ phát sinh từ một nhóm các giao dịch tương tự sẽ được hạch toán theo giá trị thuần, ví dụ như các khoản lãi và lỗ do chênh lệch tỷ giá, lãi và lỗ phát sinh từ mua, bán các công cụ tài chính vì mục đích thương mại. Tuy nhiên, các khoản lãi và lỗ này cần được trình bày riêng biệt nếu quy mô, tính chất hoặc tác động của chúng yêu cầu phải được trình bày riêng biệt theo qui định của Chuẩn mực “*Lãi, lỗ thuần trong kỳ, các sai sót cơ bản và các thay đổi trong chính sách kế toán*”.

- Có thể so sánh được:

+ Các thông tin bằng số liệu trong báo cáo tài chính nhằm để so sánh giữa các kỳ kế toán phải được trình bày tương ứng với các thông tin bằng số liệu trong báo cáo tài chính của kỳ trước. Các thông tin so sánh cần phải bao gồm cả các thông tin diễn giải bằng lời nếu điều này là cần thiết giúp cho những người sử dụng hiểu rõ được báo cáo tài chính của kỳ hiện tại.

+ Khi thay đổi cách trình bày hoặc cách phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính, thì phải phân loại lại các số liệu so sánh (trừ khi việc này không thể thực hiện được) nhằm đảm bảo khả năng so sánh với kỳ hiện tại, và phải trình bày tính chất, số liệu và lý do việc phân loại lại. Nếu không thể thực hiện được việc phân loại lại các số liệu tương ứng mang tính so sánh thì doanh nghiệp cần phải nêu rõ lý do và tính chất của những thay đổi nếu việc phân loại lại các số liệu được thực hiện.

+ Trường hợp không thể phân loại lại mang tính so sánh để so sánh với kỳ hiện tại, như trường hợp mà cách thức thu thập các số liệu trong các kỳ trước đây không cho phép thực hiện việc phân loại lại để tạo ra những thông tin so sánh, thì doanh nghiệp cần phải trình bày tính chất của các điều chỉnh lẽ ra cần phải thực hiện đối với các thông tin số liệu mang tính so sánh. Chuẩn mực “*Lãi, lỗ thuần trong kỳ, các sai sót cơ bản và các thay đổi trong chính sách kế toán*” đưa ra quy định về các điều chỉnh cần

được thực hiện đối với các thông tin mang tính so sánh trong trường hợp các thay đổi về chính sách kế toán được áp dụng cho các kỳ trước.

1.3.2. Hệ thống báo cáo tài chính và những thông tin chủ yếu

Ngày 20/03/2006, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ký quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước từ năm tài chính 2006.

- | | |
|--|-------------------|
| - Bảng cân đối kế toán | - Mẫu số B01 – DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | - Mẫu số B02 – DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | - Mẫu số B03 – DN |
| - Thuyết minh báo cáo tài chính | - Mẫu số B09 – DN |

Nội dung, phương pháp tính toán, hình thức trình bày các chỉ tiêu trong từng báo cáo qui định trong chế độ này được áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp trong phạm vi cả nước.

Thông tin trình bày trên hệ thống báo cáo tài chính Việt Nam về cơ bản cũng tương đồng với những qui định trong chuẩn mực kế toán quốc tế. Để đạt được mục đích của báo cáo tài chính, những thông tin sau cần phải trình bày trên báo cáo tài chính:

- Tên và địa chỉ của doanh nghiệp lập báo cáo.
- Nêu rõ báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của doanh nghiệp riêng hay báo cáo tài chính hợp nhất của tập đoàn.
- Kỳ báo cáo.
- Ngày lập báo cáo tài chính.
- Đơn vị tiền tệ dùng để lập báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính phát họa những ảnh hưởng tài chính của các giao dịch, các sự kiện bằng cách tập hợp chúng lại thành các khoản mục lớn theo tính chất kinh tế của

chúng. Những khoản mục này được gọi là các yếu tố của báo cáo tài chính, và cũng chính là những thông tin cơ bản cần phải trình bày trên các báo cáo tài chính. Cụ thể:

- Thông tin chủ yếu trên Bảng cân đối kế toán là tài sản và nguồn vốn. Trong đó, tài sản bao gồm TSLĐ và TSCĐ, nguồn vốn bao gồm nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

- Thông tin chủ yếu sau trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm có Thu nhập (bao gồm cả doanh thu và lãi), Chi phí (bao gồm các khoản lỗ cũng như các chi phí phát sinh trong chu kỳ hoạt động kinh doanh bình thường của doanh nghiệp: giá vốn hàng bán).

Các thông tin trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chính là các yếu tố của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và sự biến động của các yếu tố trên Bảng cân đối kế toán. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trình bày các luồng tiền trong chu kỳ được phân loại thành các hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính theo cách thức phù hợp nhất với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Những thông tin chủ yếu của thuyết minh báo cáo tài chính là phần trình bày khái quát về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nội dung một số chế độ kế toán được doanh nghiệp lựa chọn để áp dụng, tình hình và lý do biến động của một số đối tượng tài sản và nguồn vốn quan trọng, phân tích một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu và các kiến nghị của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải trình bày đầy đủ các chỉ tiêu theo nội dung đánh giá qui định trong thuyết minh báo cáo tài chính. Ngoài ra, doanh nghiệp cũng có thể trình bày thêm các nội dung khác nhằm giải thích chi tiết hơn tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.3.3. Yêu cầu đối với báo cáo kế toán quản trị

Khác với báo cáo tài chính, thông tin trên báo cáo quản trị không chịu sự chi phối của các nguyên tắc, các chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung. Tiêu chuẩn duy nhất đối với thông tin trên báo cáo quản trị là tính có ích của thông tin.

- Theo thông tư số 53/2006/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị tại điều 6 phần I có quy định về yêu cầu thiết lập hệ thống báo cáo kế toán quản trị như sau:

+ Hệ thống báo cáo kế toán quản trị cần phải xây dựng phù hợp yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ quản lý nội bộ của từng doanh nghiệp cụ thể.

+ Nội dung hệ thống báo cáo kế toán quản trị cần đảm bảo cung cấp đầy đủ và đảm bảo tính so sánh được của các thông tin phục vụ yêu cầu quản lý, điều hành và ra các quyết định kinh tế của doanh nghiệp.

+ Các chỉ tiêu trong báo cáo kế toán quản trị cần phải được thiết kế phù hợp với các chỉ tiêu của kế hoạch, dự toán và báo cáo tài chính nhưng có thể thay đổi theo yêu cầu quản lý của các cấp.

Hệ thống báo cáo kế toán quản trị: Hệ thống báo cáo kế toán quản trị chủ yếu của một doanh nghiệp thường bao gồm:

➤ ***Báo cáo tình hình thực hiện:***

- Báo cáo doanh thu, chi phí và lợi nhuận của từng loại sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;

- Báo cáo khối lượng hàng hoá mua vào và bán ra trong kỳ theo đối tượng khách hàng, giá bán, chiết khấu và các hình thức khuyến mại khác;

- Báo cáo chi tiết khối lượng sản phẩm (dịch vụ) hoàn thành, tiêu thụ;

- Báo cáo chấp hành định mức hàng tồn kho;

- Báo cáo tình hình sử dụng lao động và năng suất lao động;

- Báo cáo chi tiết sản phẩm, công việc hoàn thành;

- Báo cáo cân đối nhập, xuất, tồn kho nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hoá;

- Báo cáo chi tiết nợ phải thu theo thời hạn nợ, khách nợ và khả năng thu nợ;

- Báo cáo chi tiết các khoản nợ vay, nợ phải trả theo thời hạn nợ và chủ nợ;

- Báo cáo bộ phận lập cho trung tâm trách nhiệm;

- Báo cáo chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu.

➤ **Báo cáo phân tích:**

- Phân tích mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng và lợi nhuận;
- Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp;
- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất và tài chính;

Ngoài ra, căn cứ vào yêu cầu quản lý, điều hành của từng giai đoạn cụ thể, doanh nghiệp có thể lập các báo cáo kế toán quản trị khác.

KẾT LUẬN

Hệ thống báo cáo kế toán như là kết quả xử lý thông tin của hệ thống kế toán nhằm cung cấp những thông tin tài chính có ích cho những người sử dụng để đề ra các quyết định kinh tế. Tùy đối tượng sử dụng mà hệ thống báo cáo kế toán được phân biệt thành hệ thống báo cáo tài chính và hệ thống báo cáo kế toán quản trị. Từng hệ thống báo cáo có đối tượng sử dụng cùng nhu cầu thông tin cụ thể khác nhau; có mục đích cụ thể khác nhau; có yêu cầu cụ thể khác nhau. Định hướng phát triển của từng hệ thống chịu sự chi phối của môi trường kế toán cụ thể, gắn với không gian và thời gian cụ thể.

CHƯƠNG 2

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT

2.1. HỆ THỐNG KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP XỔ SỐ KIẾN THIẾT

2.1.1. Khái niệm về xổ số

- Với từ điển Anh - Anh, Xổ số được đề cập như sau: *“Prizes to the holders of numbers selected at random”* (Cách thu gom tiền bằng bán vé và tặng giải cho những người có vé được chọn ra một cách ngẫu nhiên).

- Còn các nhà kinh tế Thụy Sĩ cho rằng *“Xổ số là một hình thức rút thưởng theo vận may, với mục đích dành lấy tiền thưởng hoặc một quyền lợi nào đó”*.

- Riêng các nhà Tài chính Việt Nam có đưa ra khái niệm sau *“Xổ số là hoạt động vui chơi giải trí có thưởng, được Nhà nước tổ chức và quản lý chặt chẽ để huy động các nguồn tiền nhàn rỗi trong dân cư đáp ứng cho các mục tiêu phúc lợi xã hội”*.

- Nước Úc cho rằng *“Xổ số là hoạt động vui chơi ăn tiền, là một thực trạng xã hội. Nhà nước nhận trách nhiệm đứng ra tổ chức cho nhân dân vui chơi theo đúng luật pháp, nhằm đảm bảo quyền lợi của người vui chơi; Đồng thời qua đó thu tiền để sử dụng cho những công việc lợi ích chung toàn xã hội”*.

- Đối với người Pháp *“Xổ số là các trò chơi ngẫu nhiên, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của dân chúng đồng thời tạo nguồn thu cho ngân sách”*.

Riêng ở nước ta *“Bản chất hoạt động Xổ số là một biện pháp tài chính quan trọng để động viên thu nhập quốc dân, phát triển nền kinh tế xã hội”*. Nghĩa là trước hết hoạt động xổ số là để quyên góp một cách tự nguyện, nếu gặp cơ hội thì sẽ trúng thưởng, một hình thức phân phối lại thu nhập quốc dân; và số tiền quyên góp được sử dụng để xây dựng và phát triển nhu cầu phúc lợi xã hội của nhân dân.

Từ những lập luận trên, theo quan điểm riêng của tác giả *“Xổ số là một hoạt động*

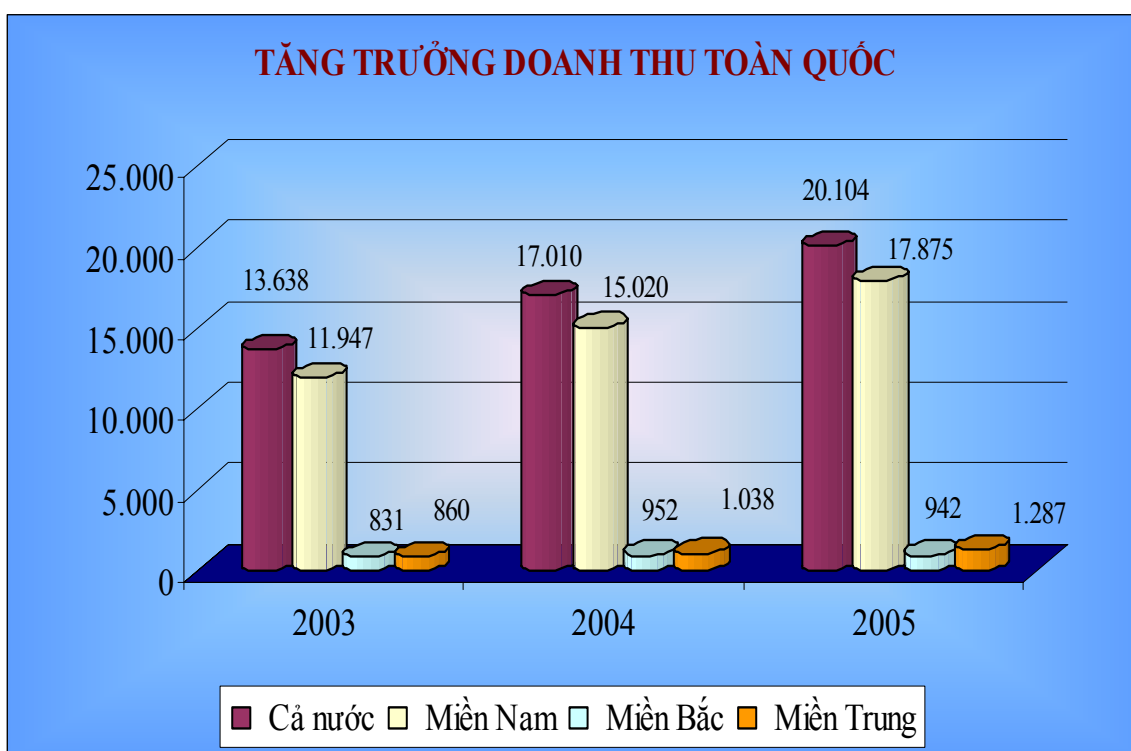
vui chơi giải trí theo vận may mang tính xác suất, nhằm tạo nguồn vốn đáp ứng cho việc đầu tư và xây dựng các công trình phúc lợi xã hội”. Định nghĩa như thế, cho phép hàm chứa đầy đủ những khía cạnh kinh tế, xã hội của chính công cụ đó, vì các nước trên thế giới cũng như nước ta, Chính phủ, các nhà phát hành đều xác định trước số thuế phải nộp, chi phí hoạt động và tỉ lệ trả thưởng cụ thể cho một tổng doanh thu cho mỗi đợt phát hành.

Trên thế giới, hoạt động xổ số kiến thiết đã có từ lâu và hiện nay đã phát triển trên hơn 100 quốc gia, nó đã trở thành một ngành dịch vụ giải trí, giải quyết công ăn việc làm cho hàng triệu người lao động, tạo ra hàng tỷ USD cho ngân sách quốc gia, nhiều quốc gia đã xem hoạt động xổ số kiến thiết là ngành đầu tư ít nhất nhưng mang lại nguồn thu đáng kể cho ngân sách quốc gia.

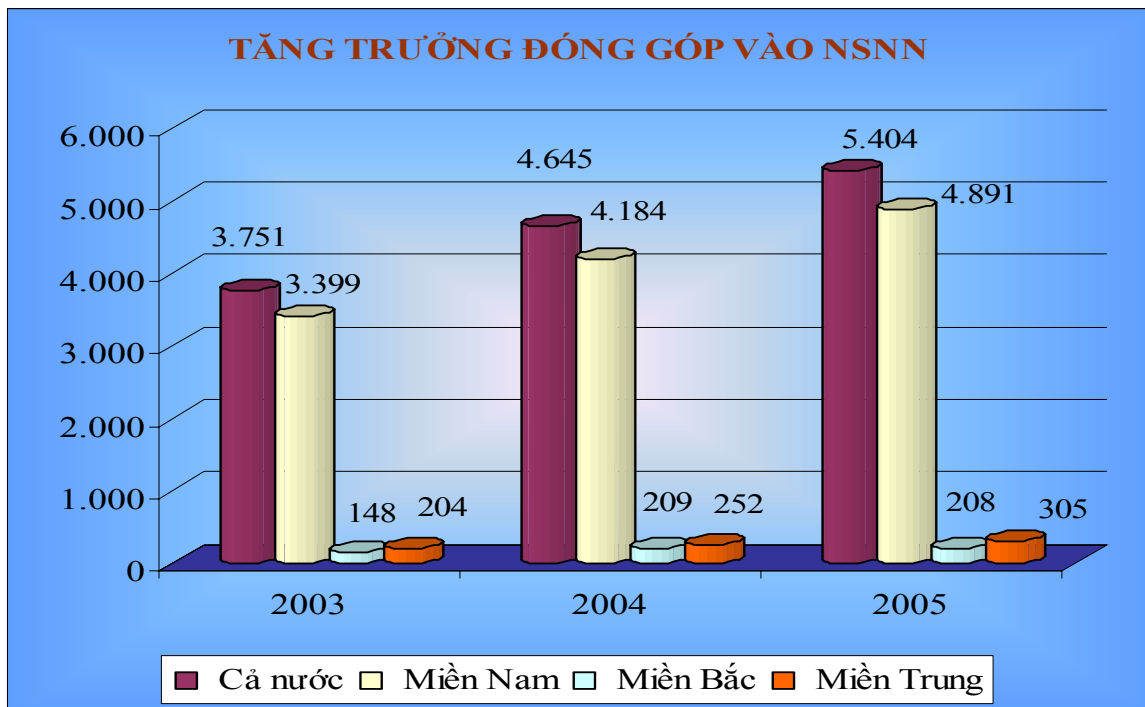
Ở Việt Nam, từ năm 1962 hoạt động xổ số kiến thiết mới bắt đầu phát triển, nhưng chỉ tập trung ở các đô thị và những nơi đông dân cư. Đến khi Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) ban hành chỉ thị số 148/CT ngày 21/05/1982 và chỉ thị 228/CT ngày 14/06/1986 về việc thống nhất sự lãnh đạo, quản lý và phát hành xổ số kiến thiết trong cả nước thì ngành Xổ số kiến thiết Việt Nam mới có những bước nhảy vọt, thu nộp ngân sách năm sau đều cao hơn năm trước.

Hiện nay, cả nước có 63 công ty XSKT và 01 Ban xổ số kiến thiết (Ban XSKT Bắc Kạn) đều thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước. 57 Công ty hoạt động theo mô hình công ty Nhà nước; 6 Công ty hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Nhà nước một thành viên (Công ty XSKT Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Tây Ninh, Thủ Đức, Thừa Thiên Huế). Các công ty XSKT đã thực sự chuyển sang kinh doanh và hạch toán độc lập, tự chịu trách nhiệm trước khách hàng, chủ sở hữu và pháp luật về kết quả kinh doanh. Ngành nghề kinh doanh của các Công ty chủ yếu là xổ số kiến thiết. Một số công ty kinh doanh thêm ngành nghề khác như in ấn, du lịch, dịch vụ (công ty XSKT Bình Dương, Đồng Nai, Kiên Giang, Đà Nẵng, Lào Cai, Điện Biên).

Kể từ sau Hội nghị tổng kết công tác xổ số kiến thiết toàn quốc diễn ra vào cuối năm 2003, thị trường xổ số trong cả nước đã tăng trưởng liên tục với tốc độ cao, tính bình quân tốc độ phát triển đạt trên 22%/năm (giai đoạn 1997- 2003 tốc độ bình quân đạt 17%). Tuy nhiên, mức độ phát triển giữa các khu vực vẫn không đồng đều, tỷ trọng của khu vực miền Bắc và miền Trung còn thấp so với khu vực miền Nam (tổng doanh thu của khu vực miền Nam so với cả nước đã tăng từ 87% năm 2003 lên 89% năm 2005).



Thu ngân sách từ hoạt động XSMT liên tục tăng qua các năm. Nhiều địa phương số thu từ hoạt động xổ số tiếp tục chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng thu của ngân sách địa phương như: Tây Ninh 33%, Vĩnh Long 38%, Đồng Tháp 25%, Bạc Liêu 30%, Bến Tre 30%, Tiền Giang 29%, Long An 24%, Sóc Trăng 24%, Trà Vinh 35%



2.1.2. Hoạt động xổ số kiến thiết

➤ Tổ chức thị trường

Sau nhiều năm, cơ chế kinh doanh vé xổ số kiến thiết theo thị trường chung thống nhất toàn khu vực đã được thực hiện trong cả nước. Việc từng Công ty xổ số được phép phát hành và lưu thông vé trên thị trường toàn khu vực với sự thống nhất về mệnh giá và cơ cấu giải thưởng đã tạo ra yếu tố cạnh tranh giữa các công ty xổ số và đó cũng chính là động lực thúc đẩy các công ty xổ số phải năng động trong quá trình kinh doanh, khai thác có hiệu quả các thị trường tiềm năng.

Cơ chế “ngăn sông, cấm chợ” vé xổ số được xoá bỏ đã tạo bước cần thiết cho việc tổ chức sắp xếp, mở rộng thị trường kinh doanh xổ số trên phạm vi toàn quốc trong các giai đoạn phát triển tới đây.

➤ Tổ chức mạng lưới đại lý

Tổ chức mạng lưới đại lý tiếp tục củng cố và phát triển, tuy nhiên tình hình ở mỗi khu vực vẫn có khác nhau:

- *Khu vực miền Nam*: Các công ty xổ số tiếp tục hoàn thiện hệ thống mạng lưới đại lý bán vé xổ số rộng khắp theo cơ chế thị trường và tạo điều kiện thuận lợi cho người mua vé. Hệ thống đại lý nhiều cấp gồm các tổng đại lý, các đại lý và cuối cùng là các cá nhân bán vé đạo tiếp tục hoạt động có hiệu quả. Các tổng đại lý, đại lý lớn đều thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định. Các đại lý được các công ty XSKT thực hiện chính sách khuyến khích vật chất để tạo thu nhập ổn định, bảo đảm đời sống, tăng lượng vé bán cho công ty.

- *Khu vực miền Trung*: Trong năm 2005 đã cải tổ mạnh mẽ mạng lưới đại lý cả về số lượng, cơ cấu, chính sách đại lý, về cơ bản đã tạo lập và hình thành hệ thống đại lý nhiều cấp như khu vực miền Nam. Tuy nhiên do thị trường chung mới hình thành nên có nơi, có lúc còn muôn duy trì tình trạng đại lý chỉ được giao dịch với một công ty xổ số. Mặt khác do cạnh tranh giữa các công ty nên đã xảy ra tình trạng o bế, giành giật đại lý. Một số đại lý đưa ra đòi hỏi quá mức đã hạn chế hiệu quả hoạt động của mạng lưới đại lý mới được hình thành.

- *Khu vực miền Bắc*: Hệ thống mạng lưới đại lý bán vé xổ số chưa phát triển, chủ yếu vẫn dưới hình thức đại lý bán lẻ. Phần lớn các đại lý vẫn coi việc bán vé XSKT chỉ là việc làm phụ thêm. Vẫn còn tình trạng phòng Tài chính huyện, là một cơ quan hành chính làm tổng đại lý nên không phát huy được vai trò cạnh tranh trong kinh doanh. Đáng chú ý là từ khi thực hiện thị trường chung năm 2005 toàn khối miền Bắc không quyết tâm xây dựng hình thành hệ thống đại lý mới như khu vực miền Trung và miền Nam mà xuất hiện tình trạng các công ty nhận bán vé hộ cho nhau, thực chất là làm đại lý cho nhau đã làm cho hệ thống đại lý không phát triển, thiếu linh hoạt, thiếu tính cạnh tranh do phụ thuộc duy nhất vào một công ty cung cấp vé.

➤ **Vốn kinh doanh của các công ty XSKT**

Tổng số vốn chủ sở hữu tại các công ty XSKT đầu năm 2003 đã là 2.015 tỷ đồng đến cuối năm 2005 là 3.382 tỷ đồng, tăng 167% so với đầu năm 2003 (bình quân một công ty có 52,7 tỷ đồng). Tuy nhiên, có sự chênh lệch lớn về mức vốn giữa các công ty:

- *Khu vực Miền Nam*: Mức vốn bình quân của một công ty là 141,5 tỷ đồng, trong đó một số Công ty có mức vốn lớn như: công ty XSKT TP HCM 390 tỷ đồng, Đồng Nai 260 tỷ đồng, Bến Tre 230 tỷ, Tây Ninh 190 tỷ đồng, An Giang 175 tỷ đồng, Vĩnh Long 170 tỷ đồng

- *Khu vực miền Trung*: Mức vốn bình quân của một công ty là 17,4 tỷ đồng. Một số Công ty có mức vốn khá như Công ty XSKT Khánh Hòa 43 tỷ đồng, Đà Nẵng 39 tỷ đồng, tuy nhiên cũng có các Công ty có mức vốn thấp như Công ty XSKT Quảng Bình, Quảng trị chỉ có dưới 6 tỷ đồng.

- *Khu vực miền Bắc*: Mức vốn bình quân của một công ty là 5,5 tỷ đồng, trong đó Công ty có mức vốn cao nhất là Công ty XSKT Thủ Đô chỉ có 25,5 tỷ đồng, Hải Phòng 18,436 tỷ đồng; một số công ty có mức vốn rất thấp như Công ty XSKT Cao Bằng, Bắc Cạn chỉ có 700 triệu đồng.

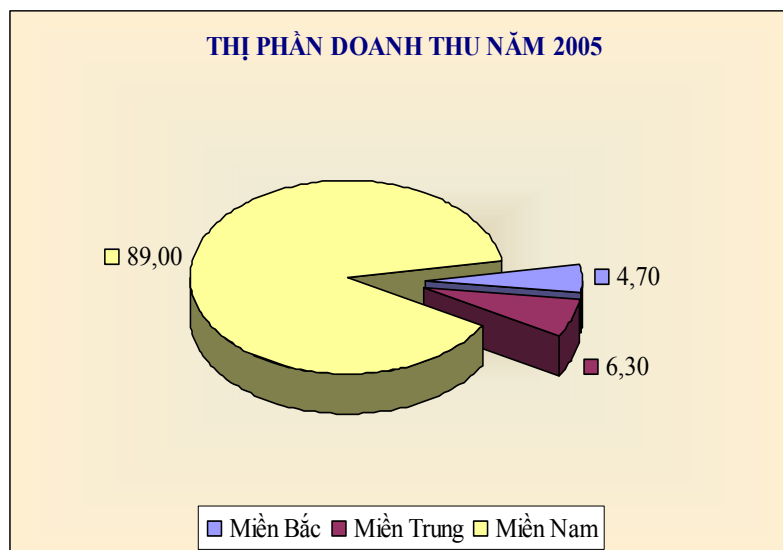
➤ **Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty XSKT**

- Giai đoạn 2004-2005, tốc độ tăng doanh thu XSKT bình quân của cả nước là 22%/năm (thời kỳ 1997-2003 chỉ tăng bình quân 17%). Riêng năm 2005 tổng doanh thu đạt 20.124 tỷ đồng, bằng 2,4% GDP. Nộp ngân sách đạt 5.404 tỷ đồng bằng 4,7 % so tổng thu nội địa và bằng 2,5% so với tổng thu ngân sách nhà nước.

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu \ Năm	Năm		
	2003	2004	2005
1. Tổng DT	13.628	17.010	20.124
Trong đó tỷ trọng:	100%	100%	100%
- Miền Bắc	6,0%	5,6%	4,7%
- Miền Trung	6,3%	6,1%	6,3%
- Miền Nam	87,7%	88,3%	89%
2. Nộp ngân sách	3.750	4.645	5.404
- Miền Bắc	148	209	208
- Miền Trung	204	252	305
- Miền Nam	3.398	4.184	4.891

Tuy nhiên, doanh thu hoạt động xổ kiến thiết còn có chênh lệch khá lớn giữa các khu vực, trong đó khu vực miền Nam chiếm 89%, Miền Trung chiếm 6,3% và Miền Bắc chỉ chiếm 4,7%. Nếu tính doanh thu trên đầu người theo từng khu vực (Miền Bắc: 37,4 triệu người, Miền Nam: 30,4 triệu người và Miền Trung: 14,2 triệu người) thì khoảng cách chênh lệch giữa các khu vực còn cao hơn nhiều lần.



- Về chi phí kinh doanh:

+ Chi phí phát hành: tỷ lệ bình quân chung 19,7%, trong đó miền Nam 19,1%, miền Trung 22%, miền Bắc 25,6%.

+ Chi phí trả thưởng: tỷ lệ bình quân chung là 50,17%, trong đó miền Nam 50,1%, miền Trung 48,34 %, miền Bắc 54%.

- Lợi nhuận trước thuế so với doanh thu: tỷ lệ bình quân chung 9,53%, trong đó miền Nam 10,27%, miền Trung 5,25%, miền Bắc 1,24%.

- Nộp ngân sách: tỷ lệ bình quân chung so với doanh thu 26,87%, trong đó trong đó miền Nam 27,36 %, miền Trung 23,74 %, miền Bắc 21,95%.

Trong hai năm qua mức độ chênh lệch về doanh thu của các Công ty XSKT vẫn rất lớn. Một số công ty khu vực miền Bắc chỉ đạt doanh thu từ 3-5 tỷ/năm, trong khi có những công ty khu vực miền Nam đã đạt doanh thu trên 1.200 tỷ đồng/năm.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức hoạch toán kế toán tại các công ty xổ số kiến thiết

➤ *Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán*

Phòng Kế toán – Tài vụ của các công ty xổ số kiến thiết nhìn chung thực hiện các chức năng như đã nêu trên: Tổ chức hoạch toán kế toán theo hệ thống sổ sách kế toán do Nhà nước qui định, lập báo cáo tài chính & quyết toán định kỳ cũng như đột xuất cho cấp trên khi cần; lập kế hoạch thu, chi tài chính; tổng hợp tình hình kinh doanh, phân tích hoạt động kinh tế nhằm báo cáo kịp thời cho lãnh đạo điều hành kinh doanh; chuẩn bị vốn góp phục vụ chi phí trả thưởng được kịp thời cho khách hàng nhằm tạo uy tín cho công ty, vì đối với ngành xổ số kiến thiết, chi phí trả thưởng chiếm một tỷ trọng tương đối lớn trong tổng chi phí, trên 50% doanh thu bán vé; giải quyết các chế độ lương thưởng...cho người lao động, tổ chức ghi chép, hoạch toán đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh....

- Kế toán trưởng: Chịu trách nhiệm quản lý tài chính và tổ chức công tác kế toán, bộ máy kế toán của công ty. Ngoài ra, kế toán trưởng còn chịu trách nhiệm kiểm tra các công việc hạch toán hằng ngày, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, thể lệ kế toán, hướng dẫn nhân viên kế toán trong việc thực hiện các chính sách...theo qui định của Nhà nước.

- Phó Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ: Giúp việc cho Kế toán trưởng, thực hiện phân hành kế toán tổng hợp (Lập bảng cân đối tài khoản, lập các báo cáo tài chính, lập các báo cáo thuế), chịu trách nhiệm kiểm tra tình hình tài chính của các Chi nhánh trực thuộc công ty, tổ chức hạch toán kế toán và quản lý tài chính toàn công ty.

- Kế toán tài sản cố định: chuyên theo dõi và hạch toán tình hình tăng giảm tài sản cố định của toàn công ty.

- Kế toán công cụ dụng cụ, vật liệu, hàng hoá: Theo dõi và hạch toán phân hành có liên quan đến công cụ, dụng cụ, vật liệu, hàng hoá.

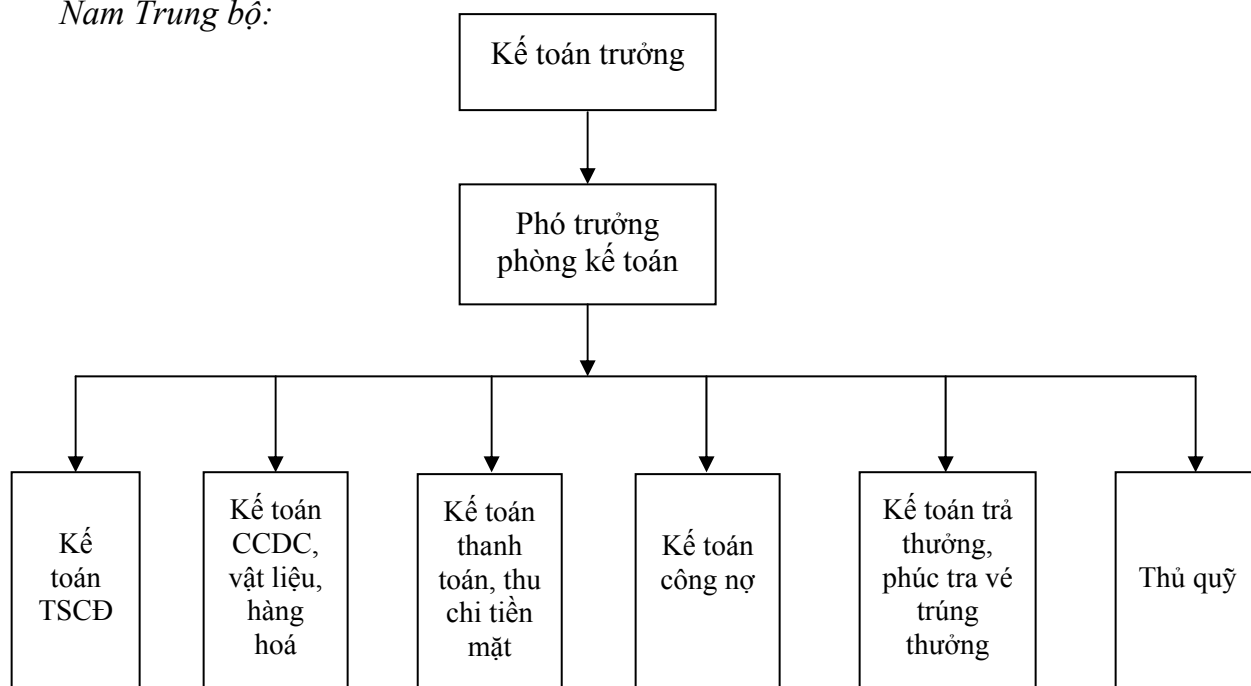
- Kế toán thanh toán thu chi tiền mặt: Theo dõi và hạch toán kế toán các phân hành có liên quan đến tiền mặt và việc thanh toán của công ty.

- Kế toán công nợ theo dõi tình hình công nợ của công ty, đơn đốc việc thực hiện nghĩa vụ với các cơ quan hữu quan.

- Kế toán trả thưởng, phúc tra vé trúng thưởng: theo dõi tình hình trả thưởng của toàn công ty đối với khách hàng, chịu trách nhiệm kiểm tra vé trúng thưởng.

- Thủ quỹ: Chịu trách nhiệm bảo quản tiền an toàn, đầy đủ. Phải chịu trách nhiệm về mọi trường hợp gây thất thoát, nếu hậu quả nghiêm trọng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại các công ty xổ số kiến thiết khu vực Nam Trung bộ:



➤ **Đặc điểm tổ chức sổ kế toán**

Các công ty thường dùng hình thức Chứng từ ghi sổ hoặc hình thức Nhật ký chung. Hiện nay, công tác hạch toán được thực hiện bằng máy vi tính thông qua phần mềm kế toán. Vì thế, các phần việc trung gian sau khi định khoản và nhập số liệu từ chứng từ gốc như phân loại, vào sổ chi tiết, lên bảng cân đối thử, bảng cân đối số phát sinh... sẽ được máy tính xử lý và thực hiện để từ đó có thể in ra các sổ báo cáo kế toán theo yêu cầu của quản lý.

- Sổ sách kế toán tổng hợp: Công ty sử dụng 2 sổ kế toán tổng hợp là sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ Cái: Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ dùng để đăng ký các chứng từ ghi sổ đã lập theo trật tự thời gian của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Còn sổ Cái là sổ tài khoản tổng hợp, mỗi tài khoản được theo dõi riêng trên một hoặc nhiều trang, đi đôi với sổ Cái là sổ theo dõi và các tiểu khoản và các chi tiết..

- Sổ sách kế toán chi tiết: Do đặc thù của các công ty xỏ số kiến thiết, các công ty mở nhiều sổ kế toán chi tiết để theo dõi chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế thường xuyên phát sinh, các loại sổ chi tiết công ty sử dụng bao gồm: Sổ quỹ của Thủ quỹ, Sổ quỹ của kế toán tiền mặt, Sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng, Sổ theo dõi tài khoản 131 (Sổ này được mở mỗi tháng một quyển, mỗi tổng đại lý vé xỏ số kiến thiết được theo dõi trên một trang sổ), Sổ theo dõi nhập xuất các loại vé xỏ số kiến thiết của thủ kho. Sổ theo dõi nhập xuất các loại vé xỏ số kiến thiết của kế toán, Sổ theo dõi công cụ lao động của thủ kho, Sổ theo dõi công cụ lao động của kế toán, Sổ theo dõi doanh thu, chi phí trả thường các loại vé xỏ số kiến thiết, Thẻ tài sản cố định...

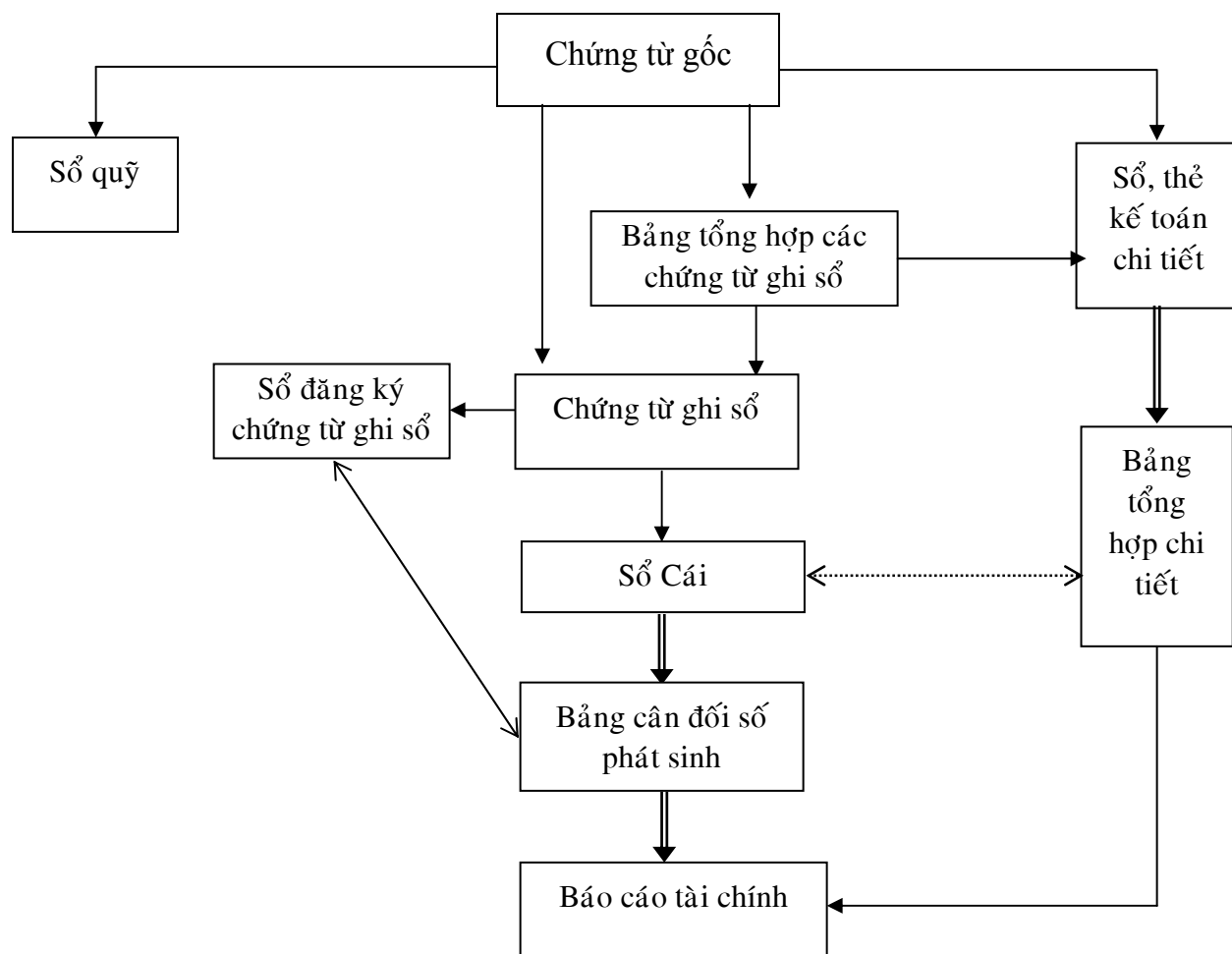
Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc hoặc Bảng tổng hợp chứng từ gốc, kế toán lập chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ Cái. Các chứng từ gốc sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết. Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên sổ Cái. Căn cứ vào sổ Cái lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính. Các báo cáo tài chính được lập trên máy tính dựa trên số liệu của Chứng từ ghi sổ do Kế toán tổng hợp thực hiện.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư nợ và tổng số dư Có

của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Sau đây là sơ đồ trình tự hạch toán điển hình tại các công ty xổ số kiến thiết:

Sơ đồ 2: Sơ đồ trình tự hạch toán tại các Công ty XSKT



* **Ghi chú:**

- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- <-.-.-> : Đối chiếu, kiểm tra
- : Ghi hàng ngày
- ==> : Ghi cuối tháng
- <-.-.-> : Đối chiếu, kiểm tra

2.1.4. Đặc điểm tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

Các công ty xổ số kiến thiết sử dụng hệ thống tài khoản theo quyết định số 298/TC/QĐ/CĐKT ngày 28/04/1997 của Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp xổ số kiến thiết.

Nhìn chung, các công ty xổ số kiến thiết đều sử dụng hệ thống tài khoản như các công ty khác. Tuy nhiên do đặc thù của các ngành kinh doanh xổ số kiến thiết nên có một số tài khoản được chi tiết theo yêu cầu quản lý của ngành kinh doanh xổ số như sau:

- Tài khoản 131 “Phải thu khách hàng”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu cho doanh nghiệp với các khách hàng khác. Tài khoản này được hạch toán theo chi tiết theo từng đối tượng phải thu và ghi chép theo từng lần thanh toán: theo từng đại lý bán vé xổ số, từng khách hàng có liên quan.

- Tài khoản 138 “Phải thu khác”: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ và tình hình thanh toán về các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở các TK 131 và TK 136. Chi tiết: Tài sản thiếu chờ xử lý, Phải thu về xổ số liên kết, Phải thu khác.

- Tài khoản 152 “Vé xổ số”: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động các loại vé xổ số của đơn vị. Giá trị các loại vé xổ số phản ánh trên TK này phải được hạch toán chi tiết theo từng loại vé xổ số (vé xổ số truyền thống, vé xổ số lô tô, vé xổ số cào, vé xổ số bóc), theo từng đợt phát hành. Giá trị vé số được phản ánh trên tài khoản 152 phải theo giá thực tế hình thành

- Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang”: Tài khoản này dùng để tổng hợp chi phí sản xuất, phục vụ việc tính giá thành thực tế các loại vé xổ số, chi tiết: vé xổ số Truyền thống; vé xổ số Cào; chi phí in vé xổ số; chi phí sản xuất, kinh doanh khác; đồng thời trên tài khoản này còn thực hiện việc kết chuyển chi phí trả thưởng và chi phí trực tiếp phát hành xổ số phân bổ cho kỳ sau.

- Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng”: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán, bao gồm doanh thu bán vé xổ số (chi tiết từng loại) và doanh thu bán các loại sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ khác.

- Tài khoản 625 “Chi phí trả thưởng”: Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí trả thưởng cho các loại vé xổ số trúng thưởng trong kỳ hạch toán và được hạch toán chi phí cho từng loại vé xổ số.

- Tài khoản 626 “Chi phí trực tiếp phát hành xổ số”: Tài khoản này dùng để phản ánh các loại chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành xổ số, phát sinh trong kỳ hạch toán. Tài khoản này cũng được hạch toán chi tiết theo từng loại chi phí, cho từng loại vé xổ số và từng đợt phát hành.

- Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của dịch vụ kinh doanh xổ số (chi tiết từng loại vé xổ số) và các loại hàng khác tiêu thụ trong kỳ.

2.1.5. Đặc điểm lập báo cáo tài chính tại các công ty xổ số kiến thiết

2.1.5.1. Yêu cầu của việc lập báo cáo tài chính tại các công ty xổ số kiến thiết

Việc lập báo cáo tài chính tại các công ty xổ số kiến thiết được thực hiện theo các yêu cầu chủ yếu sau:

- Tất cả các công ty xổ số kiến thiết đều phải lập và gửi báo cáo tài chính theo đúng các qui định tại chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp thuộc hệ thống kế toán doanh nghiệp xổ số kiến thiết (Quyết định số 298 TC/QĐ/CĐKT của Bộ Tài chính ngày 28/04/1997). Riêng báo cáo lưu chuyển tiền tệ tạm thời chưa qui định là báo cáo bắt buộc phải lập và gửi, nhưng khuyến khích các doanh nghiệp lập và sử dụng Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

- Các báo cáo tài chính được lập và gửi vào cuối mỗi quý (cuối tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12 kể từ ngày bắt đầu niên độ kế toán) để phản ánh tình hình tài chính

của niên độ kế toán đó cho các cơ quan quản lý Nhà nước (và cho doanh nghiệp cấp trên theo qui định).

- Báo cáo quý nộp chậm nhất vào ngày 15 của tháng đầu quý sau; báo cáo năm, nộp chậm nhất vào ngày 31/01 năm sau

Bên cạnh đó, việc phân tích báo cáo tài chính tại các công ty xổ số kiến thiết cũng phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tính chính xác: Việc phân tích báo cáo tài chính phải đảm bảo chính xác để có thể đánh giá đúng thực trạng tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Tính kịp thời: Việc phân tích báo cáo tài chính phải đảm bảo tính kịp thời để giúp các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính có những quyết định hợp lý vào đúng thời điểm cần thiết.

- Tính liên hệ: Phân tích báo cáo tài chính phải thiết lập và trình bày một cách rõ ràng mối quan hệ giữa các chỉ tiêu phân tích, thông qua đó có thể thấy được ảnh hưởng của chúng đối với cục bộ và tổng thể tình hình tài chính doanh nghiệp.

2.1.5.2. Nội dung và phương pháp lập báo cáo tài chính tại các công ty xổ số kiến thiết

Hoạt động kinh doanh xổ số kiến thiết là hoạt động kinh doanh đặc thù, có tính chất yêu cầu quản lý riêng. Ngày 28/04/1997 Bộ Tài chính đã ký quyết định số 298 TC/QĐ/CĐKT ban hành hệ thống chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp xổ số kiến thiết.

Nội dung, phương pháp lập báo cáo tài chính tại các công ty xổ số kiến thiết đều tuân thủ đúng qui định của chế độ kế toán (chế độ báo cáo tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính áp dụng cho tất cả mọi doanh nghiệp Nhà nước).

Ngoài ra trong công tác quản lý tài chính các Công ty xổ số kiến thiết đều thực hiện theo Thông tư số 77/2005/TT-BTC ngày 19 tháng 09 năm 2005 của Bộ tài chính “*Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với hoạt động kinh doanh xổ số của công ty xổ số kiến thiết*”.

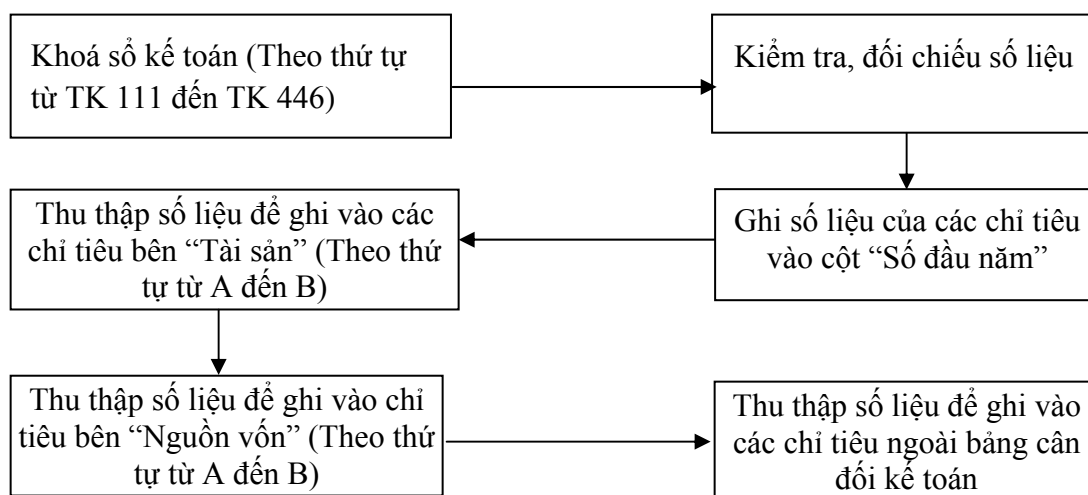
2.2. TÌNH HÌNH THỰC TẾ VỀ VIỆC ÁP DỤNG BÁO CÁO KẾ TOÁN TẠI CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT

2.2.1. Thực trạng lập báo cáo tài chính của các công ty xổ số kiến thiết

Thực tế, các công ty xổ số kiến thiết thường lập 3 loại báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Thuyết minh báo cáo tài chính. Một vài công ty đã bắt đầu lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Nhìn chung, các công ty lập và nộp báo cáo tài chính theo đúng yêu cầu và chế độ tài chính. Ta có thể xem xét cụ thể như sau:

❖ Bảng cân đối kế toán:

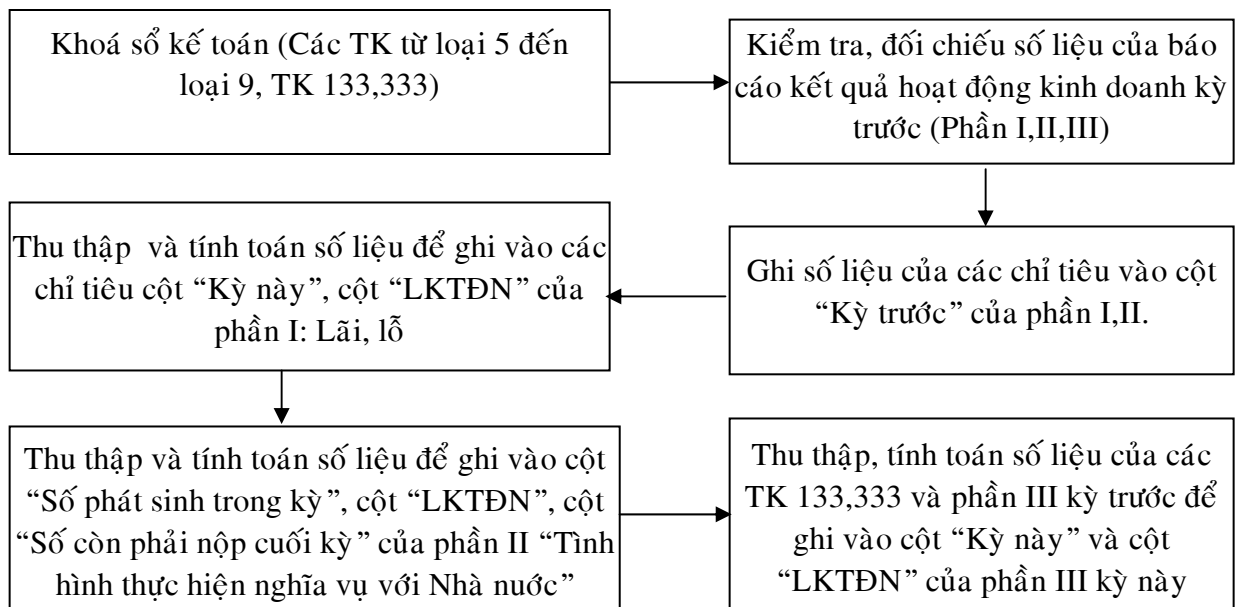
Sơ đồ 3: Quy trình lập Bảng cân đối kế toán tại các công ty xổ số kiến thiết:



❖ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Có thể khái quát qui trình lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty xổ số kiến thiết khu vực Nam trung bộ qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 4: Qui trình lập Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty xổ số kiến thiết

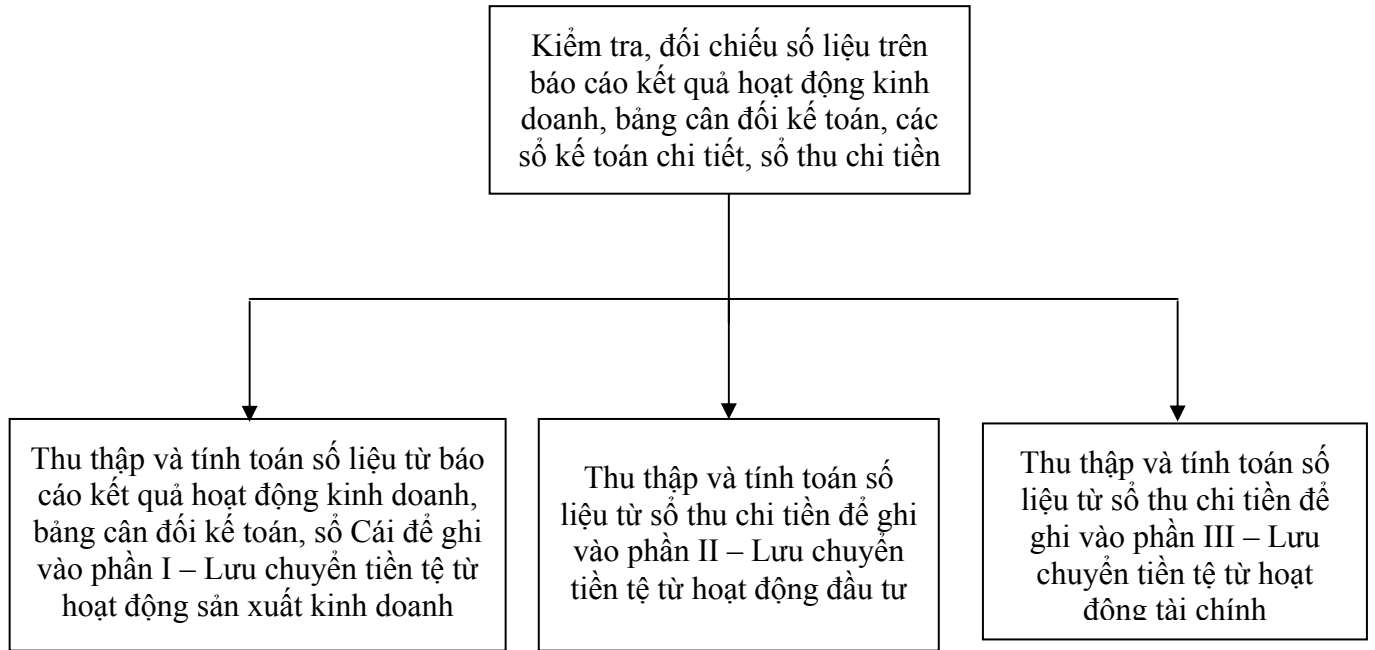


❖ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Đa số các công ty xổ số kiến thiết lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp, có công ty lại lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp (chẳng hạn Công ty xổ số kiến thiết Bình Định). Nội dung, phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các công ty xổ số kiến thiết cũng giống như đối với các công ty khác theo chế độ báo cáo tài chính qui định.

Qui trình lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ của các công ty xổ số kiến thiết khu vực Nam Trung bộ được khái quát như sau:

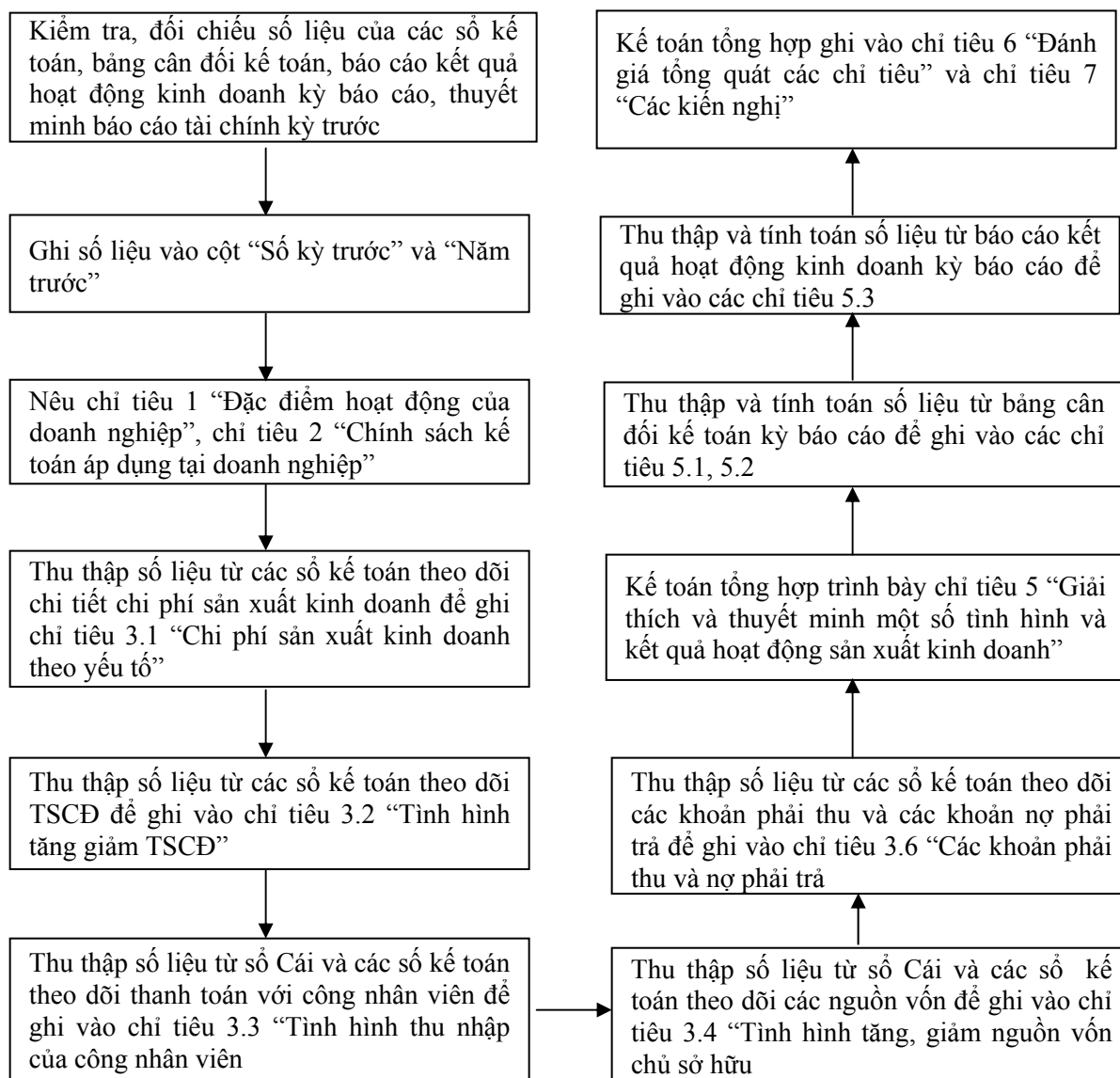
Sơ đồ 5: Quy trình lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại các công ty xổ số kiến thiết



❖ Thuyết minh báo cáo tài chính:

Nội dung, phương pháp lập Thuyết minh báo cáo tài chính của các công ty xổ số kiến thiết cũng giống như đối với các công ty khác theo chế độ báo cáo tài chính qui định

Sơ đồ 6: Quy trình lập thuyết minh báo cáo tài chính tại các công ty xổ số kiến thiết



2.2.2. Thực trạng lập báo cáo kế toán quản trị tại các công ty xổ số kiến thiết

2.2.2.1. Kế hoạch doanh thu

Kế hoạch doanh thu tiêu thụ do phòng KHPH đảm trách, sau khi hoàn tất việc lập kế hoạch chuyển sang Phòng KTTV theo dõi và nắm bắt tình hình thực hiện kế hoạch đã lập đồng thời có cơ sở lên kế hoạch tài chính từng tháng, quý, năm.

- Kế hoạch doanh thu nội bộ: mục đích dự toán số lượng sản phẩm, doanh thu đạt được các trạm đại diện, trung tâm trên toàn hệ thống trong kỳ kế hoạch. Căn cứ tình hình tiêu thụ thực tế trong năm hiện hành và khả năng dự đoán tình hình tiêu thụ của năm tới trên cơ sở phân tích, nhận định sức mua của thị trường từng khu vực; các trung tâm, trạm đại diện trên toàn hệ thống lên kế hoạch tiêu thụ năm cho từng nhóm hàng, mặt hàng và gửi về phòng KHKD Công ty. Sau đó, Phòng KHPH đánh giá và thẩm định lại một lần nữa mức độ dự đoán của từng trung tâm, trạm đại diện cho từng nhóm hàng và lên kế hoạch tổng hợp cho toàn hệ thống Công ty trên cơ sở phân tích nhận định tình hình thực hiện kế hoạch, mức tăng trưởng doanh thu nội tiêu của năm hiện hành. Dự toán năm này sẽ được phân bổ cho từng 12 tháng và tùy vào tình hình thực tế thực hiện kế hoạch doanh thu dự kiến từng tháng để thay đổi cho phù hợp.

Bao gồm các báo cáo sau:

Kế hoạch doanh thu tiêu thụ năm theo từng tháng chi tiết từng khu vực, VPDD, trung tâm

ST T	ĐƠN VỊ	THÁNG 01			THÁNG 02			...	NĂM		
		SL	DT	ĐGBQ	SL	DT	ĐGBQ		SL	DT	ĐGBQ
A											
1											
...											
B											
1											
...											
	TỔNG CỘNG										

Kế hoạch doanh thu tiêu thụ năm tổng hợp chi tiết từng khu vực, VPĐD, trung tâm có phân tích tình hình tăng trưởng so với năm trước

ST T	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN			% TĂNG TRƯỞNG			
		SL	DT	ĐGBQ	SL	DT	ĐGBQ	%SL	%DT	SL	DT
A	KV....										
1											
...											
B	KV...										
1											
...											
	TỔNG CỘNG										

Kế hoạch doanh thu chi tiết từng tháng có phân tích tình hình tăng trưởng so với tháng trước của năm trước.

THÁNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN			% TĂNG TRƯỞNG			
	SL	DT	ĐGBQ	SL	DT	ĐGBQ	%SL	%DT	SL	DT
1										
2										
3										
...										
...										
11										
12										
TỔNG CỘNG										

2.2.2.2. Kế hoạch đặt hàng trong năm

Kế hoạch sản xuất/đặt hàng tổng hợp theo từng quý:

STT	CHỈ TIÊU	QUÝ				T.CỘNG
		Q1	Q2	Q3	Q4	
1	Số lượng tiêu thụ kế hoạch					
2	Tồn kho cuối năm					
3	Tồn kho đầu năm					
4	Số lượng sản phẩm sản xuất kỳ kế hoạch					

2.2.2.3. Kế hoạch lợi nhuận kinh doanh của đơn vị

Hiện nay các công ty XSKT đang xây dựng kế hoạch kinh doanh của đơn vị như sau:

ST T	CHỈ TIÊU	Vé số kiến thiết	Vé số cào	Vé số bóc	Vé số biết kết quả ngay	Vé số điện toán	.. .	TỔNG CỘNG
1	Tổng doanh thu tiêu thụ							
2	Các khoản giảm trừ (a+b)							
A	Thuế GTGT, Thuế TTĐB							
B	Các khoản khác							
3	Doanh thu thuần							
4	Giá vốn hàng bán							
5	Lợi nhuận gộp (3 - 4 + 5)							
6	Chi phí quản lý kinh doanh							
7	Chi phí bán hàng							
8	Lợi tức từ hoạt động tài chính							
9	Tổng lợi tức							

Ghi chú:

1. Tổng doanh số bán ra (theo mệnh giá tờ vé)
2. Các khoản giảm trừ : Thuế TGGT, Thuế TTĐB
3. Giá vốn hàng bán: Chi phí trực tiếp phát hành, Chi phí trả thưởng

2.2.2.4. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm

S T T	CHỈ TIÊU	Vé số kiến thiết		Vé số cào		Vé số bóc		Vé số biết kết quả ngay		Vé số điện toán Vé số điện toán		TỔNG CỘNG
		KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	
1	Tổng doanh thu tiêu thụ											
2	Các khoản giảm trừ (a+b)											
A	Thuế GTGT, Thuế TTĐB											
B	Các khoản khác											
3	Doanh thu thuần											
4	Giá vốn hàng bán											
5	Lợi nhuận gộp (3 - 4 + 5)											
6	Chi phí quản lý kinh doanh											
7	Chi phí bán hàng											
8	Lợi tức từ hoạt động tài chính											
9	Tổng lợi tức											

Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch doanh thu tuần, tháng, năm: từng loại vé do phòng KTTV chịu trách nhiệm theo dõi và lập báo cáo. Hàng tháng có thực hiện đối chiếu số lượng và doanh thu tiêu thụ thực tế theo từng nhóm hàng của từng văn phòng đại diện với Phòng KHPH Cty. Chi tiết doanh thu kế hoạch từng tháng có thể điều chỉnh tùy thuộc vào tình hình thực hiện kế hoạch doanh thu năm của tháng hiện hành.

2.3. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT KHU VỰC NAM TRUNG BỘ

2.3.1. Đánh giá thực trạng lập báo cáo tài chính của các công ty xổ số kiến thiết khu vực Nam Trung bộ

Các công ty xổ số kiến thiết đều chấp hành tốt việc lập và gửi các báo cáo tài chính cho các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan, đúng thời hạn, đúng chế độ. Các

công ty xổ số kiến thiết hầu như đều lập 3 báo cáo tài chính bắt buộc: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Thuyết minh báo cáo tài chính. Một vài công ty đã lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Tuy nhiên, báo cáo tài chính là do các công ty xổ số kiến thiết lập cũng còn nhiều điểm tồn tại, một mặt là do các công ty và mặt khác là do hạn chế của chế độ kế toán. Cụ thể:

- Doanh nghiệp xổ số kiến thiết là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động kinh doanh các trò chơi có thưởng. Mặt hàng kinh doanh chính là vé xổ số kiến thiết truyền thống, vé xổ số biết kết quả ngay (vé bóc, vé cào)...đó là một loại hàng hoá đặc biệt và vì vậy hiện nay hệ thống tài khoản kế toán của Bộ tài chính quy định tài khoản “TK152 – vé số” là chưa phản ánh đúng bản chất của loại hình kinh doanh này vì vé xổ số là một loại hàng hoá.

- Chỉ tiêu “Thanh toán giá trị vé phát hành” tại phần I – “Nợ ngắn hạn” thuộc nguồn vốn là phản ánh không đúng sự thật về bản chất của khoản nợ phải trả bởi vì thực chất đây chẳng qua là giá trị phát hành của vé số.

- Khoản mục “Nhận ký quỹ, ký cược” trên báo cáo tài chính được trình bày theo chế độ kế toán doanh nghiệp: “Trường hợp thế chấp bằng giấy tờ (giấy chứng nhận sở hữu nhà, đất, tài sản) không phản ánh trên tài khoản mà chỉ theo dõi trên sổ chi tiết.”

- Các chỉ tiêu dự phòng đến cuối năm mới lập cho năm sau, trong khi bảng cân đối kế toán được lập hàng quý, điều này làm cho tính thích hợp của chỉ tiêu dự phòng bị hạn chế.

2.3.2. Đánh giá thực trạng lập báo cáo kế toán quản trị tại các công ty xổ số kiến thiết

Các công ty xổ số kiến thiết có lập báo cáo kế toán quản trị còn khá đơn giản, vẫn chưa đạt đến sự thống nhất, chưa có sự phân tích sâu sắc tình hình và chiến lược kinh doanh lâu dài cho công ty.

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại các Công ty XSKT cho thấy hai bộ phận KTQT và KTTC lồng vào nhau. Nhân viên KTTC vừa thực hiện KTTC vừa thực hiện

KTQT. Công tác tổ chức vận dụng KTQT ở công ty chưa được thực hiện đầy đủ và toàn diện, biểu hiện ở một số hạn chế sau:

- Còn quá đơn sơ, chưa có hệ thống chặt chẽ các công ty chỉ có lập dự toán doanh thu. dự toán kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chất chung chung không cụ thể. Chưa có các dự toán về chi phí bán hàng, chi phí trả thưởng, chi phí trực tiếp phát hành vé số, chi phí quản lý doanh nghiệp...và đặc biệt là thiếu dự toán tiền mặt làm cho phòng kế toán tài vụ công ty gặp nhiều khó khăn trong việc luân chuyển tiền giữa công ty và các văn phòng đại diện để đáp ứng nhu cầu chi trả thưởng hàng ngày cho khách hàng.

- Chưa có bộ phận kế toán quản trị riêng biệt cho từng công ty, vì thế công tác kế toán quản trị ít được quan tâm và các báo cáo chỉ được thực hiện khi Ban giám đốc yêu cầu hoặc khi công tác kế toán tài chính đã hoàn thành. Bên cạnh đó các báo cáo quản trị cũng do các nhân viên kế toán được đào tạo chủ yếu để làm những công việc thuộc về lĩnh vực kế toán tài chính do đó các báo cáo này mang tính chất rời rạc và các thông tin này thường có độ tin cậy cao nhưng không có tính kịp thời.

Tóm lại, hệ thống báo cáo kế toán của Công ty XSKT là hệ thống báo cáo hỗn hợp giữa hệ thống báo cáo tài chính và hệ thống báo cáo kế toán quản trị nhưng chủ yếu là cung cấp thông tin của kế toán tài chính với mục tiêu chính là phục vụ cho công việc quản lý vĩ mô của Nhà nước và các đối tượng sử dụng khác ở bên ngoài doanh nghiệp.

Hệ thống báo cáo tài chính áp dụng ở các Công ty XSKT bước đầu đã đáp ứng được nhu cầu thông tin của các đối tượng sử dụng nhưng vẫn còn một số khiếm khuyết liên quan đến việc soạn thảo và trình bày các thông tin. Vì vậy để có thể đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin của các đối tượng sử dụng thì hệ thống báo cáo tài chính hiện hành cần khắc phục những hạn chế tồn tại. Bên cạnh đó, hệ thống thông tin về kế toán quản trị còn rất sơ sài và chưa có hệ thống. Trong khi đó, ở các nước có nền kinh tế phát triển thì kế toán quản trị là một công cụ quan trọng cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho các nhà quản trị ra quyết định kịp thời và hợp lý mà các thông tin này thì hệ thống báo cáo kế toán tài chính không thể đáp ứng được.

Trong công tác kế toán tại các công ty xỏ số kiến thiết còn có một số khó khăn: điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật như: máy móc, thiết bị phục vụ cho công tác kế toán tại các công ty xỏ số kiến thiết vẫn còn nhiều hạn chế; do tiết kiệm chi phí và cũng do một phần trình độ cán bộ kế toán còn chưa theo kịp với công tác kế toán hiện đại, trình độ không đồng đều giữa các nhân viên trong phòng kế toán; nên hầu hết các công ty xỏ số kiến thiết đều tiến hành công tác hạch toán thủ công hoặc bán thủ công. Việc lập chứng từ ghi chép, sổ sách đều thực hiện bằng tay, một vài thao tác được thực hiện bằng máy. Việc hạch toán kế toán bán thủ công không thực hiện qua máy vi tính có thể gây nên sai số do chuyển số, tăng khối lượng công việc, chậm trễ trong việc cập nhật thông tin và là nguyên nhân chính trong việc lấy số liệu để lập báo cáo tài chính.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Mặc dù báo cáo tài chính và quản trị phục vụ hoạt động SXKD nhưng các công ty XSKT vẫn chưa xác lập được đầy đủ nội dung cũng như phương pháp thực hiện. Ở chương này luận văn đã nghiên cứu thực trạng công tác lập báo cáo tài chính và quản trị cũng như công tác thiết lập thông tin. Qua đó luận văn đã đưa ra một số ưu và nhược điểm nhất định của công tác lập báo cáo tài chính & quản trị, cũng như những hạn chế của hệ thống báo cáo KTQT đang áp dụng tại các công ty. Từ đó luận văn cũng đã nêu lên sự cần thiết phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống báo cáo KTTC & KTQT tại công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua công cụ cung cấp thông tin hữu hiệu của KTQT.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT KHU VỰC NAM TRUNG BỘ

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH & BÁO CÁO QUẢN TRỊ VỚI VIỆC TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT

Hoạt động tài chính có mối quan hệ trực tiếp với hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do đó, tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh đều có ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty. Ngược lại, tình hình tài chính tốt hay xấu đều có tác động thúc đẩy hoặc kìm hãm đối với quá trình sản xuất, kinh doanh. Vì vậy, các công ty có thể kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình bằng sử dụng các công cụ tài chính doanh nghiệp thông qua những hoạt động của nó. Điều này cho phép các công ty kịp thời phát hiện những tồn tại, thiếu sót cũng như ưu điểm trong đầu tư kinh doanh, từ đó đưa ra những quyết định, những biện pháp cần thiết nhằm điều chỉnh hoạt động hoặc phát huy thế mạnh, tiềm năng của công ty.

3.1.1 Hoàn thiện lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị giúp cho công ty có cơ sở thực tế xây dựng chiến lược phát triển

Công ty muốn tồn tại trong nền kinh tế thị trường thì cần phải có các chiến lược phát triển. Các chiến lược phát triển này cần được xây dựng từng bước cụ thể vừa phù hợp với thực trạng của công ty vừa có những dự báo về tình hình chung của nền kinh tế, môi trường kinh doanh. Chiến lược kinh doanh của công ty phải nhằm vào mục đích tăng thế lực của công ty và giành lợi thế cạnh tranh, phải khai thác triệt để lợi thế so sánh của công ty, tập trung vào các biện pháp để tận dụng thế mạnh và khắc phục các yếu điểm có tính chất sống còn. Trong khi xây dựng chiến lược kinh doanh, công ty

cần xác định phạm vi kinh doanh, mục tiêu và những điều kiện cơ bản để thực hiện mục tiêu. Xác định phạm vi kinh doanh đòi hỏi chiến lược kinh doanh phải đảm bảo không sử dụng dần trải nguồn lực hoặc sử dụng không hết nguồn lực.

Căn cứ chủ yếu hay tam giác chiến lược để xây dựng chiến lược kinh doanh là khách hàng, khả năng của công ty và đối thủ cạnh tranh. Cơ sở để lập kế hoạch kinh doanh là tình hình thực tế của công ty trong kỳ và kế hoạch, nhiệm vụ chung của công ty trong kỳ tới. Tình hình thực tế của công ty về hoạt động kinh doanh được thể hiện thông qua các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính và sử dụng hệ thống báo cáo để phân tích báo cáo tài chính và hoạt động kinh doanh. Do vậy, muốn có được cơ sở cho việc xây dựng chiến lược phát triển công ty, có được kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng đắn, phù hợp với thực tế và điều kiện phát triển thì các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính phải thể hiện được đầy đủ các nội dung kinh tế của nó. Nhờ có các số liệu từ các chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính mà các nhà lập kế hoạch có thể đưa ra các nhận xét, đánh giá một cách khách quan về thực trạng của công ty cũng như phương hướng phát triển trong tương lai của công ty.

3.1.2. Hoàn thiện lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị để giúp cho cơ quan quản lý Nhà nước nắm được thực trạng sản xuất kinh doanh của công ty

Hoạt động tài chính luôn luôn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả của hoạt động tài chính được thể hiện thông qua các chỉ tiêu trong hệ thống báo cáo tài chính của công ty. Hoạt động tài chính trong phạm vi một công ty thể hiện rõ nét thông qua sự vận động của vốn kinh doanh, sự vận động của các nguồn tài chính, thực hiện thu chi của các quỹ tiền tệ trong công ty, thực hiện các chỉ tiêu tài chính và các quan hệ thanh toán với các chủ thể có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các cơ quan quản lý Nhà nước có thể nắm được và kiểm soát thực trạng sản xuất kinh doanh của công ty thông qua hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp. Các cơ quan quản lý Nhà nước cần có các thông tin cần thiết về hoạt động kinh doanh của công ty có đúng chính sách, chế độ hay đúng luật pháp hay không, để thu

thuế và đưa ra các quyết định cho các vấn đề xã hội... Các thông tin về hoạt động kinh doanh của công ty có thể được thể hiện trên các chỉ tiêu trong hệ thống báo cáo tài chính của công ty như các chỉ tiêu về tài sản, công nợ và nguồn vốn kinh doanh; các thông tin khác lại được thể hiện gián tiếp qua việc phân tích, so sánh các chỉ tiêu đó với nhau. Việc phân tích các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính về mặt con số kết hợp với việc đánh giá thực trạng và phương hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty sẽ mang lại một cái nhìn tổng thể về toàn bộ hoạt động của công ty. Chẳng hạn, các cơ quan quản lý Nhà nước khi xem xét hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty dựa vào các chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính, phản ánh sức sản xuất, sức sinh lợi, sức hao phí... Khả năng sinh lời thấp chủ yếu là do giá vốn hàng bán cao và chi phí quản lý doanh nghiệp chưa được kiểm soát chặt chẽ. Do đó, các cơ quan quản lý Nhà nước sẽ tập trung vào việc đánh giá và tìm ra nguyên nhân chủ yếu của hai vấn đề này.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN HIỆN NỘI DUNG LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TẠI CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT

3.2.1. Lập báo cáo tài chính

Để hoàn thiện lập báo cáo tài chính với việc tăng cường quản lý tài chính tại các công ty xổ số kiến thiết, chúng ta nên xây dựng và ban hành lại hệ thống báo cáo tài chính bao gồm báo cáo tài chính và các chỉ tiêu. Cụ thể là phải thực hiện các giải pháp ở tầm vĩ mô.

Ngày 20/3/2006, Bộ trưởng Bộ tài chính đã ký quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước từ năm tài chính 2006. Tuy nhiên cho đến nay riêng ngành xổ số kiến thiết về cơ bản do tính đặc thù nên các Doanh nghiệp xổ số vẫn phải áp dụng Quyết định số 298TC/QĐ/CĐKT ngày 28 tháng 4 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp xổ số kiến thiết

Qua nhiều thời kỳ sử dụng hệ thống kế toán này có nhiều ưu điểm tạo điều kiện cho công tác kế toán thực hiện tốt theo yêu cầu quản lý chung của toàn ngành song bên cạnh đó theo quan điểm cá nhân, chúng tôi cho rằng vẫn tồn tại một số vấn đề sau:

Đối với Bảng cân đối kế toán, có một số chỉ tiêu cần sắp xếp lại cho hợp lý với nhu cầu quản lý tài chính:

** Về nghiệp vụ hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) :*

Theo hướng dẫn của chế độ kế toán hiện hành, quy trình này hạch toán theo các bước:

- + Khi doanh nghiệp lập và gửi bộ hồ sơ đề nghị hoàn thuế: Không định khoản.
- + Khi doanh nghiệp nhận quyết định hoàn thuế của cơ quan thuế: Không định khoản.
- + Khi doanh nghiệp xử lý xong quyết định của cơ quan thuế.

Phần được hoàn, chờ khi nào nhận được tiền hoàn thuế, ghi: Nợ 111, 112 Có 133 (1331, 1332). Phần không được hoàn, tính vào chi phí, ghi: Nợ 621, 641, 642, 632, 627, 142... Có 133 (1331, 1332).

Phương pháp giải quyết:

Theo chúng tôi để hạch toán được quy trình này ta cần mở thêm hai tài khoản chi tiết cho tài khoản 133:

- Tài khoản 1333 "*Thuế GTGT đã đề nghị hoàn*": Tài khoản này sử dụng để theo dõi thuế GTGT đã đề nghị hoàn. Trong đó:

- + Bên nợ: phản ánh số thuế GTGT đã đề nghị hoàn.
- + Bên có: Phản ánh số thuế GTGT đã nhận được quyết định được hoàn lại, và số thuế GTGT nhận được quyết định không được hoàn phải tính vào chi phí.
- + Số dư cuối kỳ: Phản ánh số thuế đã đề nghị hoàn nhưng chưa nhận được quyết định xử lý của cơ quan thuế.

- Tài khoản 1334 "*Thuế GTGT đã được hoàn phải thu*": Tài khoản này theo dõi thuế GTGT đã nhận được quyết định được hoàn nhưng chưa nhận được tiền hoàn.

- + Bên nợ: phản ánh số thuế GTGT đã được hoàn theo quyết định
- + Bên có: Phản ánh số thuế GTGT đã nhận được tiền hoàn.
- + Số dư cuối kỳ: Phản ánh số thuế đã được hoàn nhưng chưa nhận được tiền.

Định khoản:

Khi doanh nghiệp lập bộ hồ sơ đề nghị hoàn thuế và gửi cho cơ quan thuế: Ta chuyển số thuế đề nghị hoàn từ 1331, 1332 sang tài khoản 1333 "*Thuế GTGT đã đề nghị hoàn*", ghi:

Nợ 1333 "*Thuế GTGT đã đề nghị hoàn*"; Có 1331, 1332.

Khi nhận được quyết định hoàn thuế, ta xử lý như sau: Phần không được hoàn do cơ quan thuế loại ra thì tính vào chi phí, ghi: Nợ 621, 627, 632, 641, 642, 142... Có 1333 "*Thuế GTGT đã đề nghị hoàn*". Phần được hoàn chuyển thành khoản thuế GTGT được hoàn phải thu, ghi: Nợ 1334 "*thuế GTGT đã được hoàn phải thu*"; Có 1333 "*Thuế GTGT đã đề nghị hoàn*". Khi nhận được tiền hoàn thuế, ghi: Nợ 111, 112; Có 1334 "*Thuế GTGT đã được hoàn phải thu*".

Đối với Thuế GTGT và thuế TNDN được miễn giảm : Theo hướng dẫn của chế độ kế toán hiện hành, nghiệp vụ này hạch toán theo các bước:

- Nếu doanh nghiệp nhận được quyết định miễn giảm thuế trước kỳ tính thuế thì không hạch toán thuế phải nộp nữa, còn nếu nhận được quyết định miễn giảm thuế sau kỳ tính thuế (đã hạch toán thuế) thì hạch toán như sau:

+ Nhận được quyết định: Không định khoản

+ Khi xử lý số thuế được miễn giảm, có 2 cách xử lý: ...Nếu doanh nghiệp đã tính và hạch toán thuế phải nộp nhưng chưa nộp vào ngân sách thì trừ ngay vào số thuế phải nộp, ghi: Nợ 333xx (chi tiết theo loại thuế phải nộp); Có 711 (tăng thu nhập khác)... Nếu doanh nghiệp đã nộp thuế vào ngân sách thì chờ đến khi nhận được tiền, ghi: Nợ 111, 112; Có 711(tăng thu nhập không chịu thuế thu nhập).

Như vậy việc được miễn giảm thuế là một thu nhập thuộc thu nhập khác của doanh nghiệp. Theo chuẩn mực kế toán về doanh thu và thu nhập khác, thu nhập được

hưởng ở kỳ nào phải tính vào kết quả kinh doanh trong kỳ đó, không phân biệt đã nhận được tiền hay mới ghi nhận khoản phải thu. Vì vậy, khi doanh nghiệp nhận được quyết định miễn giảm thuế, dù trừ vào thuế phải nộp, nhận tiền ngay, hoặc chưa nhận tiền, kế toán phải ghi nhận ngay thu nhập trong kỳ (ghi Có 711).

Tùy từng trường hợp, nếu chưa nộp thuế thì trừ vào thuế phải nộp, nếu đã nộp thuế thì coi đây là khoản thuế phải thu lại của doanh nghiệp. Nhưng theo hướng dẫn của chế độ kế toán, trong trường hợp doanh nghiệp chờ đến kỳ nhận được tiền, hoặc chờ đến kỳ phải nộp thuế tiếp theo để trừ vào số thuế phải nộp mới ghi nhận thu nhập. Trường hợp này là trái với chuẩn mực kế toán về ghi nhận thu nhập.

Để giải quyết bất cập này cần căn cứ vào thực tế của doanh nghiệp đã nộp thuế chưa hay mới chỉ tính thuế phải nộp. Trường hợp nếu đối tượng nộp thuế mới hạch toán thuế phải nộp nhưng chưa nộp thì trừ ngay vào số thuế phải nộp và ghi tăng thu nhập, ghi: Nợ 333 (3331, 3334,...) (giảm thuế phải nộp) Có 711 (tăng thu nhập khác).

- Nếu đã nộp thuế vào ngân sách thì ghi tăng thu nhập và ghi tăng phải thu khác: Nợ 1388 (chi tiết theo loại thuế được miễn giảm phải thu) Có 711 (tăng thu nhập khác).

Khi doanh nghiệp nhận được tiền, ghi: Nợ 111, 112 Có 1388.

Trường hợp doanh nghiệp không thoái thu mà để số thuế được miễn giảm đã nộp này trừ vào số thuế phải nộp của kỳ phải nộp thuế tiếp theo thì sau khi tính ra số thuế phải nộp ở kỳ đó, ghi: Nợ 333(3331, 3334,...) (giảm thuế phải nộp) Có 1388.

* TK 626 - Chi phí trực tiếp phát hành nội dung bao gồm: giá trị thực tế vé xổ số xuất giao cho đại lý, chi cho việc tổ chức quay số mở thưởng, chi hoa hồng phải trả cho đại lý .

Cuối kỳ kết chuyển chi phí này vào TK 632 - giá vốn hàng bán

Chúng tôi cho rằng việc qui định nội dung chi phí, cách hạch toán của tài khoản này là chưa thỏa đáng bởi vì việc chi trả hoa hồng cho đại lý, tổ chức quay số mở thưởng là các hoạt động phục vụ cho việc tiêu thụ vé số về bản chất không thể xem các khoản chi phí này là giá vốn hàng bán.

* TK 642 - chi phí quản lý kinh doanh xổ số, toàn bộ nội dung của chi phí phí này là hợp lý song bên cạnh đó chúng tôi không đồng ý ở khoản mục chi phí quảng cáo, khuyến mãi, chi phí phát triển mạng lưới đại lý được đưa vào nội dung trong tài khoản này

Cách xử lý của chúng tôi như sau :

+ Nên bỏ TK 626 - chi phí trực tiếp phát hành và thay bằng TK 641- chi phí bán hàng.

Nội dung TK 641- chi phí bán hàng gồm: chi hoa hồng đại lý, chi phát triển mạng lưới đại lý, chi quảng cáo khuyến mãi, chi tổ chức quay số mở thưởng... , cách hạch toán như sau :

- Khi xuất kho giao cho đại lý:

+ Trước hết phản ánh giá trị thực tế vé xổ số giao cho đại lý: Nợ TK 632/ Có TK 156

+ Đồng thời phản ánh giá trị của số vé xổ số phát hành phải thu của các đại lý tính theo giá bán (giá ghi trên vé)

- Các khoản chi phí liên quan đến việc tổ chức quay số mở thưởng như chi cho hội đồng quay số mở thưởng, chi phí khấu hao...

Nợ TK 641 - chi phí bán hàng

Có TK 111,112,214

- Hoa hồng phải trả cho đại lý

Nợ TK 641 - chi phí bán hàng

Có TK 131- phải thu khách hàng

- Chi quảng cáo tiếp thị, chi phát triển mạng lưới đại lý

Nợ TK 641 - chi phí bán hàng

Có TK 131,111,112...

* Với quan điểm vé số là hàng hóa đặc biệt, sản phẩm của Doanh nghiệp xổ số là “vô hình”, để người tiêu dùng có thể sử dụng được nó họ phải thông qua một loại

sản phẩm hữu hình đó là tờ vé số, vé số chỉ giữ vị trí trung gian trong việc sử dụng “sản phẩm” của công ty. Đây là một loại sản phẩm đặc biệt khác với các loại hàng hoá khác, mang tính chất là một sản phẩm dịch vụ nhằm phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí lành mạnh cho mọi tầng lớp dân cư. Giá trị của tờ vé số thể hiện ở cơ cấu giải thưởng, đây chính là giá trị kỳ vọng chứ không phải là giá trị thực, giá trị sử dụng của vé số là niềm vui ứng với giá trị của giải thưởng mà họ hưởng, nếu không trúng thưởng thì giá trị và giá trị sử dụng của vé số không còn.

Trên cơ sở đó, thì hiện nay theo như hệ thống tài khoản của ngành xổ số kiến thiết thì nội dung số hiệu tài khoản TK 152 – “*Vé số*” là chưa hợp lý theo đúng bản chất của khái niệm về vé số là một loại hàng hóa; do đó nên đưa tài khoản này theo đúng bản chất của nó, tài khoản TK 152 được đưa về TK – “*Nguyên liệu, vật liệu*”, đồng thời nên phản ánh nội dung của vé số vào tài khoản TK 156 - “*hàng hóa*”. TK 156 nên mở 6 tài khoản chi tiết:

- + Tài khoản 1561 “ Vé xổ số truyền thống”
- + Tài khoản 1562 “ Vé xổ số lô”
- + Tài khoản 1563 “ Vé xổ số cào”
- + Tài khoản 1564 “ Vé xổ số bóc”
- + Tài khoản 1565 “ Vé xổ số điện toán”
- + Tài khoản 1567 “ Hàng hóa khác”

Cách hạch toán như sau :

- Giá trị thực tế vé xổ số mua ngoài nhập kho:

Nợ TK 156 – vé xổ số

Có TK 112 - tiền gửi ngân hàng

Có TK 331 - phải trả người bán

- Giá thành thực tế của vé số thuê ngoài gia công nhập kho :

Nợ TK 156 – vé xổ số

Có TK 154 – chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

- Trị giá thực tế vé xổ số xuất kho cho đại lý:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 156 – vé xổ số

Đồng thời đưa tài khoản TK 152 – “*Vé xổ số*” chuyển sang TK 152 – “*Nguyên liệu, vật liệu*”

* *Bên nguồn vốn: “Nợ phải trả”*

- TK 332 – *Thanh toán giá trị vé xổ số phát hành*: Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán giá trị vé xổ số phát hành với các đại lý bán vé xổ số, giá trị vé xổ số hạch toán trên tài khoản TK 332 được xác định theo giá bán của từng loại vé số (giá ghi trên vé xổ số); Số dư có của tài khoản này phản ánh giá trị vé số đã giao cho các đại lý nhưng cuối kỳ chưa bán được (tính theo giá ghi trên tờ vé).

Chúng tôi cho rằng việc bố trí chỉ tiêu này bên nguồn vốn thuộc khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán là chưa hợp lý bởi vì về bản chất thì số dư có trên TK 332 thể hiện giá trị vé số phát hành đã giao cho đại lý nhưng chưa quay số mở thưởng, nếu đưa chỉ tiêu này coi như một khoản nợ phải trả vào việc phân tích cơ cấu vốn và nguồn trên bảng cân đối kế toán thì sẽ vi phạm vào chuẩn mực số 21 về trình bày báo cáo tài chính phải đảm bảo tính trung thực và hợp lý.

Chúng tôi đưa ra cách xử lý như sau: cuối niên độ kế toán chúng ta nên kết chuyển số dư có của TK 332 về bên nợ của TK 131 – “*Phải thu khách hàng*” là hoàn toàn hợp lý, phản ánh được tính trung thực và hợp lý trên bảng báo cáo tài chính, thể hiện đúng bản chất tình hình công nợ của khách hàng vì chúng ta biết rằng trong ngành xổ số kiến thiết điều kiện để ghi nhận doanh thu khi và chỉ khi vé số đã bán được, trong thực tế kinh doanh của ngành xổ số phải phát hành vé số trước một kỳ vé số (7 ngày) cho Đại lý, cho nên khi thực hiện bút toán trên ta sẽ giải quyết được 2 vấn đề đó là trong bảng cân đối kế toán sẽ mất đi tài khoản TK 332 (số dư bằng không) đồng thời sẽ giảm một khoản nợ phải thu (nợ ảo) của khách hàng.

- Khi giao vé xổ số cho đại lý xổ số kế toán phản ánh giá thực tế của số vé xổ số phát hành tính vào chi phí trực tiếp phát hành xổ số.

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 156 – Vé xổ số

Đồng thời tính giá trị của vé xổ số phát hành tính theo giá ghi trên tờ vé và tiền hành ghi sổ :

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng

Có TK 332 – Thanh toán giá trị vé xổ số phát hành

- Khi các đại lý xổ số thanh toán số vé xổ số đã nhận, kế toán tiến hành tính toán và ghi sổ như sau :

Nợ TK 332 – Thanh toán giá trị vé xổ số phát hành

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng (1311)

(Phần giá trị vé xổ số các đại lý trả lại do bán không hết)

Có TK 511 – Doanh thu bán hàng (5111, 5112, 5113, 5114 – Giá ghi trên tờ vé xổ số các đại lý thực bán được)

- Khi các đại lý thanh toán tiền bán vé xổ số cho công ty, kế toán ghi sổ :

Nợ TK 111 – Tiền mặt

Nợ TK 641 – Chi phí bán hàng (Hoa hồng đại lý tính vào chi phí)

Có TK 131 – Phải thu của khách hàng (1311 - Đại lý xổ số)

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển giá trị phát hành vé xổ số cho đại lý nhưng chưa quay số mở thưởng bằng bút toán :

Nợ TK 332 – Thanh toán giá trị vé xổ số phát hành

Có TK 131 - Phải thu khách hàng

* Để đảm bảo tính đầy đủ của báo cáo tài chính thì các khoản “*Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn*” bằng giấy chứng nhận sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất nên qui đổi thành : *giá trị ước tính của các khoản nhận ký quỹ, ký cược để đảm bảo cho các khoản*

phải thu khách hàng trên bảng cân đối kế toán và được phản ánh trên bản báo cáo thuyết minh.

* Các chỉ tiêu ngoài Bảng cân đối kế toán thực chất cũng là để doanh nghiệp giải thích thêm tình hình tài chính của công ty, do đó nên đưa ra các chỉ tiêu này vào Thuyết minh báo cáo tài chính.

3.2.2. Lập báo cáo kế toán quản trị

3.2.2.1. Xây dựng các chỉ tiêu

Ngoài phân tích các chỉ tiêu chung đã trình bày ở chương 1, do một số chỉ tiêu (đặc biệt là chỉ tiêu về doanh thu và chi phí) trên báo cáo tài chính của các công ty xỏ số kiến thiết có nét đặt thù riêng cho nên để việc phân tích báo cáo tài chính của các công ty xỏ số kiến thiết được hoàn chỉnh hơn, giúp cho chính bản thân công ty cũng như những người quan tâm hiểu rõ tình hình tài chính cùng với việc tăng cường quản lý tài chính doanh nghiệp một cách cụ thể hơn, tôi xin xây dựng hệ thống các chỉ tiêu đặc trưng để phân tích tình hình tài chính của các công ty xỏ số kiến thiết như sau:

- Chỉ tiêu “*Tỷ lệ doanh thu trên giá trị phát hành*”

$$\text{Tỷ lệ doanh thu trên giá trị phát hành} = \frac{\text{Tổng doanh thu bán vé}}{\text{Tổng giá trị vé phát hành}} \times 100$$

Chỉ tiêu này phản ánh tỉ lệ (%) giữa doanh thu bán vé xỏ số so với giá trị vé xỏ số phát hành đã giao cho đại lý trong kỳ báo cáo.

Số liệu của phân tử “*Tổng doanh thu bán vé*” được lấy từ số liệu phát sinh bên Có TK 511 (Doanh thu bán hàng) đối ứng với Nợ TK 332 (Thanh toán giá trị vé xỏ số phát hành) trên sổ kế toán TK 511 mở cho từng loại xỏ số, phần mẫu số “*Tổng giá trị vé phát hành*” đối ứng Nợ TK 1311 (Phải thu đại lý xỏ số) trên sổ kế toán chi tiết.

- Chỉ tiêu “*Tỷ lệ chi phí so với doanh thu bán vé*”

Chỉ tiêu này phản ánh tỷ lệ (%) giữa tổng chi phí phân bổ cho giá trị vé xỏ số đã tiêu thụ so với tổng doanh thu bán vé xỏ số trong kỳ báo cáo.

$$\text{Tỷ lệ chi phí so với doanh thu bán vé} = \frac{\text{Tổng chi phí}}{\text{Tổng doanh thu bán vé}} \times 100$$

Phần tử số “*Tổng chi phí*” phản ánh tổng chi phí phân bổ cho giá trị vé số đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo, bao gồm : Chi phí trả thưởng, chi phí trực tiếp phát hành xổ số, chi phí quản lý.

Phần mẫu số “*Tổng doanh thu bán vé*” được lấy từ số phát sinh bên Có TK 511 (doanh thu bán hàng) đối ứng Nợ TK 332 (Thanh toán giá trị vé xổ số phát hành) trên sổ kế toán TK 511 mở cho từng loại xổ số.

- Chỉ tiêu “*Tỷ lệ chi phí trả thưởng so với doanh thu bán vé*”

Chỉ tiêu này phản ánh tỷ lệ (%) giữa chi phí trả thưởng vé xổ số so với tổng doanh thu bán vé xổ số trong kỳ báo cáo.

$$\text{Tỷ lệ chi phí trả thưởng so với doanh thu bán vé} = \frac{\text{Chi phí trả thưởng}}{\text{Tổng doanh thu bán vé}} \times 100$$

Phần tử số “*Chi phí trả thưởng*” phản ánh chi phí trả thưởng tính cho giá trị vé xổ số đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo để xác định kết quả kinh doanh. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ số phát sinh bên có TK 632 (Giá vốn hàng bán) đối ứng với bên Nợ TK 911 trên sổ kế toán chi tiết.

Phần mẫu số “*Tổng doanh thu bán vé*” được lấy từ số phát sinh bên Có TK 511 (Doanh thu bán hàng) đối ứng Nợ TK 332 (Thanh toán giá trị vé xổ số phát hành) trên sổ kế toán TK 511 mở cho từng loại xổ số.

- Chỉ tiêu “*Tỷ lệ chi phí trực tiếp phát hành xổ số so với doanh thu bán vé*”

Chỉ tiêu này phản ánh tỷ lệ (%) giữa chi phí trực tiếp phát hành vé xổ số so với tổng doanh thu bán vé xổ số trong kỳ báo cáo.

$$\text{Tỷ lệ chi phí trực tiếp phát hành vé xổ số so với doanh thu bán vé} = \frac{\text{Chi phí trực tiếp phát hành vé số}}{\text{Tổng doanh thu bán vé}} \times 100$$

Phần tử số “*Chi phí trực tiếp phát hành vé xổ số*” phản ánh chi phí trực tiếp phát hành xổ số tính cho giá trị vé xổ số trong kỳ báo cáo để xác định kết quả kinh doanh. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này lấy từ số phát sinh bên Có TK 626 (Chi phí trực tiếp phát hành xổ số) và số phát sinh bên Có TK 154 (Chi tiết phần chi phí)

- Chỉ tiêu “*Tỷ lệ hoàn vốn đầu tư – Return on investment - ROI*”

ROI = Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu x Số lần quay vòng vốn

$$ROI = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Vốn hoạt động bình quân}}$$

ROI là một tỷ lệ % cho thấy khả năng bù đắp lại từ thu nhập của hoạt động đối với những tài sản được sử dụng trong hoạt động của đơn vị.

Chỉ tiêu “*tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu*” phản ánh khả năng quản lý của các loại chi phí trong mối liên hệ với doanh số bán hàng.

Chỉ tiêu “*số lần quay vòng vốn*” phản ánh khả năng tạo ra doanh số trên một đồng đầu tư vào hoạt động.

3.2.2.2. Xây dựng hệ thống báo cáo kế toán quản trị

➤ **Về tổ chức**

- Lập bộ phận kế toán quản trị riêng biệt ở cấp công ty còn ở các văn phòng đại diện thì sử dụng ngay nhân viên của phòng kế toán.

- Đào tạo nhân viên kế toán quản trị theo hướng kế toán quản trị hiện đại của các nước trên thế giới.

➤ **Về hệ thống báo cáo**

Để trở thành phương tiện để các nhà kế toán quản trị truyền đạt thông tin, đáp ứng nhu cầu thông tin của các nhà quản trị, hệ thống báo cáo quản trị cần phải đạt được yêu cầu chung đã nêu ở chương I là cung cấp thông tin thích hợp cho những người sử

dụng thích hợp vào những thời điểm thích hợp với chi phí xử lý thông tin thích hợp. Để đáp ứng yêu cầu trên thì hệ thống báo cáo quản trị gồm:

- Các báo cáo quản trị nhằm phục vụ chức năng xây dựng kế hoạch hay còn gọi là dự toán.

- Các báo cáo quản trị nhằm phục vụ chức năng kiểm tra, kiểm soát.

- Các báo cáo quản trị nhằm phục vụ chức năng đánh giá và ra quyết định.

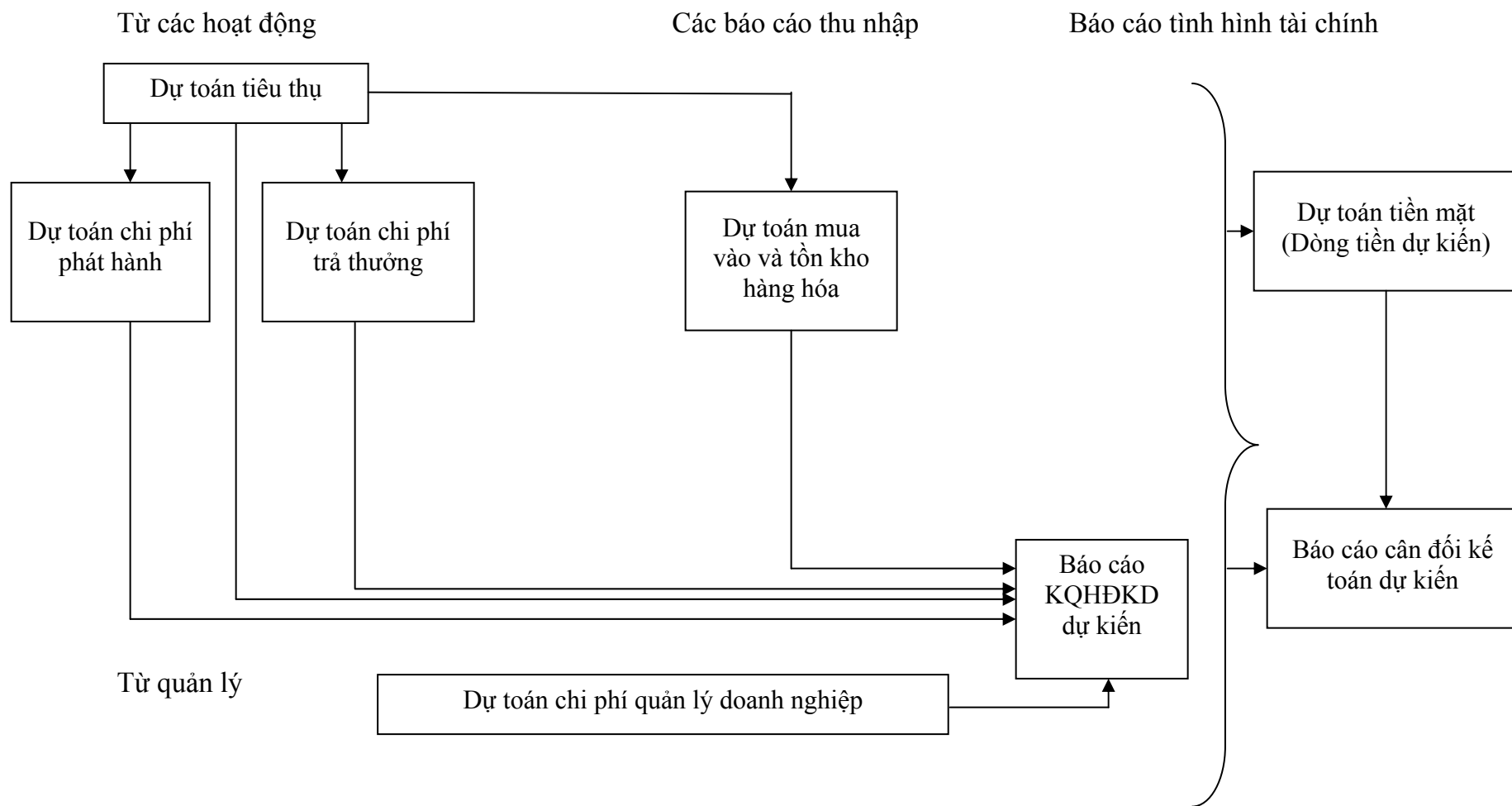
❖ ***Các báo cáo quản trị nhằm phục vụ chức năng xây dựng kế hoạch hay còn gọi là dự toán***

Xây dựng dự toán là lập kế hoạch sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp. Có hai loại dự toán là dự toán ngắn hạn và dự toán dài hạn.

✚ ***Dự toán ngắn hạn***: thường được lập trong thời gian khoản 1 năm phù hợp với năm tài chính của doanh nghiệp và cũng để tiện đánh giá giữa các chỉ tiêu thực hiện so với kế hoạch.

Quy trình lập dự toán bao hàm tất cả các chức năng các cấp quản lý. Có hai quan điểm về các xây dựng dự toán là phương pháp xây dựng dự toán từ nhà quản lý cấp cao (chỉ có nhà quản lý cấp cao mới tham gia xây dựng) và phương pháp xây dựng từ cơ sở (các cấp đều tham gia). Dù chọn phương pháp nào thì mô hình dưới đây cũng cần được tuân thủ khi xây dựng các bảng dự toán.

Sơ đồ 7: Lập dự toán tổng hợp
LẬP DỰ TOÁN TỔNG HỢP (Preparation of Master Budget)
CÁC DỰ TOÁN ĐỊNH KỲ CHI TIẾT *CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH DỰ KIẾN*



Các báo cáo lập kế hoạch tiêu thụ, kế hoạch tiền lương của công ty đã khá hoàn chỉnh, nhưng luận văn xin được trình bày lại để thấy được tính hệ thống của mảng dự toán ngắn hạn.

Dự toán tiêu thụ

+ Mục đích lập: nhằm xác định tiềm lực tiêu thụ của doanh nghiệp từ đó làm cơ sở cho việc lập dự toán tiêu thụ vé số, nguyên vật liệu, nhân công, chi phí phát hành, chi phí trả thưởng, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và số tiền dự kiến sẽ thu được từ quá trình tiêu thụ sản phẩm.

+ Cơ sở lập: số lượng tiêu thụ vé số dự kiến thường dựa trên cơ sở số lượng sản phẩm tiêu thụ kỳ trước, các đơn đặt hàng chưa thực hiện, các khách hàng tiềm năng, các điều kiện chung về kinh tế, kỹ thuật...(dự toán tiêu thụ thường phải dựa vào dự toán tiêu thụ cấp VPDĐ)

+ Phương pháp lập:

$$\text{Doanh thu tiêu thụ dự kiến kỳ } n = \frac{\text{số lượng vé số tiêu thụ dự kiến kỳ } n}{\text{đơn vị}} \times \text{Giá bán dự kiến kỳ } n$$

$$\text{Số tiền dự kiến thu được ở kỳ } n = \frac{\% \text{ số tiền thu được ở kỳ } n \text{ tính trên d.thu của kỳ } n}{100} + \frac{\% \text{ số tiền thu được ở kỳ } n \text{ tính trên d.thu của kỳ } n-1}{100} + \frac{\% \text{ số tiền thu được ở kỳ } n \text{ tính trên d.thu của kỳ } n-2}{100}$$

Trên cơ sở dự toán tiêu thụ, ta lập được các dự toán về chi phí trả thưởng, chi phí bán hàng và quản lý, chi phí trực tiếp phát hành....

Để có thể hiểu rõ hơn và khái quát hơn về vấn đề này, tôi xin trình bày sơ lược ví dụ về dự toán ngắn hạn tại Công ty XSKT Phú Yên trong năm 2007.

Giả sử trong năm 2007, Công ty XSKT Phú Yên dự kiến tình hình tiêu thụ vé số như sau:

* *Vé xổ số truyền thống:*

Quý I:

Kỳ phát hành trong quý I: 13 kỳ

Số lượng vé phát hành trong quý I: 4 triệu vé/kỳ x 13 kỳ = 52 triệu vé
Giả định mệnh giá tờ vé: 2.000 đồng/vé
Tỷ lệ tiêu thụ vé số bình quân trong quý :40%/Tổng số lượng vé phát hành
Doanh thu tiêu thụ quý I = 52 triệu vé x 2.000 x 40% = 41,6 tỷ đồng.

Quý II:

Kỳ phát hành trong quý II: 13 kỳ
Số lượng vé phát hành trong quý II: 4,5 triệu vé/kỳ x 13 kỳ = 58,5 triệu vé
Giả định mệnh giá tờ vé: 2.000 đồng/vé
Tỷ lệ tiêu thụ vé số bình quân trong quý :45%/Tổng số lượng vé phát hành
Doanh thu tiêu thụ quý II = 58,5 triệu vé x 2.000 x 45% = 52,6 tỷ đồng

Quý III:

Kỳ phát hành trong quý II: 13 kỳ
Số lượng vé phát hành trong quý II: 5 triệu vé/kỳ x 13 kỳ = 65 triệu vé
Giả định mệnh giá tờ vé: 2.000 đồng/vé
Tỷ lệ tiêu thụ vé số bình quân trong quý :40%/Tổng số lượng vé phát hành
Doanh thu tiêu thụ quý III = 65 triệu vé x 2.000 x 40% = 52 tỷ đồng

Quý IV:

Kỳ phát hành trong quý IV: 14 kỳ
Số lượng vé phát hành trong quý IV: 5,5 triệu vé/kỳ x 14 kỳ = 77 triệu vé
Giả định mệnh giá tờ vé: 2.000 đồng/vé
Tỷ lệ tiêu thụ vé số bình quân trong quý :35%/Tổng số lượng vé phát hành
Doanh thu tiêu thụ quý IV = 77 triệu vé x 2.000 x 35% = 53,9 tỷ đồng

* *Vé xổ số cào:*

Số lượng vé phát hành bình quân trong 1 quý : 2 triệu vé
Giả định mệnh giá tờ vé: 3.000 đồng/vé
Tỷ lệ tiêu thụ vé số bình quân trong năm: 70%/Tổng số lượng vé phát hành
Doanh thu tiêu thụ trong quý = 2 triệu vé x 3.000đ x 70% x = 4,2 tỷ đồng.

Doanh thu tiêu thụ trong năm = 4,2 tỷ x 4 = 16,8 tỷ

* *Vé xổ số bốc:*

Số lượng vé phát hành bình quân trong 1 quý: 1 triệu vé

Giá định mệnh giá tờ vé: 3.000 đồng/vé

Tỷ lệ tiêu thụ vé số bình quân trong quý : 60%/Tổng số lượng vé phát hành

Doanh thu tiêu thụ trong quý = 1 triệu vé x 3.000đ x 60% = 1,8 tỷ đồng.

Doanh thu tiêu thụ cả năm = 1,8 tỷ x 4 = 7,2 tỷ

Thuế tiêu thụ đặc biệt là 15%.

Dự kiến tiền bán hàng thu ngay bằng tiền mặt trong kỳ phát sinh là 70%/doanh thu tiêu thụ. Số còn lại sẽ thu hết trong quý sau.

Nợ phải thu khách hàng quý IV năm trước được thể hiện trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2006 là: 3,565,000,000 đồng.

➤ **Dự toán tiêu thụ:** được lập như sau

Biểu 1: DỰ TOÁN TIÊU THỤ
Năm 2007

S T T	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ (đồng)	TIÊU THỤ									
				QUÝ I		QUÝ 2		QUÝ 3		QUÝ 4		CẢ NĂM	
				SL (Tr. Vé)	TT (Tỷ đ)	SL (Tr. Vé)	TT (Tỷ đ)	SL (Tr. Vé)	TT (Tỷ đ)	SL (Tr. Vé)	TT (Tỷ đ)	SL (Tr. Vé)	TT (Tỷ đ)
1	Vé xổ số kiến thiết	Vé	2.000	20,8	41,6	26,325	52,65	26	52	26,95	53,9	100,075	200,15
2	Vé xổ số cào	Vé	3.000	1,4	4,2	1,4	4,2	1,4	4,2	1,4	4,2	5,6	16,8
3	Vé xổ số bốc	Vé	3.000	0,6	1,8	0,6	1,8	0,6	1,8	0,6	1,8	2,4	7,2
	TỔNG	x	x	22,8	47,6	28,325	58,65	28	58	28,95	59,9	108,075	224,15
	Doanh thu thuần (Trừ thuế TTĐB)				40,46		49,85		49,3		50,91		190,52
	Số tiền dự kiến thu được qua các quý												
	- Tiền năm trước chuyển sang (tỷ)				3,565								3,565
	- Tiền thu được quý I				28,322		12,138						40,460
	- Tiền thu được quý II						34,895		14,955				49,850
	- Tiền thu được quý III								34,510		14,790		49,300
	- Tiền thu được quý IV										35,637		35,637
	CỘNG				31,887		47,033		49,465		50,427		178,812

➤ Dự toán chi phí trả thưởng

DỰ TOÁN TIÊU THỤ NĂM 2007

Chỉ tiêu	Quý				Thành tiền (Tỷ đồng)
	I	II	III	IV	
1. Doanh thu vé xổ số truyền thống	41,60	52,65	52,00	53,90	200,15
2. Doanh thu vé xổ số bốc	1,80	1,80	1,80	1,80	7,20
3. Doanh thu vé xổ số cào	4,20	4,20	4,20	4,20	16,80
Tổng chi phí trả thưởng	47,60	58,65	58,00	59,90	224,15

Biểu 2: DỰ TOÁN CHI PHÍ TRẢ THƯỞNG NĂM 2007

Chỉ tiêu	Quý				Thành tiền (Tỷ đồng)
	I	II	III	IV	
1. Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống	20,80	26,325	26,00	26,95	100,075
2. Chi phí trả thưởng xổ số lô tô	x	x	x	x	x
3. Chi phí trả thưởng xổ số cào	2,31	2,310	2,31	2,31	9,240
4. Chi phí trả thưởng xổ số bốc	0,99	0,990	0,99	0,99	3,960
.....					
Tổng chi phí trả thưởng	24,10	29,625	29,30	30,25	113,275

Ghi chú:

1) Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống = Doanh thu kế hoạch dự kiến x 50% (tỷ lệ trả thưởng dự kiến so với doanh thu)

2) Chi phí trả thưởng xổ số lô tô = Doanh thu kế hoạch dự kiến x 55% (tỷ lệ trả thưởng dự kiến so với doanh thu)

3) Chi phí trả thưởng xổ số cào = Doanh thu kế hoạch dự kiến x 55% (tỷ lệ trả thưởng dự kiến so với doanh thu)

4) Chi phí trả thưởng xổ số bốc = Doanh thu dự kiến x 55% (tỷ lệ trả thưởng dự kiến so với doanh thu)

➤ **Dự kiến chi phí bán hàng và chi phí quản lý:**

Dự kiến trong năm 2007, Công ty XSKT Phú Yên phân bổ chi phí bán hàng và quản lý theo doanh thu tiêu thụ, đơn giá phân bổ phần khả biến 0,1đ/1đ doanh thu. Các khoản chi phí bán hàng và quản lý bất biến bao gồm chi phí quảng cáo 350 tr/quý; chi phí lương 900 tr/quý; chi phí KH TSCĐ 150 triệu đồng/quý; chi phí vật liệu, dụng cụ 50 triệu đồng/quý.

Dự toán chi phí bán hàng và quản lý năm 2007 được lập như sau:

Biểu 3: DỰ TOÁN CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ

Chỉ tiêu	QUÝ				CẢ NĂM
	I	II	III	IV	
Khối lượng tiêu thụ dự kiến (Triệu vé)	22,80	28,325	28,00	28,95	108,075
Doanh thu tiêu thụ dự kiến (Tỷ đồng)	47,60	58,650	58,00	59,90	224,150
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp khả biến (Tính trên 1Đ doanh thu)	0,10	0,100	0,10	0,10	0,100
Tổng chi phí khả biến dự kiến (tỷ)	4,76	5,865	5,80	5,99	22,415
CP bán hàng và CP quản lý doanh nghiệp bất biến (tỷ)	1,45	1,450	1,45	1,45	5,800
- Quảng cáo	0,35	0,350	0,35	0,35	1,400
- Lương	0,90	0,900	0,90	0,90	3,600
- Khấu hao TSCĐ	0,15	0,150	0,15	0,15	0,600
- Chi phí vật liệu, dụng cụ	0,05	0,050	0,05	0,05	0,200
Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý dự kiến	6,21	7,315	7,25	7,44	28,215
Chi tiền mặt (Trừ khấu hao TSCĐ)	6,06	7,165	7,10	7,29	27,615

➤ **Dự toán chi phí trực tiếp phát hành xổ số**

Chi phí trực tiếp phát hành cho từng loại hình xổ số bao gồm giá trị thực tế vé xổ số, chi cho việc tổ chức quay số mở thưởng, chi phí hoa hồng phải trả cho đại lý. Chiếm tỷ lệ 15% so với doanh số tiêu thụ.

Biểu 4: DỰ TOÁN CHI PHÍ TRỰC TIẾP PHÁT HÀNH XỔ SỐ

Chỉ tiêu	Quý				Cả năm (Tỷ)
	I	II	III	IV	
1. Chi phí phát hành vé xổ số truyền thống	6,24	7,897	7,80	8,085	30,022
2. Chi phí phát hành vé xổ số lô tô	x	x	x	x	x
3. Chi phí phát hành vé xổ số cào	0,63	0,630	0,63	0,630	2,520
4. Chi phí phát hành vé xổ số bốc	0,27	0,270	0,27	0,270	1,080
5. Chi phí phát hành xổ số điện toán	x	x	x	x	x
Tổng chi phí trực tiếp phát hành xổ số	7,140	8,797	8,70	8,985	33,622

➤ **Dự toán mua vào và tồn kho hàng hoá**

Giả sử:

- Chi mua hàng hóa thanh toán ngay 50%, còn 50% chuyển sang quý sau.
- Giá mua thực tế 1 tờ vé là 22,6 đồng (giá vé cuối năm 2006)

Biểu 5: DỰ TOÁN MUA VÀO VÀ TỒN KHO HÀNG HÓA

Chỉ tiêu	Quý				Cả năm
	I	II	III	IV	
- Khối lượng hàng hoá tiêu thụ kỳ KH (Triệu vé)	22,800	28,325	28,000	28,950	108,075
- Tồn kho cuối kỳ 30% nhu cầu tiêu thụ quý sau	14,162	14,000	14,475	15,000	
Tổng cộng yêu cầu	36,962	42,325	42,475	43,950	
- Tồn kho hàng hoá đầu kỳ	22,500	14,162	14,000	14,475	
- Khối lượng hàng hóa cần mua	14,462	28,163	28,475	29,475	100,575
- Giá thành 1 tờ vé (đồng)	22,6	22,6	22,6	22,6	
Số tiền dự kiến chi ra qua các quý					
- Khoản nợ năm trước chuyển sang	7,686				7,686
- Chi mua quý I (14,462 x 22,6)	0,163	0,163			0,326
- Chi mua quý II		0,318	0,318		0,636
- Chi mua quý III			0,321	0,321	0,642
- Chi mua quý IV				0,333	0,333
Tổng chi	7,849	0,481	0,639	0,654	9,623

➤ **Dự toán tiền mặt**

Giả sử trong năm 2007 Công ty XSKT Phú Yên lập những thông tin liên quan đến tiền mặt như sau:

- Tiền mặt tồn quỹ cuối mỗi quý: 13 tỷ đồng.
- Tồn quỹ đầu năm trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2006 là: 13,187 tỷ.
- Kế hoạch mua trang thiết bị phục vụ cho nhu cầu kinh doanh:
 Quý I: 200 triệu, Quý II: 300 triệu, Quý III: 400 triệu, Quý IV: 500 triệu

Thuế thu nhập doanh nghiệp được nộp vào cuối mỗi quý theo kế hoạch tổng cộng trong năm là 2 tỷ và được chia đều cho mỗi quý.

BIỂU 6: DỰ TOÁN TIỀN MẶT

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Nguồn số liệu lấy từ biểu	Quý				Cả năm
		I	II	III	IV	
I. Số dư tiền mặt đầu kỳ (tỷ)		13,187	13,000	13,000	13,000	13,187
II. Thu từ bán hàng (tỷ)	1	31,887	47,033	49,465	50,427	178,812
Cộng khả năng tiền (tỷ)		45,074	60,033	62,465	63,427	191,999
III. Số tiền chi ra trong kỳ						
Chi mua hàng hoá	5	7,849	0,481	0,639	0,654	9,623
Chi phí trực tiếp phát hành	4	7,140	8,797	8,700	8,985	33,622
Chi phí trả thưởng	2	24,100	29,625	29,300	30,250	113,275
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	3	6,060	7,165	7,100	7,290	27,615
Thuế lợi tức		0,500	0,500	0,500	0,500	2,000
Mua trang thiết bị		0,200	0,300	0,400	0,500	1,400
Cộng chi		45,849	46,868	46,639	48,179	187,535
IV. Cân đối thu chi		(0,775)	13,165	15,826	15,248	4,464
V. Vay						
Nhu cầu vay trong kỳ		13,775	-	-	-	13,775
Trả nợ vay			(0,165)	(2,826)	(2,248)	(5,239)
Cộng phần vay ngân hàng		13,775	(0,165)	(2,826)	(2,248)	8,536
VI. Số dư tiền mặt cuối kỳ		13,000	13,000	13,000	13,000	13,000

➤ **Dự toán kết quả hoạt động kinh doanh:**

- Giá trị thực tế vé phát hành: 108,075 triệu vé x 22,6 đ = 2,442 tỷ
- Giá vốn hàng bán: 2,442 + 33,622 + 113,275 = 149,339 tỷ

(Giá vốn hàng bán = giá trị thực tế vé phát hành + chi phí trả thưởng + chi phí phát hành)

Biểu 7: DỰ TOÁN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Nguồn số liệu lấy từ biểu	Số tiền (Tỷ đồng)
Doanh thu	1	190,520
Giá vốn hàng bán	2,4	149,339
Lợi nhuận gộp		41,181
Chi phí bán hàng và quản lý DN	3	28,215
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12,966
Thuế thu nhập doanh nghiệp		2,000
Lợi nhuận sau thuế		10,966
Trả lãi cổ phần		x
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối		10,966

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

TT	TÀI SẢN	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	19.960.570.038	14.673.534.152
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	13.187.189.841	9.461.691.623
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.015.809.897	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.565.735.590	3.678.040.522
IV.	Hàng tồn kho	537.407.720	503.436.437
1	Vé số	508.500.000	
2	Công cụ dụng cụ	28.907.720	
V.	Tài sản ngắn hạn khác	1.654.426.990	1.030.365.570
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	15.308.471.666	7.712.535.562
I.	Tài sản cố định	3.378.471.666	3.782.535.562
1.	Tài sản cố định hữu hình	3.378.471.666	3.762.701.590
	- Nguyên giá	6.593.850.293	6.486.814.866
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(3.215.378.627)	(2.724.113.276)
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	19.833.972
II.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11.930.000.000	3.930.000.000
1.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11.500.000.000	3.500.000.000
2.	Đầu tư dài hạn khác	430.000.000	430.000.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	35.269.041.704	22.386.069.714
TT	NGUỒN VỐN	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
A.	Nợ phải trả	9.079.521.116	5.021.578.393

I. Nợ ngắn hạn	7.686.759.010	3.555.009.967
II. Nợ dài hạn	1.392.762.106	1.466.568.426
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	26.189.520.588	17.364.491.321
I. Vốn chủ sở hữu	25.411.738.431	16.261.823.825
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	777.782.157	1.102.667.496
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	35.269.041.704	22.386.069.714

Biểu 8: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN DỰ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2007

TT	TÀI SẢN	31/12/2007 VND	31/12/2006 VND
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	31.311.144.607	19.960.570.038
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	13.000.000.000	13.187.189.841
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1.015.809.897	1.015.809.897
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	15.273.000.000	3.565.735.590
IV.	Hàng tồn kho	367.907.720	537.407.720
1	Vé số ⁽²⁾	339.000.000	508.500.000
2	Công cụ dụng cụ	28.907.000	28.907.720
V.	Tài sản ngắn hạn khác	1.654.426.990	1.654.426.990
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	16.108.471.666	15.308.471.666
I.	Tài sản cố định ⁽³⁾	4.178.471.666	3.378.471.666
1.	Tài sản cố định hữu hình	4.178.471.666	3.378.471.666
	- Nguyên giá	7.993.850.293	6.593.850.293
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(3.815.378.627)	(3.215.378.627)
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11.930.000.000	11.930.000.000
1.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	11.500.000.000	11.500.000.000
2.	Đầu tư dài hạn khác	430.000.000	430.000.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	47.419.616.273	35.269.041.704
TT	NGUỒN VỐN	31/12/2007 VND	31/12/2006 VND
A.	Nợ phải trả	10.261.762.106	9.079.521.116
I.	Nợ ngắn hạn ⁽⁴⁾	333.000.000	7.686.759.010
II.	Nợ dài hạn ⁽⁵⁾	9.928.762.106	1.392.762.106
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	37.157.854.167	26.189.520.588
I.	Vốn chủ sở hữu ⁽⁶⁾	36.380.072.010	25.411.738.431
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	777.782.157	777.782.157
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	47.419.616.273	35.269.041.704

Ghi chú:

- (1): Tiền và các khoản tương đương tiền: nguồn số liệu lấy từ biểu 6
(2): Hàng tồn kho (vé số) $15.000.000^{\text{vé}} \times 22,6 = 339.000.000^{\text{d}}$
(3): Tài sản cố định:
- Nguyên giá $6.593.850.293^{\text{d}} + 1.400.000.000^{\text{d}} = 7.993.850.293^{\text{d}}$
- Hao mòn $3.215.378.627^{\text{d}} + 600.000.000^{\text{d}} = 3.815.378.627^{\text{d}}$
(4): Nợ ngắn hạn: nguồn số liệu lấy từ biểu số 4: $333.000.000^{\text{d}}$
(5): Nợ dài hạn: $1.392.762.106^{\text{d}} + 8.536.000.000^{\text{d}} = 9.928.762.106^{\text{d}}$
(6): Vốn chủ sở hữu: $25.411.738.461^{\text{d}} + 10.968.340.579^{\text{d}} = 36.380.072.010^{\text{d}}$

✚ **Dự toán dài hạn:** là dự toán cho các dự án có nhu cầu vốn lớn, thời gian trên một năm nhằm tạo ra năng lực sản xuất mới cho doanh nghiệp. Có 3 phương pháp thường được sử dụng để phân tích khi ra các quyết định đầu tư dài hạn:

➤ **Phương pháp hiện giá thuần (NPV)**

Hiện giá thuần của một dự án sản xuất kinh doanh là kết quả so sánh giá trị hiện tại của tất cả các dòng tiền thu vào với giá trị hiện tại của tất cả các dòng tiền chi ra liên quan đến một dự án.

Hiện giá thuần (NPV) = Tổng hiện giá các dòng thu - tổng hiện giá các dòng chi.

Nếu: NPV > 0: Dự án bù đắp được chi phí sử dụng vốn và tạo thêm nguồn lợi kinh tế.

NPV = 0: Dự án bù đắp được chi phí sử dụng vốn

NPV < 0: Dự án không bù đắp được chi phí sử dụng vốn.

➤ **Phương pháp tỉ lệ sinh lợi (IRR)**

Tỷ lệ sinh lợi điều chỉnh theo thời gian (IRR) là một tỷ suất lợi tức nhằm thỏa mãn số lợi tức nhất định trong thời gian hiệu lực của dự án. Phương pháp IRR là phương pháp chọn tỷ suất sinh lợi nhằm đạt lợi tức hứa hẹn trong thời gian hiệu lực của dự án, do đó nó còn được gọi là tỷ lệ sinh lợi.

$$\text{Hệ số sinh lợi (H)} = \frac{\text{Vốn đầu tư ban đầu}}{\text{Dòng thu tiền thuần hàng năm}}$$

Sau đó tính tỷ lệ sinh lợi điều chỉnh theo thời gian theo công thức sau:

$$H_0 - H \dots (\dots)$$

Trong đó: r là tỷ lệ sinh lợi cần tìm.
 H_0, H_1 là hệ số sinh lời giới hạn dưới và trên.
 r_0, r_1 là tỷ lệ sinh lời cận dưới và cận trên.

➤ Phương pháp kỳ hoàn vốn

Các nhà đầu tư đều mong muốn thu hồi vốn thật nhanh để tránh tác động rủi ro từ môi trường kinh doanh và kỳ hoàn vốn là khoản thời gian cần thiết để dòng thu nhập của dự án đủ bù đắp số vốn đầu tư ban đầu.

Khi dòng thu nhập cố định qua các năm:

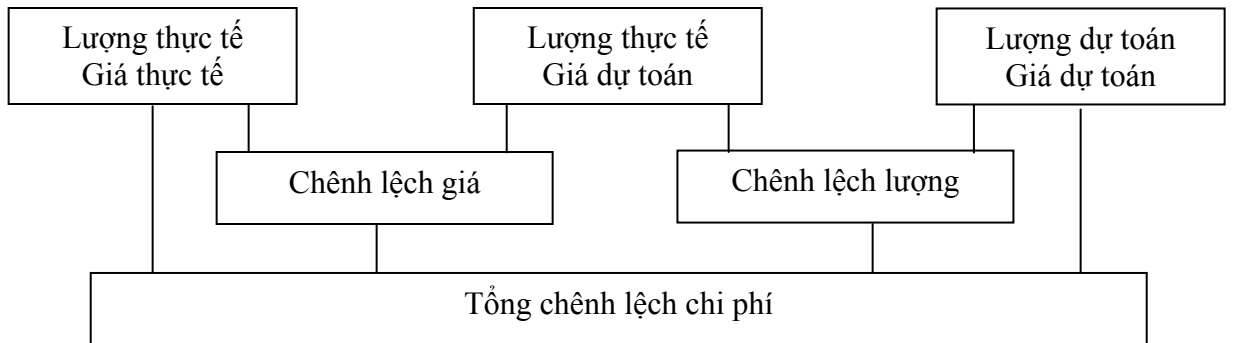
$$\text{Kỳ hoàn vốn (K)} = \frac{\text{Nhu cầu vốn đầu tư}}{\text{Dòng thu tiền thuần hàng năm (M)}}$$

Khi dòng thu nhập thay đổi qua các năm thì lập bảng cân đối giữa dòng thu nhập với vốn đầu tư qua các năm, từ đó xác định kỳ hoàn vốn đầu tư.

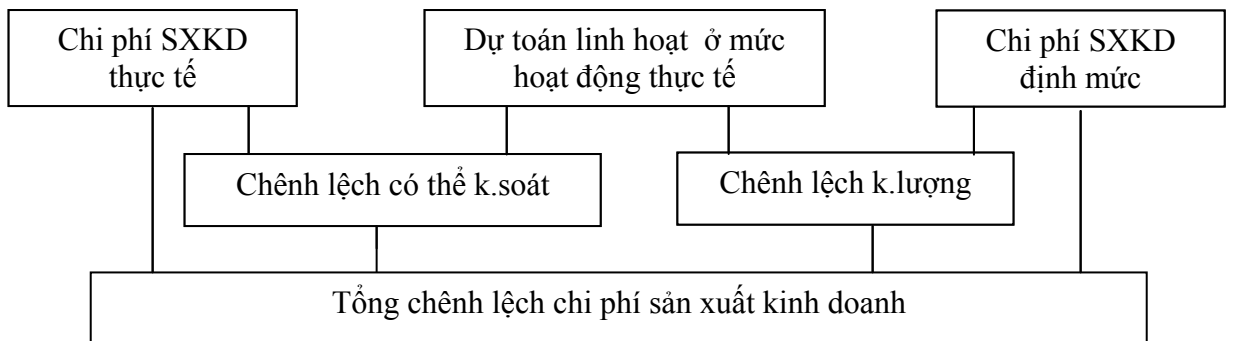
❖ *Các báo cáo quản trị nhằm phục vụ chức năng kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện kế hoạch.*

Cuối kỳ kế hoạch, thông qua báo cáo về chi phí chênh lệch so với dự toán và báo cáo theo từng trung tâm trách nhiệm, bộ phận kế toán quản trị sẽ cung cấp các thông tin cho các nhà quản trị để đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch cũng như trách nhiệm quản lý của các nhà quản trong công ty. Riêng đối với những Công ty xổ số kiến thiết vừa tổ chức in vé số, vừa tổ chức phát hành vé số chúng ta có thể lập các báo cáo kế toán quản trị như sau:

- Báo cáo về tình hình thực hiện dự toán chi phí trực tiếp nguyên vật liệu (giấy, mực in..) và chi phí nhân công trực tiếp: các báo cáo này giúp cho doanh nghiệp kiểm tra đánh giá tình hình sử dụng chi phí nguyên trực tiếp phát hành vé số và chi phí nhân công trực tiếp theo hai nhân tố giá và lượng.



- Báo cáo về tình hình thực hiện chi phí sản xuất kinh doanh: giúp các nhà quản lý kiểm tra đánh giá tình hình sử dụng chi phí sản xuất kinh doanh



- Báo cáo trung tâm trách nhiệm:

Như đã nêu ở trên, các công ty XSKT gồm có các VPĐD trực thuộc và đứng đầu là các trưởng văn phòng. Do đó công ty sẽ quản lý các trung tâm theo từng VPĐD.

Ngoài ra, các VPĐD phụ thuộc chỉ quản lý phần doanh thu và chi phí của VPĐD, vì vậy kế toán quản trị chỉ lập các báo cáo cho các VPĐD này về:

- + Trung tâm doanh thu
- + Trung tâm chi phí

Còn đối với VP Công ty, nếu có nhu cầu, kế toán quản trị có thể lập thêm báo cáo về:

- + Trung tâm lợi nhuận
- + Trung tâm đầu tư

Báo cáo phân tích doanh thu hòa vốn và cơ cấu chi phí

*** Mục đích:**

- + Đánh giá kết quả kinh doanh của công ty qua một thời kỳ hạch toán
- + Xác định được mức phần đầu trong việc thực hiện chỉ tiêu doanh thu để đạt mục tiêu lợi nhuận theo tình hình hoạt động của công ty và khả năng tiết kiệm chi phí.
- + Đánh giá khả năng thực hiện và kiểm soát lợi nhuận của công ty.
- + Thông qua phân tích hòa vốn để công ty xây dựng định hướng cho hoạt động kinh doanh, là cơ sở để xác định mục tiêu đạt lợi nhuận thông qua doanh thu hòa vốn.
- + Thông qua việc phân loại chi phí theo định phí và biến phí sẽ giúp công ty thấy được tác động của chi phí ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

*** Phương pháp lập:**

- Thống kê chỉ tiêu doanh thu bán lẻ kỳ kế hoạch, thực hiện cùng kỳ năm trước, thực hiện trong kỳ.
- Thống kê chỉ tiêu chiết khấu bán hàng, hỗ trợ vận chuyển, các khoản giảm trừ về công ty theo số liệu thực hiện cùng kỳ năm trước và số thực hiện trong kỳ.
- Thống kê và phân loại chi phí theo biến phí và định phí theo số thực hiện cùng kỳ năm trước, kỳ kế hoạch, thực hiện trong kỳ.

Bảng 1: Báo cáo phân tích doanh thu hòa vốn

Chỉ tiêu	Cùng kỳ năm trước (2005)		Kỳ thực hiện (2006)		Thực hiện so với cùng kỳ		
	Giá trị (1)	Tỷ trọng (2)	Giá trị (3)	Tỷ trọng (4)	+/- (5)	% (6)	Tỷ trọng (7)
Doanh thu thực hiện (a)	85,774	100	113,766	100	27,992	32,63	-
Biến phí (b)	70,302	81,96	97,537	85,73	27,235	38,74	3,77
Giá vốn	56,709	66,11	79,92	70,25	23,211	40,9	4,14
Chiết khấu bán hàng (*)-(**)							
- Chiết khấu (*)							
- Giảm về công ty (**)	11,463	13,36	14,787	12,99	3,324	28,9	-0,37
- Chi hỗ trợ khuyến khích đại lý	2,130	2,48	2,83	2,48	0,7	32,86	-

2,5%/DT tiêu thụ							
Số dư đảm phí (c) = (a) – (b)	15,472	18,038	16,229	14,26	0,757	4,89	-3,778
Định phí (d)	10,363	12,08	10,919	9,59	0,566	5,36	-2,49
Lợi nhuận (e) = (c) - (d)	5,109	5,95	5,31	4,66	0,201	3,93	-1,29
Doanh thu hòa vốn	57,450	66,97	76,570	67,304	19,12	33,28	-0,33
Tỷ lệ DTHV/DTTH (%)	66,97		67,304				

Ghi chú:

Cột (1), (3), là số liệu thống kê nhập vào, cột (5) = cột (3) – (1), Cột (6) =cột (5) chia cột (1), cột (7) = cột (4) – cột (2)

Cột (2) và cột (4) là số % của tất cả các khoản mục trong bản trên chia cho doanh thu thực hiện.

Doanh thu hòa vốn là doanh thu mà tại đó lợi nhuận của công ty bằng không.

Công thức xác định doanh thu hòa vốn: $DTHV = \text{Định phí} / (1 - \text{biến phí} / \text{doanh thu})$

Doanh thu để đạt lợi nhuận $P = (\text{Định phí} + P) / (1 - \text{Biến phí} / \text{Doanh thu})$; P là mức lợi nhuận mong muốn mà công ty muốn đạt được sau khi doanh thu thực tế vượt qua doanh thu hòa vốn, hoặc khi doanh thu thực tế vượt xa doanh thu hòa vốn một cách an toàn.

Doanh thu thực hiện: là chỉ tiêu doanh thu bán lẻ tức là tổng doanh thu.

Định phí: là định phí được phân loại trong chi phí bán hàng.

Biến phí: gồm chiết khấu bán hàng (tổng chiết khấu trừ đi các khoản giảm trừ về công ty), và biến phí bán hàng (được phân loại trong khoản mục chi phí bán hàng)

Bảng số liệu phân tích doanh thu hòa vốn như trên không phải là việc tính toán bằng đại số thông thường, mà nó có ý nghĩa kinh tế đặc biệt trong việc quản lý chi phí, kiểm soát lợi nhuận và kế hoạch kinh doanh.

Số dư đảm phí là số dư tạo ra do lấy doanh thu thực hiện trừ đi tổng biến phí, số dư này có ý nghĩa là số dư có được để bù đắp định phí kinh doanh trong kỳ.

+ Nếu số dư đảm phí = định phí: công ty hòa vốn; doanh thu hòa vốn bằng tổng doanh thu thực tế.

+ Nếu số dư đảm phí > định phí: công ty có lợi nhuận; doanh thu thực tế > doanh thu hòa vốn.

+ Nếu số dư đảm phí < định phí: công ty bị lỗ, doanh thu thực tế chưa vượt qua doanh thu hòa vốn.

Chỉ tiêu doanh thu hòa vốn là cột mốc để cho thấy khả năng lời lỗ có thể xảy ra và cho thấy khả năng phân đầu của công ty để đạt được mục tiêu lợi nhuận.

Chỉ tiêu tỷ lệ % doanh thu hòa vốn trên doanh thu thực hiện gọi là tỷ lệ doanh thu an toàn.

+ Nếu tỷ số này bằng 100% doanh thu hòa vốn bằng doanh thu thực tế, công ty hòa vốn.

+ Nếu tỷ số này < 100% doanh thu hòa vốn bằng doanh thu thực tế, công ty có lời, tỷ lệ này càng nhỏ (so với 100%) thì khả năng có lãi càng cao và ngược lại.

+ Nếu tỷ số này > 100% doanh thu thực tế chưa vượt qua doanh thu hòa vốn, công ty bị lỗ, tỷ lệ này càng lớn thì khả năng có lãi của công ty càng thấp. Vì vậy, để hướng tới có lãi thì công ty phải ra sức cải thiện chi phí để giảm thiểu tỷ lệ này.

Trong kỳ kinh doanh công ty phải phấn đấu đạt hai mục tiêu là thực hiện chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và đạt được lợi nhuận theo tỷ lệ khoán chi phí do công ty giao. Vì vậy, kết quả kinh doanh của công ty trong kỳ hoạch toán sẽ được đánh giá đồng thời hai mục tiêu trên, với tiêu chuẩn đánh giá như sau:

- Nếu doanh thu thực tế > doanh thu kế hoạch, đồng thời doanh thu thực tế > (doanh thu hòa vốn hoặc doanh thu để đạt lợi nhuận P): đây là biểu hiện tích cực, công ty vừa thực hiện được kế hoạch doanh thu vừa đạt được chỉ tiêu lợi nhuận, hoặc lợi nhuận ở mức mong muốn.

- Nếu doanh thu thực tế > doanh thu kế hoạch, đồng thời doanh thu thực tế chưa vượt qua doanh thu hòa vốn: kết quả này khẳng định công ty đạt được kế hoạch doanh thu nhưng không đạt mục tiêu lợi nhuận.

- Nếu doanh thu thực tế > doanh thu kế hoạch, đồng thời doanh thu thực tế > doanh thu hòa vốn và doanh thu thực tế chưa vượt qua mức doanh thu để đạt lợi nhuận P: kết quả cho thấy công ty đã thực hiện được kế hoạch doanh thu: đạt được lợi nhuận nhưng không đạt được lợi nhuận mục tiêu.

- Nếu doanh thu thực tế < doanh thu kế hoạch: đồng thời doanh thu thực tế > doanh thu hòa vốn: công ty chưa thực hiện kế hoạch doanh thu và có lãi, kết quả được đánh giá tích cực. Trong kỳ tới, công ty phải phấn đấu hơn nữa trong việc thực hiện chỉ tiêu doanh thu.

- Nếu doanh thu thực tế < doanh thu kế hoạch, đồng thời doanh thu thực tế chưa vượt qua doanh thu hòa vốn: hoạt động của công ty là chưa tốt, công ty đồng thời không đạt được hai mục tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.

Cũng từ báo cáo trên chúng ta có thể xem xét cơ cấu chi phí. Cơ cấu chi phí là một chỉ tiêu rất quan trọng trong việc đánh giá tình hình kiểm soát lợi nhuận trong quá trình điều hành hoạt động của công ty. Chỉ tiêu này chính là tỷ lệ % các khoản mục biến phí (và các thành phần của biến phí), số dư đảm phí, định phí, lợi nhuận chia cho doanh thu thực hiện, tức là cột tỷ trọng trong bảng trên.

Để định hướng, đánh giá và kiểm soát nhanh chóng đối với chỉ tiêu lợi nhuận trong một kỳ hoạt động thì chỉ cơ cấu chi phí so với doanh thu sẽ hiệu quả hơn.

Qua số liệu thực hiện năm 2005 và 2006 tại công ty XSKT Phú Yên ta thấy:

- Doanh thu thực hiện năm 2006 so với năm 2005 tăng 32,63%, số tuyệt đối tăng 27,992 tỷ đồng.

- Biến phí thực hiện năm 2006 so với năm 2005 tăng 38,74%, số tuyệt đối tăng 27,235 tỷ đồng, tỷ trọng so với cùng kỳ năm trước tăng 3,77%.

- Số dư đảm phí thực hiện năm 2006 so với năm 2005 tăng 4,98%, số tuyệt đối tăng 0,757 tỷ đồng, tỷ trọng thực hiện so với cùng kỳ năm trước giảm -3,778%.

- Định phí thực hiện năm 2006 so với năm 2005 tăng 5,36%, số tuyệt đối tăng 0,556 tỷ, tỷ trọng thực hiện định phí so với doanh thu so với cùng kỳ năm trước giảm -2,49%.

- Lợi nhuận thực hiện năm 2006 so với năm 2005 tăng 3,93%, số tuyệt đối tăng 0,201 tỷ, tỷ trọng thực hiện so với cùng kỳ năm trước giảm -1,29%.

- Doanh thu hòa vốn thực hiện năm 2006 tăng 33,28%, số tuyệt đối tăng 19,12 tỷ, tỷ trọng thực hiện so với cùng kỳ năm trước giảm -0,33%.

Qua sơ bộ phân tích có thể đánh giá tình hình thực hiện năm 2006 so với năm 2005 tại công ty XSKT Phú Yên như sau:

- Ta thấy rằng trong năm 2006 công ty kinh doanh đạt hiệu quả. Tuy nhiên so với năm 2005 thì chưa đạt, điều này thể hiện ở chỗ:

+ Tốc độ tăng doanh thu năm 2006 tăng 32,63%, số tuyệt đối tăng 27,992 tỷ nhưng tốc độ tăng biến phí 38,74% cao hơn tốc độ tăng doanh thu. Điều này dẫn đến số dư đảm phí có tăng nhưng không đáng kể do đó tỷ trọng số dư đảm phí giảm -3,778%, tỷ trọng lợi nhuận giảm -1,29%, tỷ trọng doanh thu hoà vốn giảm -0,33%.

+ Chỉ tiêu ROI:

Vốn bình quân hoạt động 2005 = 21 tỷ

Vốn bình quân hoạt động 2006 = 28,8 tỷ

$$\text{ROI} = \frac{\text{Lợi nhuận}}{\text{Doanh thu}} \times \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Vốn bình quân hoạt động}}$$

$$\text{ROI}_{2005} = \frac{4,9}{85,23} \times \frac{85,23}{21} = 23,33\%$$

$$\text{ROI}_{2006} = \frac{5,30}{113,371} \times \frac{113,371}{28,8} = 18,40\%$$

Ta thấy tỷ lệ hoàn vốn đầu tư ROI năm 2006 là 18,40% trong khi đó tỷ lệ này năm 2005 là 23,33%. Vì vậy trong năm 2006 hiệu quả kinh doanh đạt được là tương đối tốt. Song so với năm 2005 thì hiệu quả kinh doanh có chiều hướng giảm sút do chi phí tăng cao, nhất là biến phí.

Ngoài ra để cung cấp số liệu kịp thời cho lãnh đạo công ty thì hàng tuần, tháng, quý, năm, kế toán quản trị công ty phải thực hiện các báo cáo như:

- Báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện chi phí sản xuất kinh doanh
- Báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh, lao động, tiền lương và thu nhập
- Báo cáo về tình hình chi trả hoa hồng và hỗ trợ đại lý.
- Báo cáo tình hình thực hiện kỳ nợ và thế chấp đại lý.

Bảng 2: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH
Năm 2006

Đvt: Triệu đồng

ST T	YẾU TỐ CHI PHÍ	NĂM TRƯỚC	THỰC HIỆN NĂM BÁO CÁO		SO SÁNH %	
		Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	So với năm trước	So với năm b.cáo
I	Tổng doanh thu thuần	85.230	100.000	113.371	117	103
1	Vé số kiến thiết	84.095	98.850	112.172	118	113
2	Vé số bóc	1.135	1.150	1.199	101	104
II	Tổng chi phí	80.666	96.148	108.456	119	113
1	Thuế tiêu thụ đặc biệt	11.464	13.043	14.787	113	113
2	Chi phí trả thưởng	44.205	55.000	62.732	124	114
	Vé số kiến thiết	43.495	54.368	62.111	125	114
	Vé bóc	710	632	621	89	98
3	Chi phí phát hành	14.634	17.605	20.018	120	114
	Vé số kiến thiết	14.332	17.299	19.817	120	114
	Vé bóc	302	306	294	101	97
5	Chi phí quản lý DN	10.363	10.500	10.919	101	104
III	Lợi nhuận	4.905	3.852	4.915	78	127

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập
(ký, họ tên)

Bảng 3: BÁO CÁO TÌNH HÌNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ THU NHẬP NĂM 2006

SỐ TT	CHỈ TIÊU	Đ.VỊ TÍNH	KH NĂM TRƯỚC	T.HIỆN KH	T.HIỆN KH (%)	GHI CHÚ
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH					
1	Tổng sản phẩm (Kể cả qui đổi)					
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	100.000	125.104	125	
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	“	74.462	90.276	121	
4	Tổng các khoản nộp ngân sách nhà nước	“	21.000	25.645	122	
5	Lợi nhuận	“	2.800	5.309	190	
II	CHỈ TIÊU LAO ĐỘNG					
1	Lao động định mức	Người	56	56	100	
2	Lao động sử dụng thực tế bình quân (LĐSDTTBQ)	“	49	49	100	
III	QUỸ TIỀN LƯƠNG THEO ĐƠN GIÁ	Tr.đồng	1.790	3.494	195	
IV	QUỸ TIỀN LƯƠNG NGOÀI ĐƠN GIÁ	Tr.đồng	213	71	33	
	- Quỹ tiền lương bổ sung	”	213	71	33	
	- Quỹ phụ cấp và tiền thưởng (nếu có)	“				
	- Quỹ làm thêm giờ, làm thêm ngoài đơn giá	“				
V	TIỀN LƯƠNG BÌNH QUÂN					
1	Tiền lương b.quân theo lao động định mức	1.000đ/th	2.660	5.050	190	
2	Tiền lương b.quân theo LĐTTSDBQ	“	3.040	5.770	190	
VI	QUỸ TIỀN THƯỞNG & PHÚC LỢI TỪ LN	Tr.đồng				
	Trong đó: Phân phối trực tiếp cho người lao động (kể cả tiền ăn ca, thưởng)	“				
VII	QUỸ THU NHẬP KHÁC (Hoạt động SXKD	Tr.đồng				
VIII	của công đoàn làm đại lý, cho thuê VP)					
IX	THU NHẬP BÌNH QUÂN THỰC TẾ	1.000đ/th	3.040	5.770	190	
X	NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG BÌNH QUÂN TÍNH THEO DOANH THU	Tr.đ/năm	2.040	2.553	125	

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập
(ký, họ tên)

Bảng 4: BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHI TRẢ HOA HỒNG VÀ HỖ TRỢ ĐẠI LÝ
Tháng.....Năm.....

STT	TÊN ĐẠI LÝ	Doanh thu bán vé trong tháng	Mức hỗ trợ (tỷ lệ %)			Số tiền chi hoa hồng, hỗ trợ đại lý
			Tổng số	Tỷ lệ hoa hồng	Tỷ lệ hỗ trợ	
1	2	3	4	5	6	7
1	Đại lý....					
2	Đại lý...					

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập
(ký, họ tên)

Bảng 5: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KỶ NỢ VÀ THẾ CHẤP ĐẠI LÝ
Quý.....Năm.....

STT	TÊN ĐẠI LÝ	Doanh thu bán vé có thuế	Tổng số nợ phải thu	Thế chấp	
				Giá trị thế chấp	Tỷ lệ thế chấp/Nợ phải thu (%)
1	2	3	4	5	6
1	Tên đại lý.....				
2	Tên đại lý.....				

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Người lập
(ký, họ tên)

❖ Các báo cáo quản trị nhằm phục vụ chức năng đánh giá và ra quyết định

Trong khi hoạt động thì các nhà quản trị luôn luôn phải có những quyết định quan trọng như: quyết định về kết cấu, mẫu mã, hình thức sản phẩm, quyết định về giá bán sản phẩm, quyết định về đầu tư cơ bản... Để giúp cho các nhà quản trị có những quyết định đúng đắn thì kế toán quản trị sẽ cung cấp cho họ:

- Những thông tin kịp thời, ngắn gọn, dễ hiểu
- Những thông tin về sự chênh lệch giữa doanh thu và chi phí liên quan đến các phương án.

Các báo cáo phục vụ cho chức năng này rất nhiều và sau đây là 2 báo cáo phổ biến nhất:

- Báo cáo phản ánh các thông tin thích hợp để ra quyết định:

Các nhà quản trị thường phải lựa chọn phương án hoạt động sản xuất kinh doanh từ các phương án khác nhau và nguyên tắc quyết định là chọn phương án sẽ mang lại thu nhập cao nhất hay lỗ thấp nhất. Do đó, các nhà quản trị cần được cung cấp những thông tin thích hợp để ra quyết định.

Để lên bảng báo cáo cần tiến hành các bước sau:

- + Tập hợp tất cả các khoản thu và chi có liên quan đến các phương án xem xét.
- + Loại bỏ các khi phí chìm (các chi phí không thể tránh ở các phương án)
- + Loại bỏ các khoản thu và chi như nhau ở các phương án.
- + Tiến hành sắp xếp các thông tin thích hợp còn lại để xác định phương án nào có mức lợi nhuận cao nhất hoặc chi phí thấp nhất.

Tóm lại, hệ thống báo cáo tài chính hiện hành cần phải được hoàn thiện theo phù hợp với chuẩn mực kế toán quốc tế nhằm cung cấp những thông tin trung thực và hợp lý cho các đối tượng sử dụng thông tin bên ngoài doanh nghiệp. Và trong giai đoạn hiện nay, khi mà Nhà nước chưa hướng dẫn các doanh nghiệp trong việc xây dựng hệ thống báo cáo quản trị thì các công ty XSKT có thể dựa vào những yêu cầu cũng như đặc điểm của doanh nghiệp mà hoàn thiện hệ thống báo cáo quản trị nêu trên để có

những thông tin hữu ích giúp cho công ty có thể đứng vững trong môi trường kinh tế ngày càng phát triển.

3.3. NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT ĐỂ THỰC HIỆN GIẢI PHÁP

3.3.1. Về phía ngành xổ số kiến thiết

✓ Về cấu trúc thị trường

- Hướng tới toàn bộ thị trường là một thể thống nhất, không có sự chia cắt theo địa giới hành chính. Cùng với việc tiếp tục củng cố và phát triển thị trường chung đã được thiết lập ở tất cả các khối nhằm mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, thực hiện mở rộng phạm vi kinh doanh ra cả nước đối với các sản phẩm mới.

- Xây dựng thị trường xổ số, đặt cược, trò chơi có thưởng có cơ cấu hợp lý; kết hợp hài hoà giữa các loại hình xổ số truyền thống với các loại hình xổ số mới (lô tô, điện toán) và các loại hình đặt cược, trò chơi có thưởng khác.

- Tạo lập sự phát triển đồng bộ giữa thị trường xổ số, đặt cược, trò chơi có thưởng với sự phát triển của thị trường thương mại, dịch vụ du lịch và thể thao.

✓ Về loại hình sản phẩm

Đa dạng hoá các loại hình xổ số, đặt cược, trò chơi có thưởng. Việc phát triển sản phẩm được thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường từng khu vực và thị trường cả nước. Tiếp tục duy trì các loại hình xổ số hiện có, đồng thời với việc đưa thêm một số loại hình sản phẩm mới vào kinh doanh như: xổ số điện toán, xổ số thông qua điện thoại,... Đến năm 2010, cơ cấu sản phẩm được điều chỉnh theo hướng: Xổ số truyền thống và các loại hình xổ số hiện có (cào, bóc, lô tô thủ công) chiếm 65% thị phần; các loại hình xổ số mới (điện toán, xổ số qua điện thoại) chiếm 35% thị phần.

Tại các khu vực thành thị, trung tâm kinh tế, vùng kinh tế trọng điểm, sẽ xem xét đưa vào khai thác một số loại hình đặt cược, trò chơi có thưởng trên nguyên tắc đảm bảo khả năng kiểm soát của Nhà nước và an ninh, an toàn trật tự xã hội.

✓ Về mô hình hoạt động của các Công ty XSKT

- Xây dựng mô hình Công ty Xổ số quốc gia để thực hiện kinh doanh các loại hình sản phẩm xổ số mới, có địa bàn kinh doanh trong toàn quốc như xổ số điện toán, xổ số thông qua điện thoại,...

- Tiếp tục duy trì mô hình các công ty xổ số hoạt động độc lập, đồng thời với việc từng bước sắp xếp lại các doanh nghiệp trên nguyên tắc đảm bảo sự ổn định của thị trường, hiệu quả hoạt động xổ số và nguồn thu của ngân sách các cấp.

- Nhà nước thực hiện quản lý, kiểm soát chặt chẽ việc thành lập và hoạt động của các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xổ số, đặt cược, trò chơi có thưởng. Đối với các doanh nghiệp xổ số, Nhà nước thực hiện nắm giữ 100% vốn. Đối với các dịch vụ còn lại, loại hình doanh nghiệp được phép thành lập có thể là doanh nghiệp Nhà nước; doanh nghiệp liên doanh và công ty cổ phần với điều kiện Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Số lượng các công ty cung cấp dịch vụ cần được không chế phù hợp với nhu cầu của thị trường.

✓ **Về hoạt động của Hội đồng XSKT các khu vực**

Các giải pháp phát triển cụ thể đối với từng khối trong thời gian tới như sau:

- Khu vực miền Bắc: phải tiếp tục phát triển hệ thống mạng lưới đại lý, tăng cường đại lý bán dạo trên cơ sở, mở rộng thị trường; đưa tỷ lệ tiêu thụ vé XSTT lên trên 50%; tiếp tục đổi mới hoạt động phát hành các loại hình xổ số trong khu vực tạo sự cạnh tranh cho toàn khu vực.

- Khu vực miền Trung: tiếp tục phát triển hệ thống mạng lưới đại lý, từng bước đổi mới hoạt động phát hành các loại hình xổ số trong khu vực. Các công ty cần nâng tỷ lệ tiêu thụ vé XSTT trên 60%.

- Khu vực miền Nam: Các công ty trong cùng ngày phát hành phải xây dựng kế hoạch phát hành cho phù hợp nhằm nâng tỷ lệ tiêu thụ vé trên 70%, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của nhà nước về phát hành và quản lý tài chính. Tăng cường công tác quản lý tài chính và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về hoa hồng, kỳ nợ, thế chấp.

✓ **Về hoạt động của các công ty xổ số**

- Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của nhà nước trong hoạt động kinh doanh xổ số.

- Chú trọng công tác quản lý và nâng cao khả năng quản trị doanh nghiệp; tăng cường chính chủ động, sáng tạo trong hoạt động kinh doanh.

- Nâng cao tiềm lực tài chính của các Công ty XSKT; đưa mức vốn điều lệ của các Công ty XSKT lên tối thiểu 30 tỷ đồng/công ty.

- Tăng cường trách nhiệm trong công tác quản lý nghiệp vụ: quay số mở thưởng, thu hồi thanh huỷ vé ế nhằm đảm bảo phát triển lành mạnh chống tiêu cực lợi dụng làm ảnh hưởng đến uy tín của hoạt động xổ số. Phối hợp thường xuyên với các cơ quan chức năng trong địa bàn đấu tranh chống tệ nạn số đề.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ - công nhân viên.

- Ưu tiên phát triển mạng lưới đại lý là các đối tượng chính sách, người tàn tật ...nhằm kết hợp giữ kinh doanh xổ số với giải quyết vấn đề phúc lợi xã hội.

✓ **Về hợp tác quốc tế và hiện đại hoá công nghệ quản lý**

- Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế nhằm tận dụng công nghệ, học tập kinh nghiệm phát triển; từng bước nghiên cứu ứng dụng các loại hình xổ số, đặt cược, vui chơi có thưởng mới vào điều kiện thực tế của Việt Nam. Tích cực tìm kiếm và chủ động đề xuất các chương trình hỗ trợ kỹ thuật với phía nước ngoài. Cử đại diện tham gia các tổ chức quốc tế khu vực và thế giới.

- Đổi mới phương thức và công nghệ quản lý, giám sát; thay công nghệ quay số mở thưởng thủ công như hiện nay bằng thiết bị hiện đại; tăng cường công tác quản lý và từng bước tự động hoá công tác thu hồi và tiêu huỷ vé ế.

- Trang bị, phát triển hệ thống thiết bị hiện đại, bao gồm cả phần mềm cho các loại hình xổ số điện toán, điện tử; trang bị cơ sở vật chất cho việc phát triển các hoạt động vui chơi có thưởng.

✓ **Về sử dụng nguồn thu từ phát hành xổ số, đặt cược, trò chơi có thưởng**

- Trình Chính phủ cơ chế sử dụng nguồn thu từ các hoạt động xổ số, đặt cược, trò chơi có thưởng phục vụ cho các mục đích phúc lợi công cộng, sự nghiệp y tế, giáo dục. Các Sở Tài chính cần kế hoạch hoá cụ thể các danh mục các công trình được sử dụng nguồn thu từ phát hành xổ số, có thứ tự ưu tiên hợp lý, đảm bảo đầu tư dứt điểm để sớm đưa vào khai thác, sử dụng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng công trình và chi phí đầu tư, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Đồng thời, gắn việc sử dụng các công trình phúc lợi xã hội với việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong nhân dân về ý nghĩa của hoạt động xổ số.

✓ **Về quản lý Nhà nước**

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các cơ chế, chính sách đối với hoạt động kinh doanh xổ số, đặt cược, trò chơi có thưởng.

- Tăng cường công tác kiểm tra nhằm đảm bảo việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình quản lý; kịp thời ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực phát sinh; có chế tài xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm.

- Chú trọng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ kinh doanh cũng như cán bộ làm công tác quản lý nhà nước.

Phối hợp triển khai công tác phòng chống số đề, tổ chức đặt cược, trò chơi có thưởng trái phép.

- Xây dựng quy chế phối hợp liên ngành trong công tác phòng chống số đề, tổ chức đặt cược, trò chơi có thưởng trái phép.

- Thực hiện truyền thông, giáo dục về các tác động tiêu cực của hoạt động số đề, đặt cược, trò chơi có thưởng trái phép để nhân dân hiểu và không tham gia.

- Trình Chính phủ cho phép tập trung quỹ hỗ trợ phòng chống số đề, tổ chức đặt cược, trò chơi có thưởng trái phép để đảm bảo nguồn hỗ trợ tài chính thường xuyên cho việc phòng chống tội phạm trong lĩnh vực này.

3.3.2. Về phía các công ty xổ số kiến thiết

Sau khi được Nhà nước và ngành xổ số kiến thiết tạo điều kiện để hoạt động kinh doanh, các công ty xổ số cũng cần phải hoàn thiện các công việc sau để cho việc lập báo cáo tài chính của mình được tốt hơn.

Thứ nhất, cần xây dựng qui chế tổ chức và cơ chế hoạt động kinh doanh của công ty phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao. Tiến hành rà soát, bổ sung, sửa đổi và xây dựng qui chế tổ chức, nội qui, qui chế rõ ràng trong công tác quản lý tiền vốn, vật tư tài sản các công ty nên gắn trách nhiệm, quyền hạn của tập thể và cá nhân với khuyến khích động viên về vật chất và tinh thần. Có chế độ thưởng phạt nghiêm minh, giao trách nhiệm quản lý, xử lý thích đáng những người làm hư hỏng, mất mát tài sản, vật tư, đồng thời cũng có hình thức động viên, khen thưởng những người có tinh thần trách nhiệm trong việc giữ gìn tài sản, vật tư, tiền vốn, máy móc thiết bị, phương tiện đi lại... nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Thứ hai, hoàn thiện bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả. Phương châm hoạt động của các công ty xổ số kiến thiết từ nay đến hết năm 2007 là trụ vững và từng bước củng cố hoàn thiện toàn diện về các lĩnh vực. Muốn đạt được điều đó trước hết từng công ty phải có phương án báo cáo Sở chủ quản rà soát lại công tác tổ chức, sắp xếp bộ máy quản lý lãnh đạo, các phòng chức năng, tinh gọn bộ máy nhưng phải thực sự đủ mạnh để đảm đương công việc trong cơ chế hiện nay.

Cần tăng cường bổ sung đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn vững vàng, tinh thông nghiệp vụ, có đạo đức phẩm chất, tinh nhạy với cơ chế thị trường, kiên quyết từ nay đến năm 2010 không sắp xếp bố trí những cán bộ lãnh đạo quản lý, các bộ chuyên môn nghiệp vụ chưa qua đào tạo. Đối với đội ngũ cán bộ, công nhân viên chức – lao động trẻ có phẩm chất, năng lực tạo điều kiện để đào tạo, đào tạo lại nhằm đảm đương được nhiệm vụ. Tập trung kiện toàn lại các tổ thường trú ở các khu nhằm nâng cao năng lực hoạt động của tổ.

Thứ ba, các công ty phải tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh. Muốn vậy thì:

- Đội ngũ cán bộ quản lý phải kiểm tra, giám sát chặt chẽ tất cả những công việc giao cho cấp dưới thông qua đó, một mặt nâng cao trách nhiệm của người thừa hành, mặt khác kịp thời phát hiện những sai sót để có biện pháp khắc phục uốn nắn.

- Kiện toàn lại Ban thanh tra công nhân, đủ về số lượng và chất lượng, đòi hỏi cán bộ thanh tra phải có bản lĩnh vững vàng, nghiệp vụ về quản lý giỏi, phải có chương trình kế hoạch kiểm tra, kiểm soát thường xuyên định kỳ hoặc kiểm tra trọng điểm.

- Duy trì công việc tổ chức Đại hội Công nhân viên chức nhằm phát huy quyền làm chủ của người lao động, dân chủ công khai kế hoạch kinh doanh để cho người lao động được biết tham gia bàn bạc và kiểm tra, cần phải xây dựng qui chế quản lý, kiểm tra.

- Giáo dục cho cán bộ, công nhân viên chức nhận thức được việc kiểm tra, kiểm soát là việc làm thường xuyên của từng đơn vị, tránh các hiện tượng nghi kỵ, mâu thuẫn gây mất đoàn kết lẫn nhau trong nội bộ.

Thứ tư, doanh thu bán vé là nhân tố chính quyết định đến các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn cũng như chỉ tiêu lợi nhuận của công ty kinh doanh xổ số kiến thiết. Do đó, vấn đề tăng doanh thu bán vé là yếu tố quyết định nhất trong hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy, các công ty phải mở rộng mạng lưới tiêu thụ vé xổ số kiến thiết. Hiện nay, doanh thu của các công ty phần lớn là ở các khu vực tập trung dân cư thành phố, thị xã, thị trấn các huyện đồng bằng. Cho nên các công ty xổ số kiến thiết cần có biện pháp:

- Tăng cường công tác phát triển mạng lưới Tổng đại lý, đại lý, mở rộng địa bàn tiêu thụ vé nhất là các nơi chưa có phong trào bán vé hoặc phong trào bán vé còn yếu. Cần xây dựng chính sách hỗ trợ Tổng đại lý, đại lý một các hợp lý để khuyến khích đại lý, Tổng đại lý nhằm nâng cao doanh thu bán vé, gắn bó với nghề kinh doanh vé số và gắn bó với công ty.

- Tăng cường công tác tuyên truyền quảng cáo. Phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành, các cơ quan thông tin đại chúng giải thích cho nhân dân hiểu rõ bản chất tốt đẹp của xổ số kiến thiết là hoạt động “vừa ích nước, vừa lợi nhà”, là một biện pháp tài chính có hiệu quả trong việc động viên nguồn vốn nhàn rỗi trong các tầng lớp nhân dân để xây dựng các công trình phúc lợi phục vụ lợi ích cho nhân dân. Đi đôi với việc tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng, cần có kế hoạch gắn liền các công trình phúc lợi xã hội được đầu tư từ nguồn vốn xổ số kiến thiết để tuyên truyền cho nhân dân càng thấy rõ mua vé xổ số kiến thiết là “ích nước, lợi nhà”. Các công ty cần thông tin nhanh, nhạy, kịp thời kết quả xổ số kiến thiết đến người tham gia mua vé số bằng các biện pháp như: Fax, điện thoại, kết quả tờ rơi, đồng thời nên tăng cường đội ngũ đi dán thông báo kết quả xổ số ở các trục đường chính, các địa điểm đông dân cư, các thị trấn, thị tứ do các công ty và chi nhánh đang quản lý.

Thứ năm, căn cứ vào điều kiện kinh tế và thu nhập dân cư trong từng vùng, từng thời kỳ, kết hợp với việc theo dõi, phân tích tổng hợp tình hình và kết quả của từng loại hình vé xổ số, xác định sức mua và tỷ trọng của từng loại của từng địa bàn để xây dựng kế hoạch phát hành cho toàn công ty, cho từng địa bàn một cách phù hợp nhằm đảm bảo mang lại hiệu quả cao nhất. Đồng thời, thông qua các đoàn thể đẩy mạnh việc phát hành xổ số đặc biệt gắn với mục tiêu cụ thể, vừa khai thác tăng doanh thu vừa làm cho hoạt động xổ số thực sự là một hoạt động có ý nghĩa lớn về kinh tế, chính trị và xã hội.

Thứ sáu, trong chiến lược phát triển kinh doanh, nhân tố con người là nhân tố quan trọng nhất. Để kinh doanh có hiệu quả, điều kiện cần là các công ty xổ số kiến thiết phải có đội ngũ cán bộ công nhân viên có năng lực chuyên môn cao, năng động, am hiểu thị trường, địa bàn tiêu thụ vé xổ số kiến thiết. Do vậy, các công ty cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ công nhân viên cho phù hợp với hoạt động kinh doanh trong giai đoạn mới, khuyến khích sáng kiến, cải tiến của cán bộ công nhân viên trong công tác quản lý và phục vụ kinh doanh.

Thứ bảy, nâng cao công tác tổ chức hạch toán kế toán tài chính. Thực hiện tốt công tác tổ chức hạch toán kế toán tài chính sẽ cung cấp những thông tin kinh tế hữu hiệu nhất cho những quyết định kinh doanh của công ty. Để có thể nắm bắt được tình hình kinh tế tài chính của công ty thì các nhà quản lý và phân tích tài chính phải dựa vào các tài liệu do phòng Kế toán – Tài vụ cung cấp. Chính vì vậy, tổ chức tốt công tác hạch toán, cập nhật thông tin chính xác, đầy đủ là điều kiện tiên quyết cho việc phân tích, đánh giá đúng đắn tình hình tài chính của công ty, từ đó đưa ra những quyết định mang tính chiến lược trong cả ngắn hạn và dài hạn.

Hiện nay, các công ty xố số kiến thiết đã dần dần trang bị hệ thống máy tính vào phục vụ công tác hạch toán kế toán. Nhờ vậy, các công việc hạch toán hàng ngày được tiến hành nhanh hơn và chính xác hơn, năng suất lao động kế toán được nâng cao. Do đó, một số kế toán có thời gian nhàn rãnh (do giảm công việc hạch toán hàng ngày) sẽ chuyển sang làm nhiệm vụ phân tích tài chính. Tuy nhiên cơ sở vật chất cho việc thực hiện công tác kế toán này chưa đồng bộ, phần mềm kế toán máy tính do các công ty tự viết còn nhiều thiếu sót, chập vá, do đó, gây ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc. Vì vậy, trong thời gian đến, các công ty cần đầu tư kinh phí để hoàn thiện chương trình phần mềm kế toán.

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của phòng Kế toán – Tài vụ nên phòng luôn phải giải quyết một khối lượng công việc tương đối nhiều. Muốn nâng cao năng suất lao động kế toán, một mặt các công ty nên xem xét bố trí lại các phân hành và nâng cao tay nghề cho cán bộ kế toán để một cán bộ kế toán có thể kiêm nhiệm nhiều phân hành, mặt khác cần có kế hoạch đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ chuyên môn nhằm nâng cao trình độ đội ngũ kế toán.

KẾT LUẬN

Sự nghiệp đổi mới đất nước ta do Đảng và Nhà nước khởi xướng và lãnh đạo đã giành được những thắng lợi to lớn, tạo ra được nhiều vận hội mới, thời cơ mới cho sự phát triển của đất nước.

Cùng với sự phát triển của cả nước, các công ty xố số kiến thiết thời gian qua, đặc biệt là công ty xố số kiến thiết khu vực Nam Trung bộ mà ta khảo sát điển hình ở trên cũng đạt những thành tích cao trong quá trình tổ chức, điều hành sản xuất kinh doanh của mình. Nổi bật nhất là kết quả lợi nhuận mà các công ty đã đạt được, góp phần đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách quốc gia để xây dựng các công trình phúc lợi cho xã hội.

Cũng như ở bất kỳ một doanh nghiệp nào, tình hình tài chính luôn là một vấn đề đáng quan tâm của người chủ doanh nghiệp cũng như của nhiều đối tượng liên quan khác. Nắm được tình hình tài chính, quy mô, cơ cấu tài sản - nguồn vốn, hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như các vấn đề khác về nhu cầu, khả năng thanh toán hay mức độ đảm bảo của vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ giúp cho những người quan tâm đưa ra được những quyết định kinh doanh đúng đắn và tối ưu.

Do đó, lập báo cáo tài chính & quản trị đóng vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính của các công ty xố số kiến thiết. Nó đòi hỏi các công ty phải tổ chức tốt quá trình thu thập tài liệu ban đầu đến việc lập báo cáo tài chính phải sát với thực tế, từ đó mới tiến hành phân báo cáo tài chính để giúp những người ra quyết định lựa chọn tối ưu và đánh giá chính xác thực trạng tài chính và tiềm năng của công ty.

Từ kết quả nghiên cứu của luận văn về “Hoàn thiện nội dung, phương pháp lập báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị (khảo sát điển hình tại khu vực Nam Trung bộ), có thể rút ra một số kết luận sau:

- Luận văn hệ thống hóa cơ sở lý luận của việc lập các báo cáo tài chính & Quản trị đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào, đặc biệt là đối với các công ty xỏ số kiến thiết.

- Luận văn phân tích thực trạng của việc lập báo cáo tài chính & quản trị của các công ty xỏ số kiến thiết, khảo sát điển hình ở khu vực Nam Trung bộ mà chủ yếu là khối liên kết 4 tỉnh Nam Trung bộ: Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Gia Lai.

- Luận văn đưa ra các giải pháp để hoàn thiện báo cáo tài chính & quản trị tại các công ty xỏ số kiến thiết: Hệ thống báo cáo tài chính gồm 4 loại: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính cần phải được hoàn thiện để đáp ứng các yêu cầu thực tế mà công tác quản lý tài chính cũng như việc hoạch định chiến lược kinh doanh cho các công ty xỏ số kiến thiết đòi hỏi. Cụ thể:

+ Trước hết, phải hoàn thiện việc lập báo cáo tài chính của các công ty xỏ số kiến thiết: Tiến hành lập đúng, đủ 4 loại và gửi đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ Tài chính và Sở chủ quản quy định. Đồng thời phải sắp xếp, bố trí và bổ sung thêm các chỉ tiêu trên từng khoản mục của các báo cáo tài chính cho phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh. Sau đó tiến hành hoàn thiện việc phân tích các báo cáo tài chính trên cơ sở hoàn thiện và bổ sung các chỉ tiêu phân tích 4 loại báo cáo tài chính đó.

- Luận văn đã xây dựng một hệ thống báo cáo kế toán quản trị phù hợp với yêu cầu thực tiễn của các Công ty XSKT nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời cho các cấp quản lý điều hành Công ty đạt hiệu quả .

- Luận văn cũng đưa ra những điều kiện để cho các giải pháp đó mang tính khả thi về phía Nhà nước, ngành và bản thân mỗi công ty.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Historical album of lottery tickets (1939 – 1989) – The Government Lottery Office of Thailand
2. Josette Peyrard - 1999 - Phân tích tài chính doanh nghiệp - Nhà xuất bản Thống kê - Hà Nội.
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán - kiểm toán và hướng dẫn chi tiết thực hiện các luật thuế - Nhà xuất bản lao động xã hội.
4. Kế toán tài chính – 2006 – Bộ Tài chính.
5. Chuẩn mực kế toán Việt Nam hướng dẫn kế toán thực hiện 10 chuẩn mực kế toán (Đợt 4, đợt 5) – 2006 – Nhà xuất bản Tài chính – Hà Nội.
6. Tài liệu Hội thảo khoa học ‘Đóng góp cho dự thảo thông tư hướng dẫn áp dụng kế toán quản trị trong doanh nghiệp’ - Tháng 02/2006 - Trường Đại học Kinh Tế Tp Hồ Chí Minh – Khoa Kế toán - kiểm toán.
7. Nghị định 199/2004/NĐ-CP ngày 3 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về việc Ban hành qui chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.
8. Nguyễn Hải Sản – 2001 - Quản trị tài chính doanh nghiệp – Nhà xuất bản Thống kê – Tp Hồ Chí Minh.
9. Th.S Huỳnh Lợi, TS. Võ Văn Nhị - 2004 – Kế toán quản trị - Nhà xuất bản thống kê TP HCM.
10. Thông tư 77/2005/TT-BTC ngày 13 tháng 09 năm 2005 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với hoạt động kinh doanh xổ số của Công ty xổ số kiến thiết.

11. TS.Võ Văn Nhị, TS. Đoàn Ngọc Quế, ThS. Lý Thị Bích Châu - 2001 - Hướng dẫn lập, đọc, phân tích báo cáo tài chính và báo cáo kế toán quản trị - Nhà xuất bản Thống kê - TP HCM
12. “Chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp” ban hành theo Quyết định số 167/2000/QĐ-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
13. “Chế độ báo cáo tài chính doanh nghiệp” ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
14. Các thông tư, Quyết định của Bộ Tài chính có liên quan đến ngành xỏ số kiến thiết
15. Các báo cáo tài chính của công ty xỏ số kiến thiết khu vực Nam Trung bộ
16. Tạp chí Kế toán, Kiểm toán năm 2004, 2005, 2006.
17. Hệ thống kế toán doanh nghiệp xỏ số kiến thiết - 1997 - Hà Nội

PHỤ LỤC

Phụ lục I.1

Biểu 1: Bảng cân đối kế toán

Mẫu số B01 - DN

Sở Tài Chính Phú Yên
Công ty Xổ số kiến thiết

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.960.570.038	14.673.534.152
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		13.187.189.841	9.461.691.623
1.	Tiền	111	5	13.187.189.841	9.461.691.623
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.015.809.897	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	6	1.015.809.897	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.565.735.590	3.678.040.522
1.	Phải thu của khách hàng	131		48.241.908.127	3.226.934.184
2.	Trả trước cho người bán	132		16.940.000	13.940.000
5.	Các khoản phải thu khác	138	7	306.887.463	437.166.338
IV.	Hàng tồn kho	140		537.407.720	503.436.437
1.	Hàng tồn kho	141	8	537.407.720	503.436.437
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		1.654.426.990	1.030.365.570
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	417.130.728	361.789.177
3.	Tài sản ngắn hạn khác	158	10	1.237.296.262	668.576.393
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN			15.308.471.666	7.712.535.562
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		3.378.471.666	3.782.535.562
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	11	3.378.471.666	3.762.701.590
	- Nguyên giá	222		6.593.850.293	6.486.814.866
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.215.378.627)	(2.724.113.276)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	19.833.972
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		11.930.000.000	3.930.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	11.500.000.000	3.500.000.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	13	430.000.000	430.000.000
V.	Tài sản dài hạn khác	260		-	-

TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		80.269.041.704	22.386.069.714
TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
A.	Nợ phải trả	300		54.079.521.116	5.021.578.393
I.	Nợ ngắn hạn	310		52.686.759.010	3.555.009.967
2.	Phải trả cho người bán	312		181.000.000	6.057.442
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	5.390.778.911	1.465.691.133
5.	Phải trả người lao động	315		1.932.957.555	1.427.097.876
9.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	45.182.022.544	656.163.516
II.	Nợ dài hạn	330		1.392.762.106	1.466.568.426
3.	Phải trả dài hạn khác	333	16	1.142.568.900	1.233.591.800
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		250.193.206	232.976.626
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		26.189.520.588	17.364.491.321
I.	Vốn chủ sở hữu	410		25.411.738.431	16.261.823.825
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	21.327.590.816	13.220.555.389
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	17	3.499.848.488	2.456.969.309
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	17	584.299.127	584.299.127
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		777.782.157	1.102.667.496
1.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		777.782.157	1.102.667.496
2.	Nguồn kinh phí	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		430		80.269.041.704	22.386.069.714

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Phụ lục I.2

Biểu 2: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Sở Tài Chính Phú Yên
Công ty Xổ số kiến thiết

Mẫu số B02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006)

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	113.371.760.908	85.230.517.275
2.	Các khoản giảm trừ	02	18	14.787.620.989	11.463.709.367
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	18	98.584.139.919	73.766.807.908
4.	Giá vốn hàng bán	11	19	82.750.179.037	58.839.050.642
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC dịch vụ	20		15.833.960.882	14.927.757.266
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	315.232.509	341.247.215
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22		-	-
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		10.919.359.956	10.363.871.371
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.229.833.435	4.905.133.110
11.	Thu nhập khác	31		80.133.075	203.250.821
12.	Chi phí khác	32		-	-
13.	Lợi nhuận khác	40		80.133.075	203.250.821
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.309.966.510	5.108.383.931
15.	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	1.476.917.823	1.410.551.501
16.	Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế	60		3.833.048.687	3.697.832.430
	Giám đốc		Kế toán trưởng		Người lập

Phụ lục I.3**Biểu 3: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Sở Tài Chính Phú Yên

Mẫu số B03 - DN

Công ty Xổ số kiến thiết

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2006)**

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	106.247.522.057	77.781.508.244
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(7.921.656.718)	(6.742.268.275)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.960.226.321)	(3.485.586.614)
5.	Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(1.023.081.559)	(2.355.938.031)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.637.264.979	8.743.109.045
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(98.534.996.729)	(74.199.363.013)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.444.825.709	(258.538.644)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
2.	Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	700.000	5.550.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(80.000.000)
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.000.000.000)
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	279.972.509	270.547.215
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	280.672.509	(803.902.785)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	1.200.000.000
2.	Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	1.200.000.000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.725.498.218	137.558.571
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	9.461.691.623	9.324.133.052
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	13.187.189.841	9.461.691.623

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Phụ lục I.4

Biểu 4: Thuyết minh báo cáo tài chính

Sở Tài Chính Phú Yên

Mẫu số B09 - DN

Công ty Xổ số kiến thiết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2006)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Xổ số Kiến thiết Tỉnh Phú Yên (sau đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo quyết số 817/VB-QĐ ngày 25 tháng 09 năm 1992 của UBND Tỉnh Phú Yên. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động kinh doanh theo giấy đăng ký kinh doanh số 101606 ngày 07/10/1992 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên, Luật doanh nghiệp Nhà nước và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 339.500.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Các loại hình Xổ số Kiến thiết.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

3. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính, chế độ kế toán áp dụng cho các Doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết ban hành theo quyết định 298/167/2000/QĐ-BTC ngày 28/04/1997, các qui định về Bộ Tài chính.

- Hình thức kế
- Báo cáo tài
- mục và chế độ

4. Các chính sách kế

4.1. Nguyên tắc xác

tiền

4.2. Chính sách kế

hàng tồn kho

4.3. Nguyên tắc ghi

khoản phải thu thương mại và phải thu khác

4.4. Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên giá tài sản cố định giá được phản ánh theo giá gốc.
- Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

toán: Chứng từ ghi sổ.

chính được lập phù hợp với chuẩn kế toán Việt Nam.

toán áp dụng

định các khoản tiền và tương đương

toán đối với

nhận các

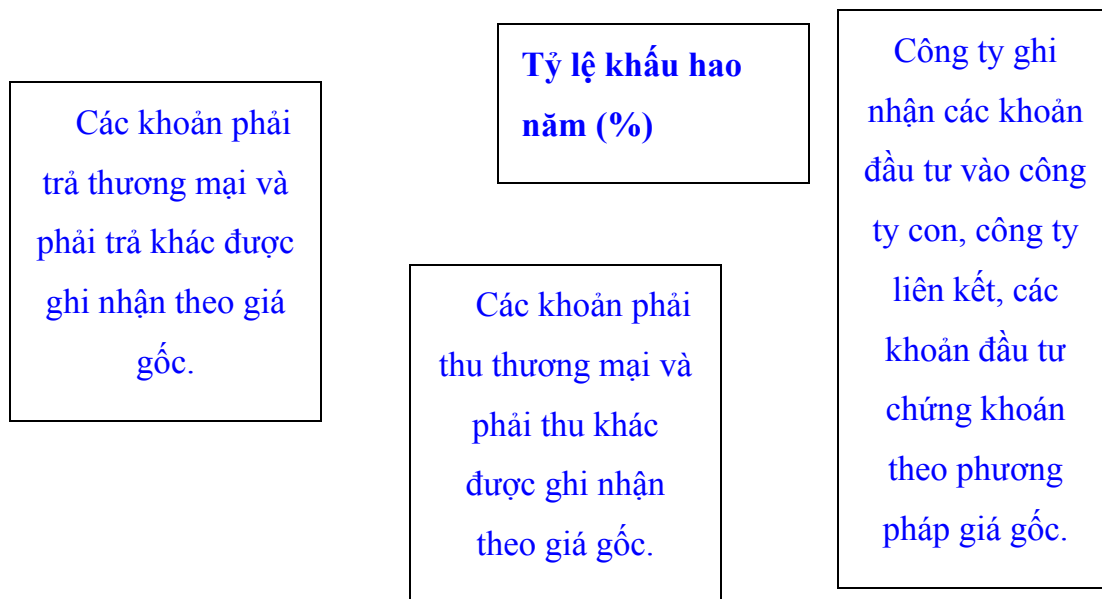
Sau đây là tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính:

❖ Nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 20
❖ Máy móc thiết bị	6 – 20
❖ Phương tiện vận tải	10 -20
❖ Thiết bị quản lý	10 – 20

4.5. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

4.6. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

4.7. Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm



Tiền bao gồm:
tiền mặt, tiền gửi
ngân hàng và tiền
đang chuyển.

Tất cả các
khoản đầu tư
ngắn hạn có
thời hạn thu hồi
hoặc đáo hạn
không quá 3
tháng kể từ
ngày mua, có
khả năng
chuyển đổi dễ
dàng thành một
lượng tiền xác
định và không
có nhiều rủi ro
trong chuyển
đổi thành tiền
kể từ ngày mua
khoản đầu tư
đều được ghi
nhận như khoản
tương đương
tiền.

Tài sản cố định
được phản ánh
theo nguyên giá
và khấu hao lũy
kế.

Hàng tồn kho
được ghi nhận
theo giá thấp
hơn giữa giá
gốc và giá trị
thuần có thể
thực hiện được.
Giá trị hàng tồn
kho cuối kỳ
được xác định
theo phương
pháp thực tế
đích danh và
hạch toán kế
toán theo
phương pháp kê
khai thường
xuyên.

4.8. Quỹ Tiền lương

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

4.10. Chính sách thuế

- Thuế suất thuế
- Thuế suất thuế
- Thuế suất thuế
- Các loại Thuế hiện hành.

4.11. Phân phối lợi

- Lợi nhuận sau không được trừ phí thực tế chi phí hợp lý,...
- Lợi nhuận còn
 - Trích lập
 - ✓ Trích chính 25% trích
 - ✓ Trích phát
 - Phân phối

Quỹ dự phòng
Tiền lương
Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng được xác định khi vé số phát hành đã được tiêu thụ trên thị trường.
Bộ Tài chính.
Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Thông tư số 77/2005/TT-BTC ngày 13 tháng 9 năm 2005 của Bộ tài chính cụ thể như sau:

Giá trị gia tăng: 10%

Tiêu thụ đặc biệt: 15%

Thu nhập doanh nghiệp: 28%.

khác và Lệ phí nộp theo quy định

nhuận sau thuế

thuế sau khi bù các khoản lỗ vào lợi nhuận trước thuế, các chi ra nhưng không được tính vào chi theo quy định.

lại

các quỹ:

10% quỹ Dự phòng tài (Khi số dư Quỹ này đến vốn điều lệ thì không nữa),

tối thiểu 30% quỹ Đầu tư triển.

các quỹ

- ✓ Trích 5% quỹ thưởng ban quản lý điều hành.
- ✓ Trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi (Mức tối đa không vượt quá 5 tháng lương thực hiện).
- Lợi nhuận còn lại nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
Tiền mặt tại quỹ	324.309.268	357.289.083
Tiền gửi ngân hàng	12.862.880.573	9.104.402.540
Cộng	<u>13.187.189.841</u>	<u>9.461.691.623</u>

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
<div style="border: 1px solid black; width: 150px; height: 30px; display: inline-block;"></div> Tiền gửi có kỳ hạn	1.015.809.897	-
Cộng	<u>1.015.809.897</u>	<u>-</u>

7. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
<div style="border: 1px solid black; width: 150px; height: 30px; display: inline-block;"></div> Phải thu cổ phần hóa	-	-

Các khoản phải thu khác	306.887.463	437.166.338
Cộng	<u>306.887.463</u>	<u>437.166.338</u>

8. Hàng tồn kho

	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	297.179
Vé Xổ số kiến thiết	-	78.976.670
Công cụ, dụng cụ	28.907.720	50.091.488
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	508.500.000	374.071.100
Cộng	<u>537.407.720</u>	<u>503.436.437</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
Chi phí tham quan học tập ở nước ngoài	162.658.000	-
Túi xách	200.451.201	-
Lịch	54.021.527	-
Chi phí chờ phân bổ khác	-	361.789.177
Cộng	<u>417.130.728</u>	<u>361.789.177</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
Tạm ứng	1.237.296.262	668.576.393
Cộng	<u>1.237.296.262</u>	<u>668.576.393</u>

11. Tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
VND	VND	VND	VND	VND

Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.192.901.856	1.155.686.818	1.708.119.416	430.106.776	6.486.814.866
Tăng trong năm	19.833.972	87.201.455		-	107.035.427
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.212.735.828	1.242.888.273	1.708.119.416	430.106.776	6.593.850.293

11. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND

Khấu hao

Số dư đầu năm	759.755.966	790.484.809	936.461.770	237.410.731	2.724.113.276
Tăng trong năm	180.565.942	138.868.473	117.854.736	53.976.200	491.265.351
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	940.321.908	929.353.282	1.054.316.506	291.386.931	3.215.378.627
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.433.145.890	365.202.009	771.657.646	192.696.045	3.762.701.590
Số cuối kỳ	2.272.413.920	313.534.991	653.802.910	138.719.845	3.378.471.666

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
Đầu tư vào Công ty Du lịch Sài Gòn- Phú Yên	11.500.000.000	3.500.000.000
Cộng	11.500.000.000	3.500.000.000

13. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
Công trái Trái phiếu	430.000.000	430.000.000
Cộng	430.000.000	430.000.000

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
Thuế GTGT	770.642.017	71.132.703

Thuế Tiêu thụ đặc biệt	1.096.466.087	824.817.391
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.186.673.332	339.221.691
Thuế Thu nhập cá nhân	114.862.119	143.004.023
Thuế Thu nhập người trúng thưởng	999.900.000	34.650.000
Thuế Thu nhập doanh nghiệp của Đại lý	222.235.356	52.865.325

Cộng	<u>5.390.778.911</u>	<u>1.465.691.133</u>
-------------	-----------------------------	-----------------------------

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Kinh phí Công đoàn	13.983.970	4.286.820
Bảo hiểm Xã hội	3.400.000	3.000.000
Giá trị vé xổ số phát hành	45.000.000.000	253.788.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	164.638.574	395.088.696
Cộng	<u>45.182.022.544</u>	<u>656.163.516</u>

16. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2006	31/12/2005
	VND	VND
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	1.142.568.900	1.233.591.800
Cộng	<u>1.142.568.900</u>	<u>1.233.591.800</u>

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
----------------	----------------------------------	---------------------------------------	--

17.1. Bảng đối chiếu biến động vốn của chủ sở hữu
--

	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 1/1/2005	11.855.535.751	1.692.646.071	584.299.127	-
Tăng trong năm	1.365.019.638	929.342.876	-	3.697.832.430
Giảm trong năm	-	165.019.638	-	3.697.832.430
Số dư tại ngày 31/12/2005	13.220.555.389	2.456.969.309	584.299.127	-
Số dư tại ngày 1/1/2006	13.220.555.389	2.456.969.309	584.299.127	-
Tăng trong năm	8.107.035.427	1.149.914.606	-	3.833.048.687
Giảm trong năm	-	107.035.427	-	3.833.048.687
Số dư tại ngày 31/12/2006	21.327.590.816	3.499.848.488	584.299.127	-

17.2. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2006 VND	31/12/2005 VND
Vốn Nhà nước	21.327.590.816	13.220.555.389
Vốn khác	-	-
Cộng	21.327.590.816	13.220.555.389

17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	13.220.555.389	11.855.535.751
+ Vốn góp tăng trong năm	8.107.035.427	1.365.019.638
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	21.327.590.816	13.220.555.389
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.833.048.687	3.697.832.430

18. Doanh thu

Năm 2006 Năm 2005

	VND	VND
Tổng doanh thu	113.371.760.908	85.230.517.275
Doanh thu bán hàng	-	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	113.371.760.908	85.230.517.275
Các khoản giảm trừ doanh thu	14.787.620.989	11.463.709.367
Thuế tiêu thụ đặc biệt	14.787.620.989	11.117.023.991
Giảm giá hàng bán	-	346.685.376
Doanh thu thuần	<u>98.584.139.919</u>	<u>73.766.807.908</u>

19. Giá vốn hàng bán

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	-
Giá vốn của hàng hóa đã bán	82.750.179.037	58.839.050.642
Cộng	<u>82.750.179.037</u>	<u>58.839.050.642</u>

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	279.972.509	270.547.215
Lãi trái phiếu, cổ phiếu, tín phiếu	35.260.000	70.700.000
Cộng	<u>315.232.509</u>	<u>341.247.215</u>

21. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2006 VND	Năm 2005 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.309.966.510	5.108.383.931
Các khoản điều chỉnh để xác định thu nhập chịu thuế	(35.260.000)	(70.700.000)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (Lãi công trái)</i>	35.260.000	70.700.000
Tổng thu nhập chịu thuế	5.274.706.510	5.037.683.931

**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
(28%)**

1.476.917.823

1.410.551.501

22. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31/12/2005 do Công ty lập. Số liệu này có sự sắp xếp lại theo các chỉ tiêu của mẫu báo cáo tài chính quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ tài chính.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Phụ lục I.5

Biểu 5: Tình hình tăng giảm tài sản cố định

Sở Tài Chính Phú Yên

Công ty Xổ số kiến thiết

TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Năm 200.....

CHỈ TIÊU	TỔNG CỘNG
I. NGUYÊN GIÁ TSCĐ 1. Số dư đầu kỳ 2. Số tăng trong kỳ Trong đó: Mua sắm. xây dựng mới Điều động nội bộ 3. Số giảm trong kỳ 4. Số dư trong kỳ Trong đó: Chưa sử dụng Đã khấu hao hết Chờ thanh lý II. GIÁ TRỊ ĐÃ HAO MÒN 1. Đầu kỳ 2. Tăng trong kỳ Trong đó: Trích khấu hao 3. Giảm trong kỳ 4. Số dư cuối kỳ III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI 1. Đầu kỳ 2. Cuối kỳ	

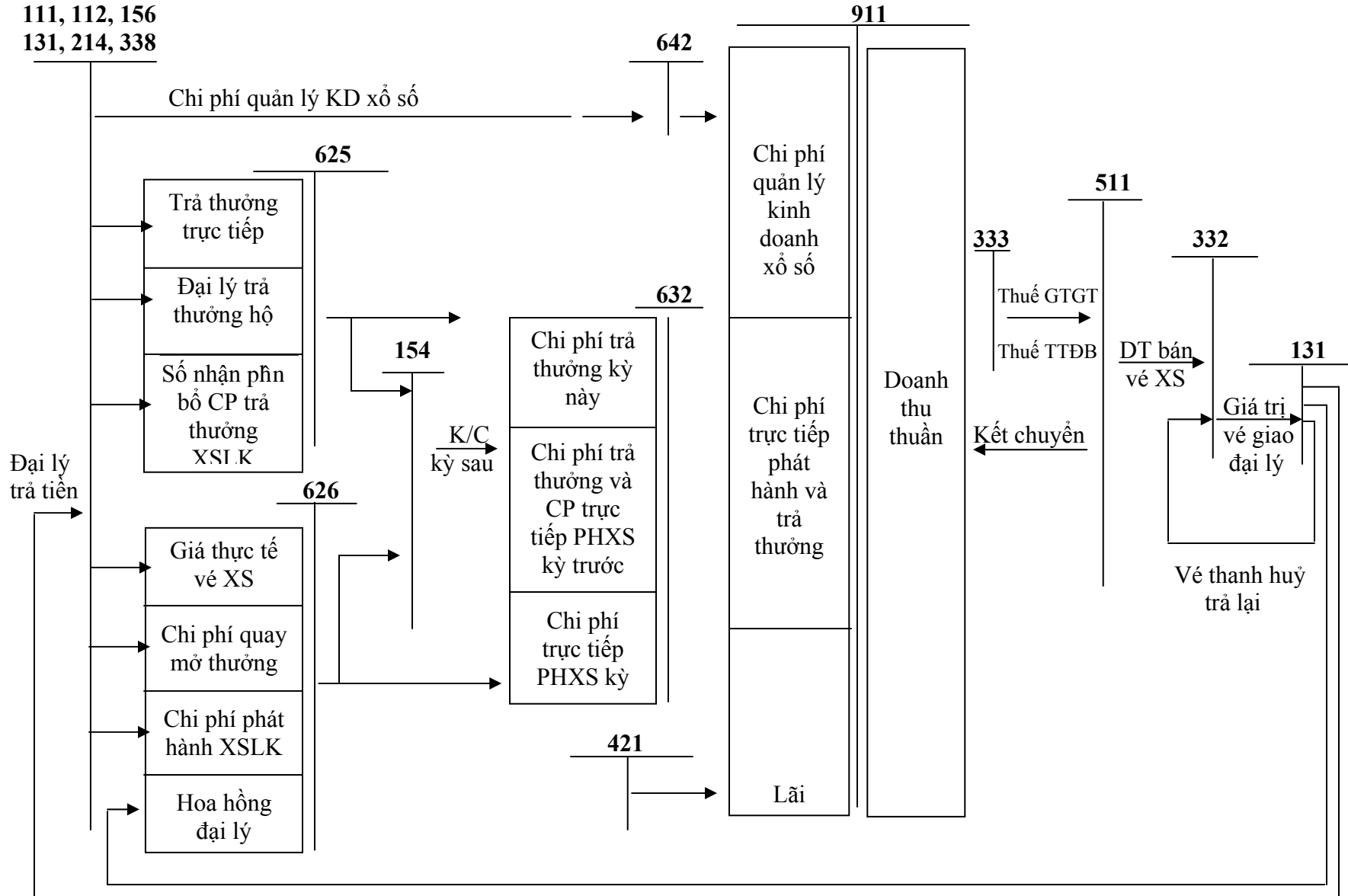
Kế toán trưởng

Người lập

Phụ lục I.6

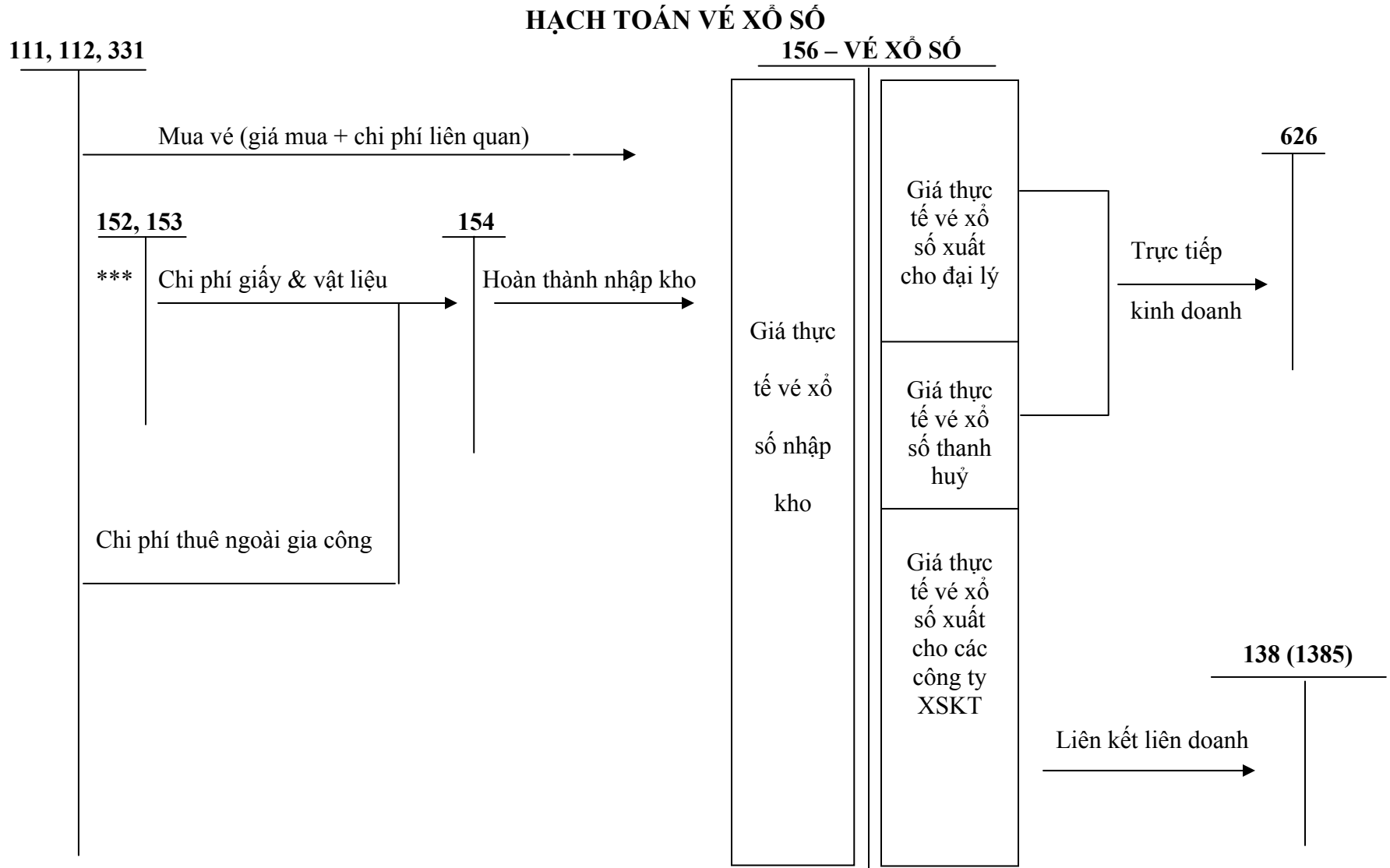
Biểu 6: Hạch toán tổng hợp hoạt động kinh doanh xổ số

HẠCH TOÁN TỔNG HỢP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XỔ SỐ
(Ở Công ty xổ số)



Phụ lục I.7

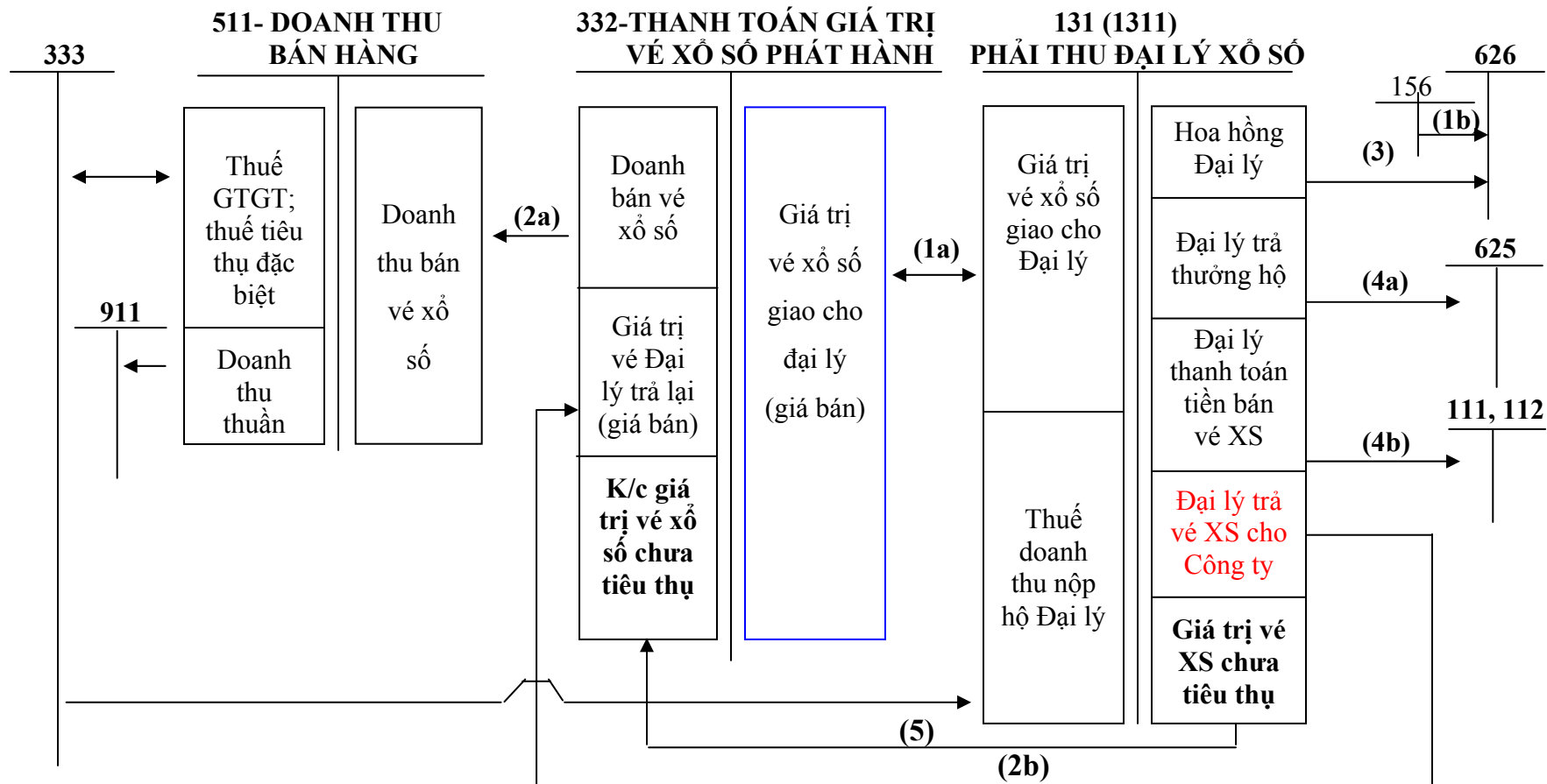
Biểu 7: Hạch toán vé xổ số



Phụ lục I.8

Biểu 8: Hạch toán thanh toán với đại lý xổ số và doanh thu bán vé xổ số

HẠCH TOÁN THANH TOÁN VỚI ĐẠI LÝ XỔ SỐ VÀ DOANH THU BÁN VÉ XỔ SỐ



- (1a) Giao vé XS cho đại lý theo giá bán;
- (2a) Doanh thu bán vé;
- (3) Hoa hồng phải trả cho đại lý;
- (4a) Đại lý trả thưởng hộ;
- (5) Kết chuyển giá trị vé XS chưa tiêu thụ

- (1b) Giao vé XS cho đại lý theo giá thực tế;
- (2b) Giá trị vé XS các đại lý trả lại do không bán hết;
- (4b) Đại lý thanh toán tiền bán vé số;

Phụ lục I.9

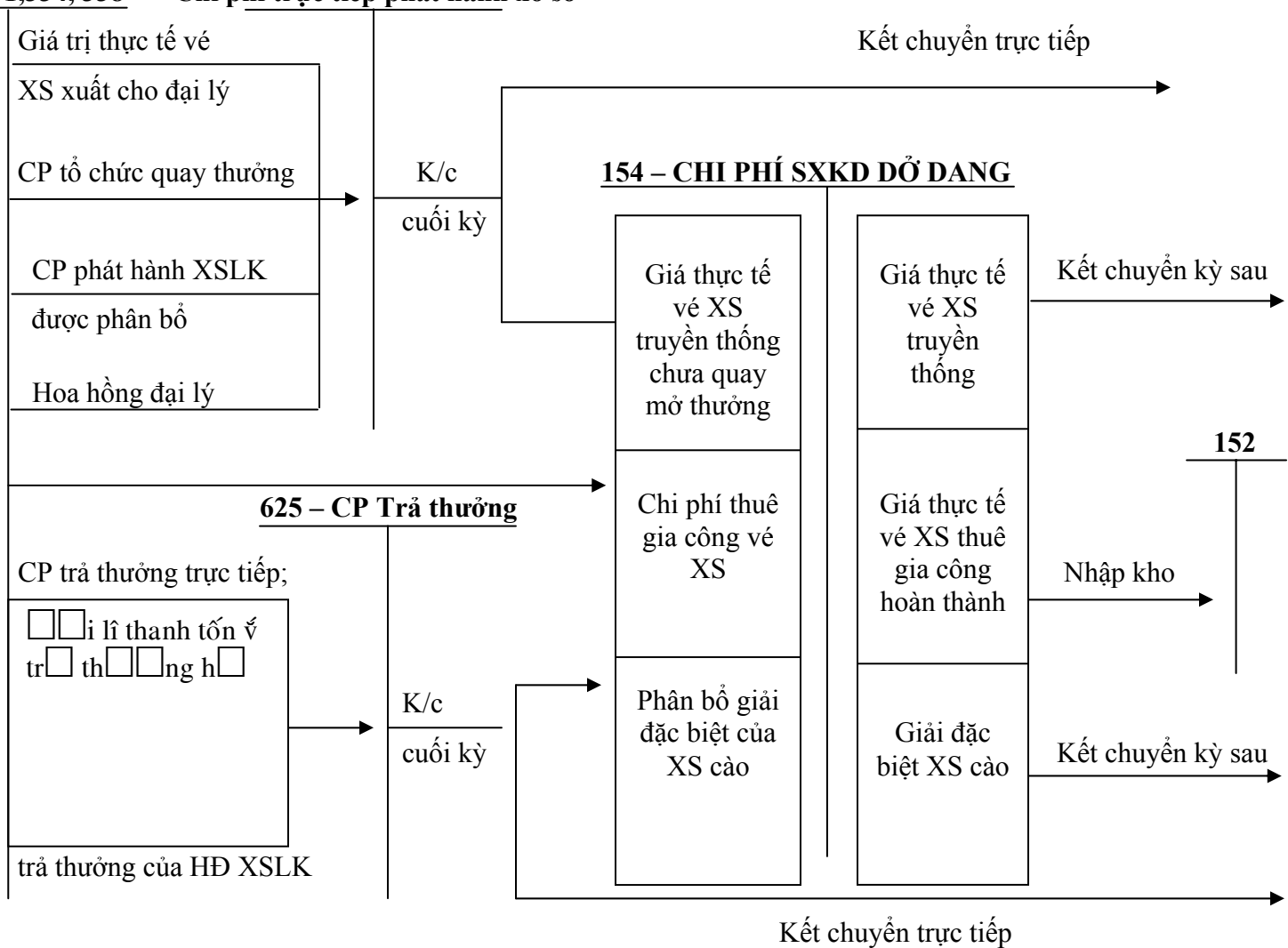
Biểu 9: Hạch toán chi phí SXKD dở dang hoạt động xổ số

HẠCH TOÁN CHI PHÍ SXKD DỒ DANG HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ

111, 112, 156, 214,
131, 331, 334, 338

626
Chi phí trực tiếp phát hành xổ số

632 – Giá vốn hàng bán



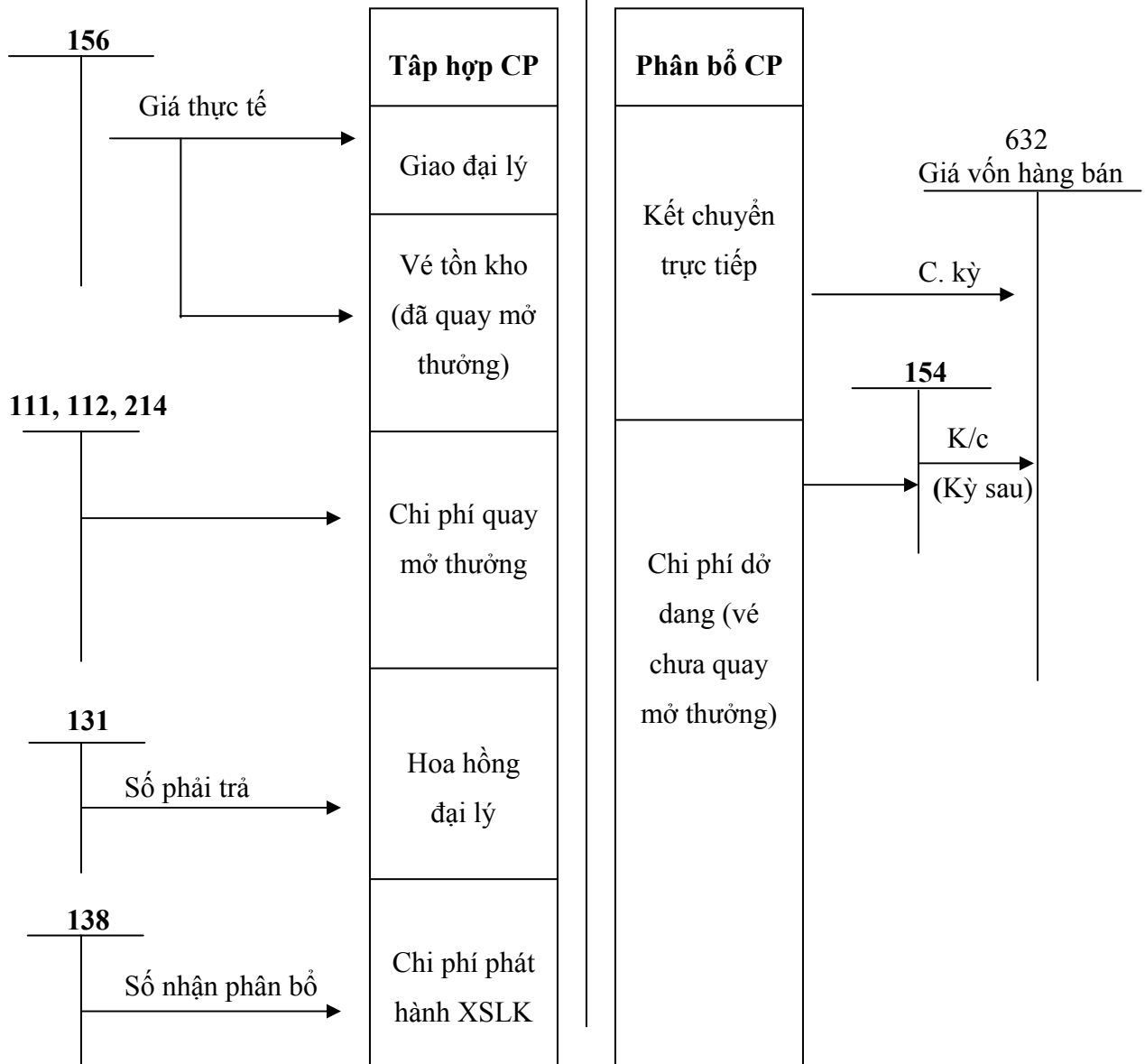
Phụ lục I.10

Biểu 10: Biểu chi phí trực tiếp phát hành xổ số

HẠCH TOÁN CHI PHÍ TRỰC TIẾP PHÁT HÀNH XỔ SỐ

626

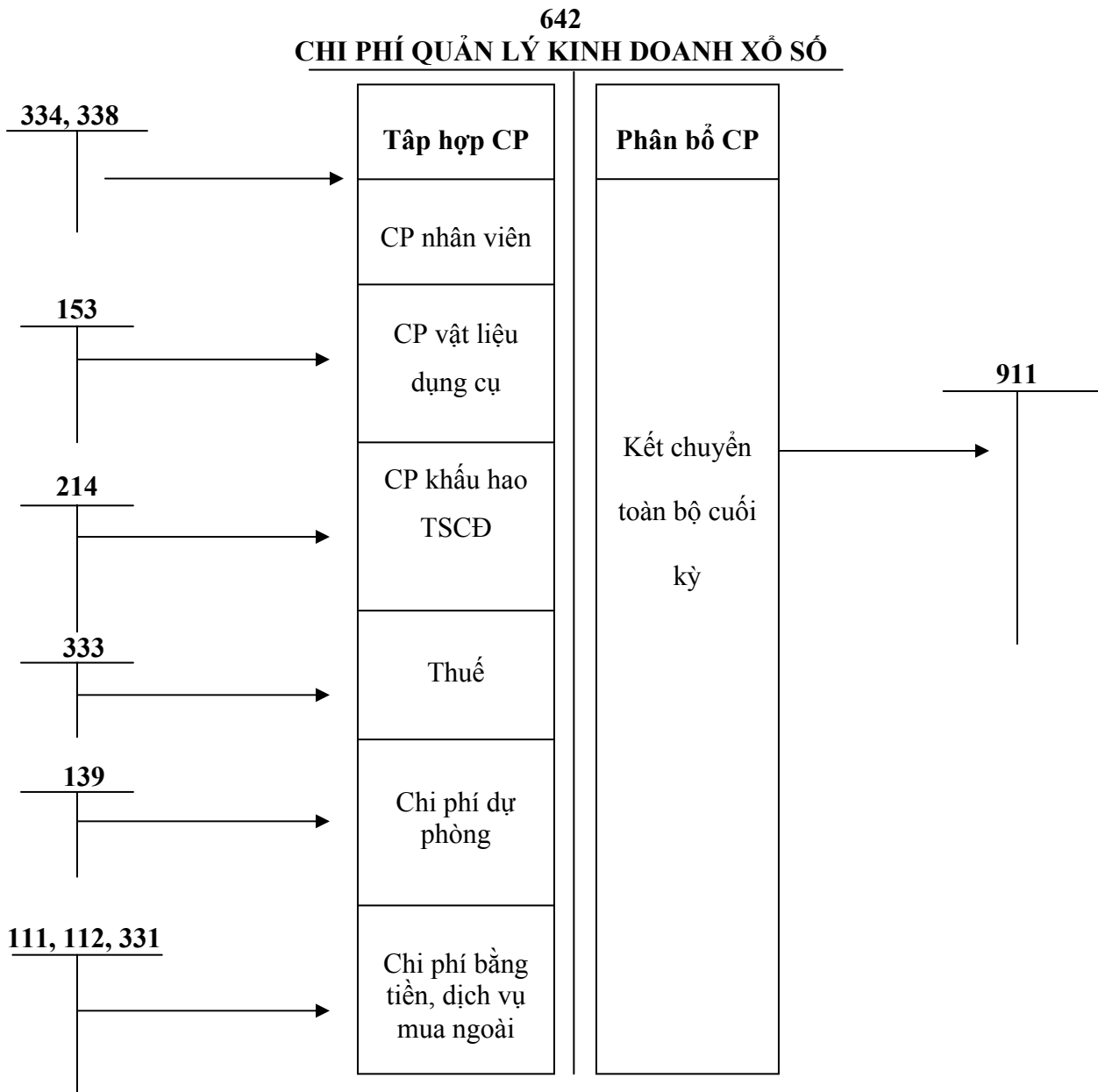
CHI PHÍ TRỰC TIẾP PHÁT HÀNH XỔ SỐ



Phụ lục I.11

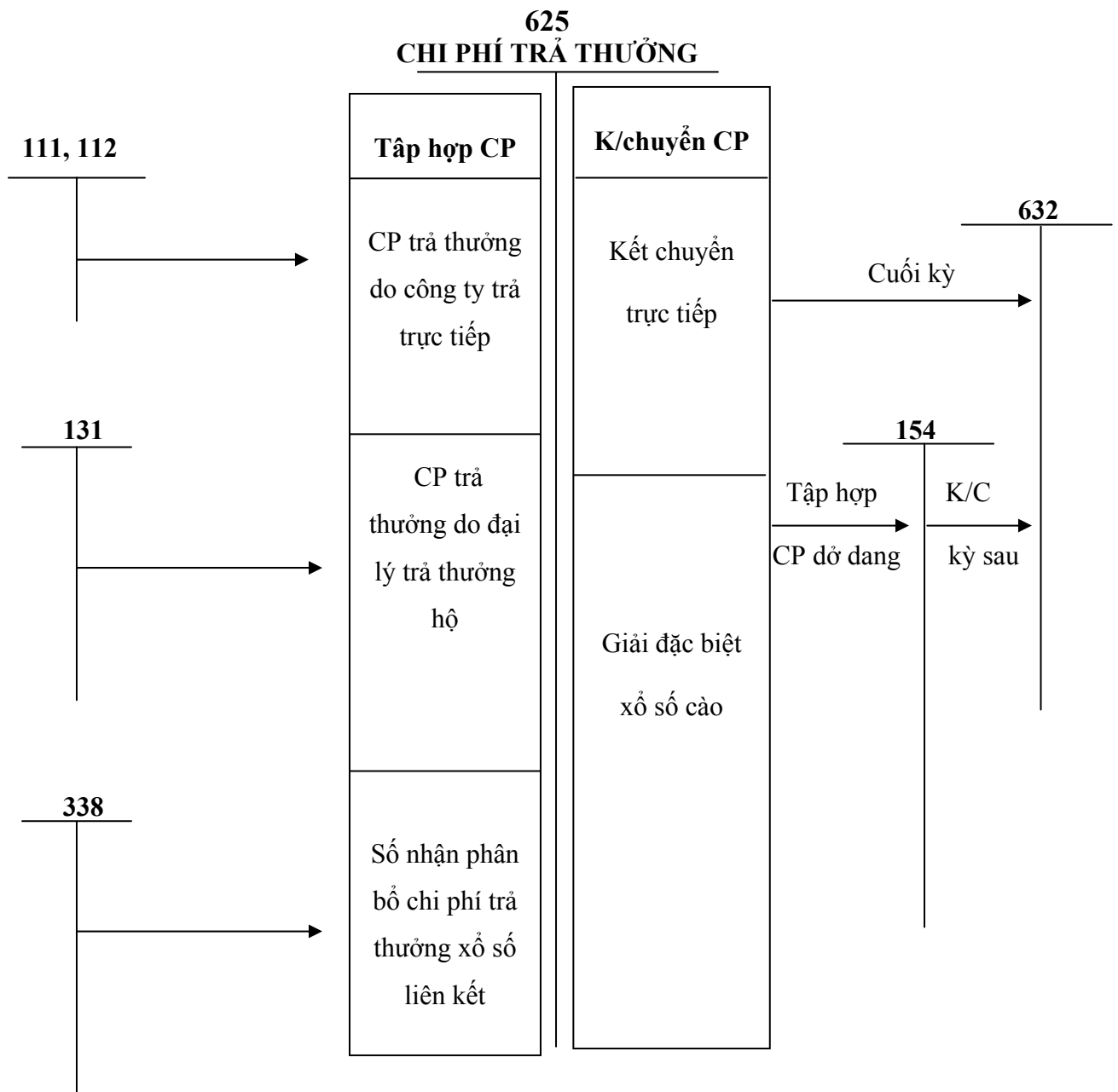
Biểu 11: Chi phí quản lý kinh doanh xố số

HẠCH TOÁN CHI PHÍ QUẢN LÝ KINH DOANH XỐ SỐ



Phụ lục I.12
Biểu 12: Biểu chi phí trả thưởng

HẠCH TOÁN CHI PHÍ TRẢ THƯỞNG
(Ở các công ty xổ số)



Phụ lục II.13

Biểu 13: Kế hoạch tài chính

Sở Tài Chính Phú Yên
Công ty Xổ số kiến thiết

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Năm.....

S T T	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM BÁO CÁO		NĂM KẾ HOẠCH
			Kế hoạch	Ước thực hiện	
1	Tổng vốn Nhà nước tại DN	Tr.đ			
2	Hệ số nợ/vốn Nhà nước				
3	Tổng doanh thu	Tr.đ			
	Vé số kiến thiết	Tr.đ			
	Vé cào	Tr.đ			
	Vé bóc	Tr.đ			
				
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế thu nhập DN	Tr.đ			
	Vé số kiến thiết	Tr.đ			
	Vé cào	Tr.đ			
	Vé bóc	Tr.đ			
				
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn Nhà nước	%			
6	Mức trích khấu hao TSCĐ	Tr.đ			
7	Khả năng thanh toán nợ đến hạn Thu nhập bình quân người/năm				
8	Tổng số thuế và các khoản khác	Tr.đ			
9	phát sinh phải nộp NSNN	Tr.đ			
10	Tổng mức vốn đầu tư XD CB	Tr.đ			

Phụ lục I.14

Biểu 14a: Kế hoạch tiêu thụ

Sở Tài Chính Phú Yên
Công ty Xổ số kiến thiết

KẾ HOẠCH TIÊU THỤ

Năm.....

	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ	TIÊU THỤ										GHI CHÚ
				QUÝ I		QUÝ 2		QUÝ 3		QUÝ 4		CẢ NĂM		
				SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT	SK	TT	
1	Vé xổ số kiến thiết													
2	Vé xổ số cào													
3	Vé xổ số bốc													
													
													
	TỔNG													

Biểu 14b: Kế hoạch tiêu thụ từng VPĐD

Sở Tài Chính Phú Yên
Công ty Xổ số kiến thiết

KẾ HOẠCH TIÊU THỤ TỪNG VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Năm.....

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ	TIÊU THỤ - KỲ.....											
				C.TY		VPĐD ĐN		VPĐD BD		VPĐD KH		VPĐD GL		VPĐD ĐL	
				SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT	SK	TT	SL	TT
1	Vé xổ số kiến thiết														
2	Vé xổ số cáo														
3	Vé xổ số bóc														
														
														
	TỔNG														

Phụ lục II.1

Biểu 15: Dự toán tiêu thụ chi tiết

Sở Tài Chính Phú Yên
 Công ty Xổ số kiến thiết

DỰ TOÁN TIÊU THỤ CHI TIẾT

Năm.....

ST T	TÊN SẢN PHẨM	ĐVT	ĐƠN GIÁ	TIÊU THỤ - KỲ.....											
				C.TY		VPĐD ĐN		VPĐD BD		VPĐD KH		VPĐD GL		VPĐD ĐL	
				SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
1	Vé xổ số kiến thiết														
2	Vé xổ số cáo														
3	Vé xổ số bóc														
														
														
	TỔNG														

Phụ lục II.2**Biểu 16a: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Sở Tài Chính Phú Yên

Công ty Xổ số kiến thiết**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tháng.....Quý.....Năm.....

PHẦN I –DOANH THU

Đơn vị tính.....đ

Chỉ tiêu	Vèù soá Kieán thieát			Vèù soá Tõï choïn			Tõng cõng			
	Kỳ trước	Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này			Kỳ trước	Kỳ này	
		KH	TH		KH	TH				KH	TH
A	1	2	3	4	5	6	
1. Doanh thu											
2. Các khoản giảm trừ - Chiết khấu TM - Giảm giá hàng bán - Hàng bán bị trả lại - Thuế TTĐB, Thuế XK, thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)											
3. Doanh thu thuần											

PHẦN II – CHI PHÍ

Chỉ tiêu	Vèù soá Kieán thieát			Vèù soá Tõï choïn			Tõng cõng			
	Kỳ trước	Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này			Kỳ trước	Kỳ này	
		KH	TH		KH	TH				KH	TH
A	1	2	3	4	5	6	
1. Giá vốn hàng bán											
2. Chi phí bán hàng phân bổ											
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ											
Tổng cộng chi phí											

PHẦN III – XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ

Chỉ tiêu	Vèù soá Kieán thieát			Vèù soá Tõï choïn			Tõng cõng			
	Kỳ trước	Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này			Kỳ trước	Kỳ này	
		KH	TH		KH	TH				KH	TH
A	1	2	3	4	5	6	
1. Lãi gộp trước thuế											

2. Chi phí thuế TNDN										
3. Lợi nhuận sau thuế										

PHẦN IV - Ý KIẾN

- + Nhận xét, đánh giá tình hình và nguyên nhân:.....
- + Kiến nghị biện pháp:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Biểu 16b: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanhSở Tài Chính Phú Yên
Công ty Xổ số kiến thiết**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tháng.....Quý.....Năm.....

Đơn vị tính:.....

Chỉ tiêu	Về số kiến thiết			Về số tự chọn			Tổng cộng toàn DN			Ý kiến	
	Kỳ trước	Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này			Kỳ trước	Kỳ này		Nhận xét nguyên nhân	Kiến nghị biện pháp
		KH	TH		KH	TH			KH	TH		
A	1	2	3	4	5	6	
1. Doanh thu Các khoản giảm trừ doanh thu - Chiết khấu TM - Giảm giá hàng bán - Hàng bán bị trả lại - Thuế TTĐB, thuế NX, thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)												
2. Doanh thu thuần Trừ chi phí khả biến - Chi phí khả biến của hàng bán - Chi phí khả biến khác												
3. Số chênh lệch giữa doanh thu thuần và chi phí khả biến trừ chi phí bất biến thuộc sản phẩm, bộ phận...												
4. Số chênh lệch của sản phẩm (bộ phận, lĩnh vực) - Trừ chi phí bất biến chung toàn doanh nghiệp phân bổ												
5. Thu nhập thuần trước thuế TNDN												
6. Chi phí thuế TNDN												
7. Thu nhập thuần sau thuế TNDN												

Kế toán trưởng

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập

Phụ lục II.3**Biểu 17: Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh**

Sở Tài Chính Phú Yên
 Công ty Xổ số kiến thiết

Mẫu số 01/BCXS

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tháng.....Năm.....

ST T	DIỄN GIẢI	THỰC HIỆN TRONG THÁNG						
		Tổng số	XST T	XS lô tô	XS Cào	XS Bóc	XS điện toán	XS khác
1	2	3=4+5+6+7+8+9	4	5	6	7	8	9
1	Vé số phát hành							
1.1	Số lượng							
1.2	Giá trị phát hành							
2	Vé số tiêu thụ							
2.1	Số lượng							
2.2	Doanh thu có thuế							
3	Chi phí							
3.1	Trả thưởng							
3.2	Hoa hồng đại lý							
3.3	Hỗ trợ đại lý							
3.4	Chi phí khác							
4	Thuế phải nộp							
4.1	Thuế GTGT							
4.2	Thuế TTĐB							
4.3	Thuế thu nhập đại lý							
4.4	Thuế TNDN							
5	Thuế đã nộp							
5.1	Thuế GTGT							
5.2	Thuế TTĐB							
5.3	Thuế thu nhập đại lý							
5.4	Thuế TNDN							
6	Kết quả kinh doanh (Tạm tính)							
6.1	Lãi							
6.2	Lỗ							

Ngày....tháng.....năm

Lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục II.4

Biểu 18: Báo cáo tổng hợp tình hình phát hành và tiêu thụ, công nợ của từng bộ vé

Sở Tài Chính Phú Yên
Công ty Xổ số kiến thiết

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH PHÁT HÀNH VÀ TIÊU THỤ, CÔNG NỢ CỦA TỪNG BỘ VÉ

STT	Bộ vé	Loại vé	Vé phát hành	Doanh Số	Vé trả lại	Vé tiêu thụ	Doanh thu	Hoa hồng	Chi hỗ trợ	Thuế HH	Thuế GTGT	Thuế TTĐB	Số tiền PTT	Số tiền ĐTT	Còn nợ

Kế toán trưởng

Ngày....tháng.....năm
Lập biểu

Phụ lục II.6**Biểu 19: Sổ chi tiết thanh toán tiền bán vé xổ số với đại lý**

Sở Tài Chính Phú Yên
Công ty Xổ số kiến thiết

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN TIỀN BÁN VÉ XỔ SỐ VỚI ĐẠI LÝ
(Dùng cho TK 131)

Họ và tên đại lý:.....

Địa chỉ:.....

Số đăng ký:.....

Hình thức thanh toán:.....

CHỨNG TỪ		Diễn giải (loại vé, ký hiệu, ngày mở thưởng)	Số lượng			Đơn giá bán	TK đối ứng	SỐ TIỀN				
Số hiệu	Ngày tháng		Vé nhận	Vé trả lại	Vé đã bán			Ghi nợ TK 131	Tổng số	Ghi có TK 131		
										Hoa hồng	Vé trả lại	Trả bằng tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9 = 4x7	10	11	12=5x7	13
		1/ Số dư đầu kỳ 2/ Số PS trong kỳ										
		Cộng số phát sinh 3/ Số dư cuối kỳ										

Người ghi sổ

Ngày.....tháng.....năm 200...

Kế toán trưởng

